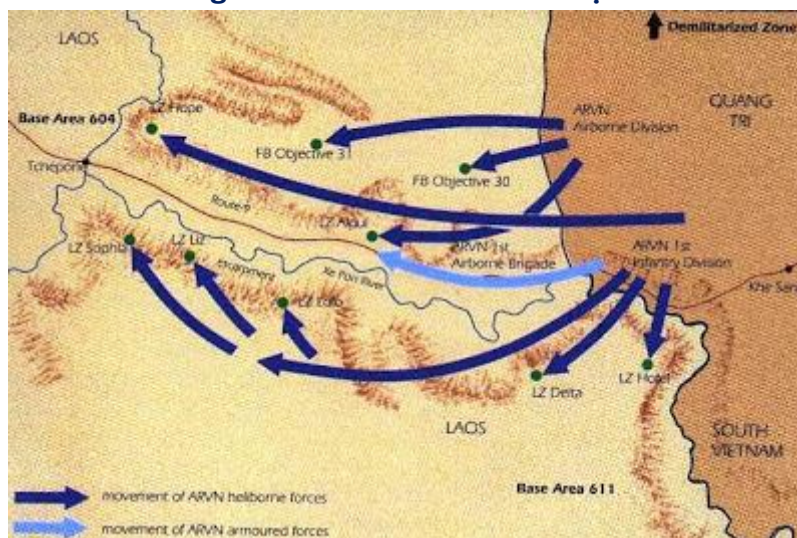


TỬ CHIẾN HẠ LÀO 1971

Bùi Anh Trinh

(Trích Giải Mã Những Bí Ẩn Của Chiến Tranh Việt Nam – 12 tiết mục)



Ngày 31-3-1971, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu tới Đông Hà trao huân chương cho binh sĩ VNCH tham gia Chiến dịch Lam Sơn 719

Tình hình chung

Những tính toán chiến lược

Hồi ký của tướng Westmoreland, Tư lệnh quân đội Mỹ và đồng minh tại Việt Nam cho biết Nam Việt Nam có đường biên giới phía Tây dài gần 1.500 cây số. So với tuyến phòng thủ của Nam Hàn thì tại vĩ tuyến 38 chỉ có 200 cây số nhưng cần tới 1 triệu quân Hàn – Mỹ, nên Westmoreland cho rằng muốn lập một tuyến phòng thủ dọc theo biên giới phía Tây của Nam Việt Nam thì cần phải có nhiều triệu quân. Điều này không thể nào làm được.

Vi vậy Tướng Westmoreland mơ ước có một tuyến phòng thủ chạy dọc theo phía Nam vĩ tuyến 17, từ bờ biển Đông Hà đến vùng Hạ Lào, cắt ngang con đường mòn HCM. Tuyến phòng thủ này chỉ cần khoảng 1 quân đoàn (40.000 quân). Đến năm 1968 thì Westmoreland định cho thi hành kế hoạch này nhưng trận Mậu Thân đã khiến Tổng thống Johnson thụt lại vì ngại mang tiếng mở rộng chiến tranh, phá vỡ hòa đàm.

Và rồi Westmoreland phải rời Việt Nam sau trận Mậu Thân. Kể từ lúc đó con tàu của nước Mỹ quay sang hướng hòa đàm để rút quân về cho nên kế hoạch cắt đường mòn HCM đành treo lại. Cho đến tháng 7 năm 1969 Nixon phát hiện ra vũ khí của Bắc Việt đã tuồn vào Nam bằng ngã Sihanoukville. Ông hỗ trợ cho Lon Nol lật đổ Sihanouk vào tháng 4 năm 1970 và cho liên quân Việt – Mỹ tràn sang Cam Bốt quét sách căn cứ địa của quân CSVN.

Quân VNCH tiến sang Cam Bốt như chẻ tre khiến cho Tư lệnh quân Mỹ tại VN là tướng Abrams đã nhận xét về khả năng chỉ huy hành quân của các sĩ quan cao cấp VNCH như sau :

“Khi bàn về cuộc hành quân đánh qua Cam Bốt 1970, Abrams tuyên bố với các sĩ quan tham mưu là Tướng Nguyễn Viết Thanh soạn thảo và hành quân nhanh đến độ ông làm cho các đơn vị Hoa Kỳ đang hành quân tham dự chung có cảm tưởng cánh quân của họ chậm như những con voi” (Nguyễn Kỳ Phong, Vũng Lầy của Bạch Ốc, ghi chú trang 453, trích từ “Abrams Tapes” của Sorley).

Ý Abrams muốn nói các sĩ quan Mỹ nên học hỏi nơi các sĩ quan VN về kỹ năng chỉ huy hành quân. Tuy nhiên các nhà phê bình chiến lược của Mỹ lại không biết như vậy; họ cho rằng cuộc hành quân sang Cam Bốt là chiến thắng của quân đội Mỹ. Và họ nghĩ đánh trận địa chiến với cấp sư đoàn, quân đoàn thì đương nhiên quân Mỹ phải thắng dễ dàng. Thậm chí có nhiều nhà báo đã mạnh dạn hỏi Tướng Abrams rằng sao không tiến sang Lào để cắt đường mòn HCM?

Lời bàn rõ như ban ngày của các ông thầy dùi khiến cho Kissinger không thể để cho người ta nghĩ rằng Washington chậm tay, ông xúi Nixon cho đánh sang Lào bằng quân Việt Nam và máy bay Mỹ.

Các kế hoạch hành quân sang Lào có trước đó :

Mới đầu, vào năm 1966 kế hoạch tấn công sang Lào để khóa đường mòn HCM là sáng kiến của Tướng Kinnard, Tư lệnh Sư đoàn 1 Không vận Mỹ. Ông đã nêu ý kiến này với Tướng Johnson là Tham mưu trưởng Lục quân Mỹ và được Johnson hết mình hỗ trợ. Sau đó Tướng Westmoreland, Tư lệnh quân đội Đồng minh tại Việt Nam, nhờ Tướng Kinnard soạn thảo kế hoạch chi tiết với sự trợ giúp của Đại tá Athur D.Simons, người đã từng chỉ huy hoạt động tình báo của CIA tại Lào.

Kế hoạch của Kinnard (1967) : sử dụng 4 sư đoàn (khoảng 40.000 người)

Sư đoàn Dù 101 của Mỹ sẽ đổ xuống cao nguyên Boloven thuộc vùng cực Nam của nước Lào, sau đó tiến theo hướng Bắc để tới thành phố Savana, rồi tạt sang hướng Tây Bắc để đến thành phố Savannakhet nằm bên bờ sông Mekong. Savannakhet cũng là nơi cuối cùng của Quốc lộ 9, chạy từ Quảng Trị tới sông Mekong, là biên giới Thái-Lào. Như vậy lộ trình hành quân của Sư đoàn Dù Mỹ khoảng 270 cây số.

Trong khi đó Sư đoàn 3 TQLC/ Mỹ sẽ từ Quảng Trị, theo Quốc lộ 9 tiến thẳng đến Tchépone là nơi Quốc lộ 9 gặp đường mòn HCM. Sau đó SĐ3/TQLC/ Mỹ sẽ tiến đến Savanakhet. Lộ trình hành quân của Sư đoàn 3 TQLC cũng khoảng 270 cây số.

Sư đoàn 4 Bộ binh Mỹ từ Pleiku sẽ di chuyển về hướng Tây để gặp Liên tỉnh lộ 913 của Lào, rồi chuyển sang hướng Bắc để đến thành phố Tchépone và gặp Sư đoàn 1 Bộ binh VNCH. Rồi cả hai sư đoàn sẽ để lại một bộ phận để trấn giữ Tchépone về lâu về dài. Lộ trình hành quân khoảng 400 cây số.

Sư đoàn 1 Bộ Binh VNCH sẽ tiến từ A Shao (Biên giới Việt Lào, phía Nam Quốc lộ 9) tiến theo hướng Tây Bắc đến Tchepone để gặp Sư đoàn 4 Bộ binh Mỹ. Lộ trình hành quân khoảng 150 cây số.

Nhìn vào kế hoạch trên đây thì thấy Tướng Kinnard và Westmoreland đặt giả định là quân CSVN trên đất Lào không đáng kể (Không có quân số cỡ sư đoàn, thậm chí không tới cấp trung đoàn). Sư đoàn 101 ND và sư đoàn 3 TQLC hành quân 270 cây số như đi diễn tập chứ không tính tới chuyện gặp sự kháng cự của địch. Khu vực di chuyển của 4 sư đoàn tạo ra một vết càn quét hầu như kiểm soát toàn bộ vùng Hạ Lào mà không hề chú trọng tới mức kháng cự của địch tại khu vực hành quân.

Sở dĩ MACV đánh giá không có địch trong khu vực hành quân bởi vì thuở đó các đơn vị trinh sát của Mỹ và VNCH thường xuyên hoạt động ngày đêm trên đất Lào, hễ những toán này về thì có những toán khác thay thế. Ngoài ra các đơn vị Dân sự chiến đấu của Lào do CIA chỉ huy và tài trợ đang làm chủ tình hình tại vùng Hạ Lào. Cho nên cuộc hành quân đặt trên căn bản là quân CSVN chỉ tập trung cao lắm là cỡ tiểu đoàn cơ động địa phương.(Mỗi tiểu đoàn khoảng 500 người).

Kế hoạch được đại sứ Bunker chuyển về Washington nhưng không được thi hành bởi vì theo Tướng Westmoreland : “Tổng thống Johnson bị áp lực của các nhà phản chiến bao vây chặt khiến ông không muốn có thêm hành động nào mới để khỏi bị cho là mở rộng chiến cuộc như ông đã hứa với dân chúng...” (Hồi ký Westmoreland, bản dịch của Duy Nguyên trang 213).

Kế hoạch hành quân Elpaso 1 (1968) : Sử dụng 3 sư đoàn (khoảng 30.000 người)

Sau khi Tổng thống Johnson tuyên bố không tái ứng cử vào cuối tháng 3 năm 1968, Tướng Westmoreland nghĩ rằng người kế vị Johnson có thể chấp nhận tấn công sang Hạ Lào cho nên ông chỉ thị cho Tướng Bruce Palmer thảo một kế hoạch tấn công khác bởi vì kế hoạch trước khó thực hiện và tốn kém rất nhiều, nhất là phải duy trì quân Mỹ trên đất Lào quá lâu.

Khi Tướng Palmer bắt đầu soạn kế hoạch thì tình hình vùng Hạ Lào đã đổi khác. Lúc đó quân đội Mỹ vừa tiêu diệt xong 4 sư đoàn CSBV bao vây căn cứ Khe Sanh. Tin tức của tình báo Lào (Lực lượng Dân sự chiến đấu của tướng Vàng Pao) cho biết có 2 sư đoàn CSBV vừa mới bị thương tổn sau trận Khe Sanh đã rút về Nam Lào. Do đó Westmoreland quyết định dùng 3 sư đoàn Mỹ và 1 sư đoàn VNCH tấn công quân CSVN trong vùng Hạ Lào.

Kế hoạch hành quân của Tướng Palmer được đặt tên là “Elpaso”: Sử dụng 3 sư đoàn Mỹ, 1 sư đoàn VNCH và với sự hỗ trợ của khoảng 1 sư đoàn Thái Lan và Lào.

Lực lượng Thái Lan và Lào sẽ trấn giữ và hành quân càn quét trong khu vực cao nguyên Boloven.

Một sư đoàn Mỹ xuất phát từ Thái Lan vượt biên giới sang Lào tại Savnakhet rồi theo Quốc lộ 9 tiến về hướng Đông để đến Tchépone là nơi Quốc lộ 9 cắt đường mòn Hồ Chí Minh.

Hai sư đoàn Mỹ từ Khe Sanh tiến theo Quốc lộ 9 tiến về hướng Tây đến Tchépone.

Một sư đoàn VNCH từ A Shao tiến theo hướng Tây Bắc đến Tchépone.

Kế hoạch này nhằm mục đích dùng Tchepone làm căn cứ tiền tiêu để kiểm soát ngăn chặn quân Bắc Việt có thể thâm nhập vào Nam bằng đường mòn HCM. Nếu kế hoạch đó được thực hiện thì cuộc chiến VN đã đổi khác bởi vì lúc đó Hà Nội đã kiệt quệ sau khi dốc toàn lực cho trận Mậu Thân.

Kế hoạch hành quân Elpaso 2 (1968) : Sử dụng 4 lữ đoàn (khoảng 8.000 người)

Sau khi kế hoạch của Tướng Palmer vừa soạn xong thì Westmoreland nhận được thông báo chuẩn bị rời khỏi chức vụ Tư lệnh quân đội Mỹ tại Việt Nam. Tuy nhiên vì nôn nóng muốn biết có phải quả thực 4 sư đoàn CSVN bị đánh tan tại Khe Sanh hay không, ông chỉ thị cho tướng Palmer soạn một kế hoạch hành quân khác, gọi là kế hoạch Elpaso 2 nhưng chỉ sử dụng 4 lữ đoàn quân VNCH.

Hai lữ đoàn quân VNCH sẽ xuất phát từ Khe Sanh, theo Quốc lộ 9 tiến về hướng Tây đến Tchépone (Cách biên giới Việt Lào 42 cây số . Mỗi Lữ Đoàn khoảng 2.000 người)

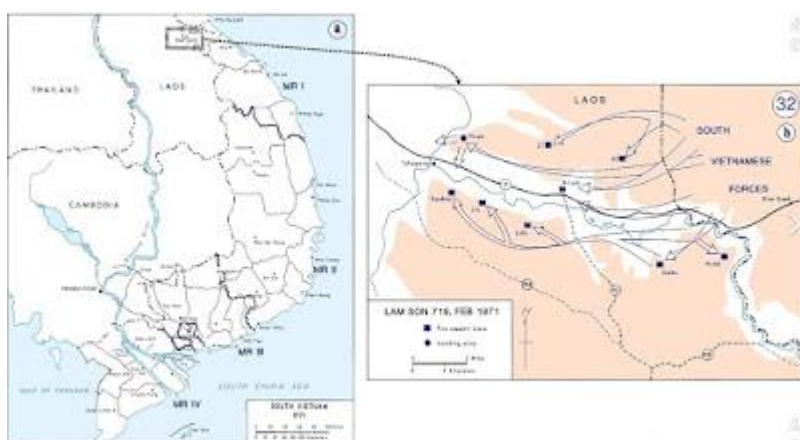
Hai lữ đoàn VNCH từ thung lũng A Shao tiến theo hướng Tây Bắc để tới Tchépone.

Nhìn vào kế hoạch Elpaso 2 thì thấy Tướng Palmer và Westmoreland đặt giả định rằng quân CSVN trên đất Lào là 2 sư đoàn bị thương tổn trong trận Khe Sanh vừa qua. Cuộc hành quân chỉ có tính cách thăm dò lực lượng địch chứ không có tính cách chiếm đóng như hai kế hoạch trước.

Cuối cùng thì kế hoạch Elpaso 2 cũng không thực hiện được vì ngay sau đó Westmoreland rời nhiệm sở tại Việt Nam và Washington gặp Hà Nội tại Paris. Cả 3 kế hoạch được xếp lại và lưu trữ trong tủ hồ sơ của MACV.

BÙI ANH TRINH

Nguồn: <https://quanvan.net/tu-chien-ha-lao-1-tinh-hinh-chung/#.X9JDgLN7mUk>



Hoạt động chuẩn bị

*(Trích sách “Giải Mã Những Bí Ẩn của Chiến Tranh Việt Nam của Bùi Anh Trinh)

Kế hoạch hành quân là do các nhà ngoại giao đề xướng

Năm 1970, ngày 27-9, Kissinger và Xuân Thủy họp mật tại Paris. Kissinger vờ đặt nhiều câu hỏi về những yêu sách của Hà Nội nhưng kín đáo thăm dò phản ứng của Hà Nội về một mưu toan bí mật mà ông đang sắp sửa tiến hành, đó là cuộc tấn công sang Hạ Lào.

Năm 1970, ngày 28-9, tại Sài Gòn. Theo tài liệu của Đại sứ Bunker do giáo sư Stephen Young phổ biến, một phiên họp cao cấp gồm có Đại sứ Hoa Kỳ tại Việt Nam; Đại sứ Hoa Kỳ tại Thái Lan; Đại sứ Hoa Kỳ tại Lào; Đại sứ Hoa Kỳ tại Cam Bốt; Đô đốc John McCain, Tư lệnh quân đội Hoa Kỳ tại khu vực Thái Bình Dương; Tướng Abrams, Tư lệnh quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam.

Cuộc họp nhằm mục đích nghiên cứu phương cách ngăn chặn quân CSVN sử dụng đường mòn HCM để vận chuyển vũ khí vào Nam, thay thế cho tuyến vận chuyển qua cảng Sihanoukville, nhằm giúp cho Miền Nam được giữ vững sau khi quân đội Mỹ rút về nước.

Sau khi cuộc họp kết thúc, Bunker gửi báo cáo cho Washington rằng hội nghị kết luận muốn cắt đường mòn Hồ Chí Minh thì phải dùng lực lượng quân sự của VNCH đánh sang Hạ Lào tại khu vực Tchépone, là giao điểm giữa đường mòn HCM (tức là Đường số 93 của Lào) và Quốc lộ 9 (Quốc lộ 9 chạy từ bờ biển Quảng Trị tới Sông Mekong là biên giới Lào và Thái Lan). Trước đây kế hoạch tương tự đã được Tướng Westmoreland soạn thảo và sau đó Bunker đã chuyển về Washington vào tháng 6 năm 1967.

*Chú giải : Sau này các nhà nghiên cứu quân sự rất ngạc nhiên khi được biết cuộc hành quân lớn nhất trong chiến tranh Việt Nam lại là do các nhà ngoại giao đề xướng. Tuy nhiên tài liệu lưu trữ của Đại sứ Bunker cho biết sự thật là : “Hoa Thịnh Đốn đã yêu cầu Bunker thực hiện phiên họp ấy..” (Tài liệu của Bunker). Có nghĩa là Nixon và Kissinger dàn cảnh để Đô đốc McCain và Tướng Abram tin rằng ý tưởng tấn công qua Hạ Lào là sáng kiến của các Đại sứ chứ không phải của Nixon.

Nhưng có một điều khó hiểu là hồi ký của Nixon và hồi ký của Kissinger chớ hề đá động tới tác phẩm quân sự độc đáo của hai ông. Thậm chí trong hồi ký “The White House Years” xuất bản năm 1979 Kissinger phủ nhận tin ông ta là tác giả của lệnh hành quân sang Lào.

Ngay từ ngày đó, 1971, báo chí Mỹ và báo chí Việt Nam đua nhau tìm xem ai là tác giả của lệnh hành quân sang Lào nhưng cả hai phía Mỹ (MACV) và Việt (BTTM) đều từ chối xác nhận lệnh hành quân đó từ đâu ra.

Và rồi đến năm 1989 thì cuốn sách “Lam Son 719” của Tướng Nguyễn Duy Hinh ra đời. Người ta vô cùng ngạc nhiên khi phát giác ra đây là trận đánh vĩ đại nhất trong chiến tranh Việt Nam; mà kết quả chiến thắng của quân VNCH gấp 3 lần kết quả chiến thắng tại Cam Bốt...!!

Điều gì bí ẩn bên trong cuộc hành quân này khiến cho một cuộc chiến thắng được báo chí Mỹ trình diễn như một cuộc chiến bại ? Và mãi về sau này vẫn không ai dám vỗ ngực khoe rằng mình là tác giả của cuộc hành quân lịch sử đó ?

Cho đến năm 1994, Chánh văn phòng của Nixon là H.R Haldeman đã cho ra đời cuốn sách “The Haldeman Diaries” mà trong đó có những chi tiết xác nhận Kissinger tham gia chỉ đạo kế hoạch hành quân sang Lào. Và cũng trong năm 1994 Tướng Alexander Haig, phụ tá quân

sự của Kissinger, cho ra đời cuốn “Inner Circles” xác nhận Kissinger là người hoạch định kế hoạch từ đầu.

Tại sao Kissinger lại giấu một chiến thắng vĩ đại mà chính ông ta là tác giả... ???...

Người viết ra tập tài liệu này, Bùi Anh Trinh, đã muốn phát bệnh khi ngồi viết lại từng ngày từng giờ của trận đánh khốc liệt nhất trong lịch sử chiến tranh Việt Nam; mà cuối cùng là một phát hiện vô cùng đau xót...! Tập tài liệu “Tử chiến Hạ Lào” đã viết xong từ năm 2010 nhưng đành phải treo lại cho đến nay bởi vì lúc đó “tình thế chưa cho phép”.

Cuộc hành quân được sửa soạn như thế nào ?

Năm 1970, ngày 6-11, Bộ Tư lệnh quân đội Hoa Kỳ tại vùng Thái Bình Dương (Đô đốc McCain) chỉ thị Bộ tư lệnh quân đội Mỹ tại Việt Nam (Tướng Abrams) soạn thảo một lệnh hành quân đánh sang Hạ Lào, lực lượng tham dự hành quân là 3 sư đoàn của quân đội VNCH, dưới sự yểm trợ hỏa lực của phi cơ chiến đấu Mỹ. Và pháo binh Mỹ từ bên trong nội địa Việt Nam yểm trợ hỏa lực cho các đơn vị VNCH hành quân trong vùng cách biên giới dưới 15 cây số.

Ngoài ra không quân Mỹ bao giàn toàn bộ phi cơ trực thăng để chuyển quân, tiếp tế và tản thương trên đất Lào. Cuộc hành quân dự trù kéo dài trong 3 tháng.

*Ngày 7-11, Tướng Abrams và đại sứ Bunker đến gặp Tổng thống Thiệu và trình bày trong 80 phút về kế hoạch đánh sang Lào. Tổng thống Thiệu đồng ý tiến hành kế hoạch.

*Ngày 8-11, Ban tham mưu Liên quân Mỹ gửi công điện cho Tướng Abrams, xác nhận lại các chi tiết của cuộc hành quân sang Lào : Hành quân dọc theo Quốc lộ 9, Mỹ yểm trợ pháo binh và phi cơ, đồng thời mở một cuộc tấn công khác sang Cam Bốt.

Năm 1970, ngày 21 và 22 -11, tại miền Bắc Việt Nam. Phi cơ Mỹ tăng cường ném bom tại Bắc Việt trên 200 phi vụ một ngày. Và đêm 21 rạng 22-1, một đoàn 5 máy bay trực thăng Mỹ chở 56 biệt kích từ Thái Lan đáp xuống một trại tù binh Mỹ tại tỉnh Sơn Tây, cách Hà Nội 50 cây số. Cuộc đột kích giải cứu tù binh hất bại vì trại tù không có người.

*Ngày 1-12, Tướng Abrams gặp Tướng Cao Văn Viên để bàn về kế hoạch đánh sang Lào.

Ngày 15-12. Thủ tướng Lào công bố cho báo chí rằng Vương Quốc Lào phản đối việc quân đội VNCH hành quân trên đất Lào. [Đánh động trước cho Hà Nội]

*Trung tuần tháng 12, Tướng Haig, phụ tá của Kissinger, đến Sài Gòn để thảo luận với Tổng thống Thiệu, tướng Abrams và đại sứ Bunker.

Năm 1970, ngày 15-12, Cố vấn An ninh Quốc gia Kissinger nói sơ qua cho Tham mưu trưởng Tòa Bạch Ốc Haldeman về kế hoạch tấn công qua Lào của quân đội VNCH.

*Ngày 22-12, Kissinger hẹn gặp Bộ trưởng Quốc Phòng Laird và Tham mưu trưởng Liên quân Moorer tại Tòa Bạch Ốc để cùng bàn với Tổng thống về kế hoạch tấn công sang Lào.

*Ngày 26-12, vào dịp Noel, đoàn CSVN tại Paris trao danh sách các phi công Mỹ bị bắt ở miền Bắc cho một số Thượng nghị sĩ Mỹ chống chiến tranh. Nghĩa là Hà Nội bỏ qua vụ Sơn Tây và thúc đẩy hòa đàm, tỏ thái độ thành tâm muốn xuống thang chiến tranh.

Năm 1971, đầu tháng 1, Kissinger bắn tiếng cho Hà Nội qua Đại sứ Liên Xô tại Washington : “Mỹ thuận không bắt buộc Bắc Việt phải rút quân sang song song với Mỹ. Nhưng Mỹ đòi hỏi khi Mỹ

đơn phương rút quân thì Hà Nội phải ngưng tấn công Miền Nam cho đến khi quân Mỹ đã rút hết. (Lưu Văn Lợi).

Năm 1971, ngày 11-1, Bộ trưởng Quốc phòng Mỹ Melvin Laird và Tham mưu trưởng Liên quân Mỹ là Đô đốc Moorer đến Sài Gòn để bàn với Tổng thống Thiệu về kế hoạch đánh sang Lào.

*Ngày 18-1, Một buổi họp tại Tòa Bạch Ốc để quyết định về các chi tiết hành quân, gồm có Tổng thống Nixon, Bộ trưởng Ngoại giao Rogers, Bộ trưởng Quốc phòng Laird, Tham mưu trưởng Liên quân Moorer, Giám đốc CIA Richard Helm, Cố vấn Kissinger và phụ tá của ông ta là Chuẩn tướng Haig.

Trong buổi họp Ngoại trưởng Rogers phản đối kế hoạch bởi vì theo ông lực lượng tấn công của VNCH quá ít. Ông nhắc lại kế hoạch đó của Westmoreland có 4 sư đoàn với quân số gần 60 ngàn quân, trong khi cuộc hành quân này quân của VNCH chỉ có hơn 2 sư đoàn (Sư đoàn 1 bộ binh, 3 lữ đoàn Dù và 2 tiểu đoàn Biệt Động Quân) với 20 ngàn quân thì quá ít. Tuy nhiên Tổng thống Nixon bác bỏ lời phản đối của Rogers.

*Ngày 22-1, Với sự cố vấn của Đại sứ Mỹ tại Lào là McMurtrie Godley , Thủ tướng Lào Suvana Phouma tuyên bố với báo chí rằng ông phản đối quân Việt Nam hành quân trên đất Lào, rồi chỉ trích sự hiện diện của quân CSVN trên đất Lào. Cuối cùng ông hy vọng quân VNCH sẽ rời khỏi lãnh thổ Lào trong 1, 2 tuần. (Tài liệu lưu trữ của Bunker do Stephen Young phổ biến).

*[Kissinger xúi Thủ tướng Lào lên tiếng là nhằm đánh động trước cho Hà Nội hay rằng quân VNCH sẽ đánh sang Lào. Cuộc hành quân bị lộ ngay từ lúc này, nhưng không phải do sợ, mà là do chủ ý của Kissinger]

Năm 1971, ngày 27-1, Tổng thống Nixon họp Ban tham mưu của Tòa Bạch Ốc, chỉ thị tiến hành giai đoạn 1 của kế hoạch hành quân Lam Sơn 719, tức là quân đội Hoa Kỳ hành quân từ Đông Hà, Quảng Trị, theo Quốc lộ 9 tái chiếm căn cứ Khe Sanh và các tiền đồn pháo binh sát biên giới Lào.

*Ngày 4-2, Tổng thống Nixon ra lệnh tiến hành giai đoạn 2 của cuộc hành quân Lam Sơn 719, tức là quân VNCH vượt biên sang Lào.

Chú giải : Như vậy cuộc hành quân hoàn toàn do phía Mỹ chủ động. Đặc biệt người viết kịch bản và đạo diễn là các chính trị gia chứ không phải là các nhà quân sự. Ngũ Giác Đài và Bộ TTM/VNCH chỉ có nhiệm vụ dựng cảnh và cung cấp diễn viên.

Tại sao một lệnh hành quân điều động tới 3 sư đoàn Việt Nam (30 ngàn người) vượt qua biên giới Lào lại do một luật sư (Nixon) và một giáo sư (Kissinger) thiết kế ... !? Và tại sao Đại sứ Mỹ tại Vạn Tượng lại xúi Thủ tướng Lào tiết lộ trước ..??...Xin đón đọc những hồi sau sẽ rõ.

BÙI ANH TRINH

<https://quanvan.net/tu-chien-ha-lao-1971-2-hoat-dong-chuan-bi/>

(3) LỆNH HÀNH QUÂN

*(Trích sách “Giải Mã Những Bí Ẩn của Chiến Tranh Việt Nam của Bùi Anh Trinh)

Kế hoạch hành quân chi tiết (Lệnh hành quân) do Tư lệnh Quân Khu 1 Hoàng Xuân Lãm và Tư lệnh Quân đoàn 24 Mỹ cùng soạn thảo. (Theo sách “Lam Son 719” của Tướng Nguyễn Duy Hinh. Tướng Hinh căn cứ theo nhật ký hành quân còn lưu tại Ngũ Giác Đài).

*[“Lệnh hành quân” là kế hoạch điều phối các cánh quân được viết thành văn bản. Bất cứ một lệnh hành quân nào cũng có 4 mục căn bản là : (1) Tình hình, gồm tình hình địch và ta (2) Quan niệm điều quân (3) Thi hành, gồm phân chia nhiệm vụ và trường hợp dự phòng có biến chuyển (4) Chỉ huy và yểm trợ tiếp vận].

Tình hình địch :

Theo tin của tình báo Lào (Lực lượng Vàng Pao) và của không ảnh thì quân CSVN tại khu vực quanh Tchepone có khoảng 22 ngàn người. Gồm có 10.000 quân sản xuất và tiếp vận tại các binh trạm của tuyến đường mòn HCM, 7.000 quân chiến đấu và 5.000 quân Cộng sản Lào.

Tại khu vực Bắc vĩ tuyến 17 có 2 sư đoàn Bộ binh của Bắc Việt (khoảng 20.000 người), hai sư đoàn này có thể tham chiến tại Tchepone sau 14 ngày di chuyển (vừa đi xe vừa lội bộ).

Quan niệm điều quân :

Theo tính toán của Ban tham mưu Liên quân Mỹ (Ngũ Giác Đài) thì Bộ tư lệnh quân đội Mỹ tại Việt Nam sẽ sử dụng 1 sư đoàn Mỹ (khoảng 10.000 người) tấn chiếm các mục tiêu quân sự trên đất VNCH, vùng biên giới Việt Lào, ngang khu vực Khe Sanh.

Sau đó 1 sư đoàn Bộ binh VNCH (khoảng 10.000 người) , 1 sư đoàn Dù VNCH (khoảng 8.000 người), 1 Liên đoàn BĐQ (khoảng 2.000 người) và 1 lữ đoàn thiết giáp VNCH (200 xe tăng) tấn chiếm mục tiêu là thị trấn Tchepone của Lào, nằm trên Quốc lộ 9, cách biên giới 30 cây số. Trong khi đó 2 lữ đoàn Thủy quân lục chiến VNCH sẽ nằm chờ bị tại Khe Sanh.

Hướng tiến quân được chia thành 2 cánh song song với hai khu vực riêng biệt :

Khu vực trên Quốc lộ 9, tức là phía Bắc sông Tchepone sẽ do Sư đoàn Dù và Lữ đoàn 1 Thiết kỵ đảm trách. Liên đoàn 1 BĐQ đảm trách án ngữ phía Bắc khu vực hành quân, trên Liên tỉnh lộ 92 của Lào nhằm ngăn chặn quân tiếp viện của Bắc Việt đến từ phía Bắc .

Khu vực phía Nam sông Tchepone do Sư đoàn 1 Bộ binh sẽ tiến song song với cánh quân tiến trên Quốc lộ 9 và sẽ đến mục tiêu là khu vực phía Nam thị trấn Tchepone.

Không lực 7 Mỹ và pháo binh của Quân đoàn 24 Mỹ sẽ yểm trợ hỏa lực cho toàn vùng hành quân (pháo binh Mỹ đặt trên đất VNCH nên chỉ yểm trợ cho những đơn vị VNCH hoạt động trên đất Lào cách biên giới dưới 15 cây số). Không lực 7 Mỹ và Sư đoàn 1 Không vận Mỹ cung cấp phi cơ trực thăng đổ quân, tiếp tế và tản thương cho các cánh quân VNCH trên đất Lào.

Các đơn vị hành quân VNCH đặt dưới sự điều động trực tiếp bởi Tư lệnh Quân đoàn 1 VNCH, Tướng Hoàng Xuân Lãm. Và các đơn vị yểm trợ Mỹ đặt dưới sự chỉ huy trực tiếp của Tư lệnh Quân đoàn 24 Mỹ, Tướng James W.Sutherland. Cả hai được đặt dưới sự chỉ huy tổng quát của Tướng Abrams, tư lệnh MACV (Tư lệnh quân đội Đồng Minh tại Việt Nam).

Nhằm phân tán sự tập trung đối phó của Hà Nội, quân đội VNCH cũng mở một cuộc tấn công sang đất Cam Bốt với 19.000 quân. Khởi diễn cùng một thời gian với cuộc hành quân sang Lào.

Phân chia nhiệm vụ :

Cuộc hành quân được chia thành 3 giai đoạn :

***Giai đoạn 1 chuẩn bị :**

Từ 1-2-1971 đến 8-2-1971, Sư đoàn 101 Dù Hoa Kỳ (thuộc Lục quân Mỹ, có tới 16.000 người) sẽ hành quân từ Đông Hà (duyên hải tỉnh Quảng Trị), theo Quốc lộ 9 tái chiếm căn cứ Khe Sanh (Bỏ hoang từ 1968) và các tiền đồn Pháo binh dọc Biên giới Việt Lào ngang khu vực Quốc lộ 9. Các tiểu đoàn pháo binh 155 ly và 175 ly của Quân đoàn 24 HK thiết lập các căn cứ pháo binh dọc theo biên giới để sẵn sàng yểm trợ cho các cánh quân hoạt động trên đất Lào.

Cũng trong thời gian này, Bộ chỉ huy Liên đoàn 21 Biệt động quân VNCH (450 người) cùng với 1 tiểu đoàn trực thuộc (500 người) sẽ tái chiếm căn cứ pháo binh Phú Lộc (bỏ hoang từ 1968), cách biên giới 2 cây số trên đất VNCH để chỉ huy và yểm trợ cho 2 tiểu đoàn BĐQ khác của liên đoàn sẽ hoạt động trên đất Lào. Tại căn cứ Phú Lộc có 1 đại đội pháo binh 155 ly (6 khẩu) của Quân đoàn 1 VNCH.

***Giai đoạn 2 tấn chiếm và lục soát :**

Giai đoạn 2.a : Tấn chiếm khu vực từ biên giới đến A Lưới

1 Bộ chỉ huy lữ đoàn Dù (400 người) và 1 tiểu đoàn trực thuộc (550 người) sẽ được trực thăng đổ xuống 1 cao điểm nằm trên Quốc lộ 9, được đặt tên là A Lưới (Tên địa phương là Bản Đôn), cách biên giới 12 cây số về hướng Tây. Tại đây sẽ thiết lập 1 căn cứ pháo binh gồm 1 tiểu đoàn pháo binh Dù (18 khẩu đại bác), dùng để yểm trợ cho các đơn vị hoạt động từ biên giới đến gần Tchepone.

1 Lữ đoàn Thiết giáp VNCH và 2 tiểu đoàn Dù (1.100 người) xuất phát từ Lao Bảo, biên giới Lào Việt, tiến theo Quốc lộ 9 đến A Lưới. (Bản Đôn).

1 Bộ chỉ huy lữ đoàn Dù (400 người) và 1 tiểu đoàn trực thuộc (550 người) sẽ được trực thăng đổ xuống một cao điểm được đặt tên là Đồi 31, cách Quốc lộ 9 năm cây số về hướng Bắc và cách biên giới 11 cây số về hướng Tây. Tại đây thiết lập một căn cứ hỏa lực gồm 1 tiểu đoàn pháo binh Dù VNCH (18 khẩu đại bác) và một đại đội pháo binh 155 ly của Quân đoàn 2 VNCH (6 khẩu đại bác), dùng để yểm trợ cho các đơn vị hoạt động tại Tchepone và phía Bắc Tchepone.

1 tiểu đoàn Dù (550 người) sẽ đổ xuống một cao điểm được đặt tên là đồi 30, cách Quốc lộ 9 năm cây số về hướng Bắc và cách biên giới 5 cây số về hướng Tây. Tại đây thiết lập một căn cứ pháo binh gồm 1 tiểu đoàn pháo binh Dù để yểm trợ cho các cánh quân hoạt động phía Bắc Quốc lộ 9, giữa biên giới và căn cứ Đồi 31.

1 tiểu đoàn Bộ binh VNCH (500 người) đổ xuống một cao điểm được đặt tên là Delta, cách Quốc lộ 9 ba cây số về hướng Nam và cách biên giới 8 cây số về hướng Tây để yểm trợ cho các cánh quân hoạt động vùng phía Nam Quốc lộ 9.

1 tiểu đoàn BĐQ/VNCH (500 người) sẽ đổ xuống một cao điểm được đặt tên là Ranger North, cách Quốc lộ 9 mười cây số về hướng Bắc và cách biên giới 4 cây số về hướng Tây để thiết lập căn cứ hoạt động án ngữ phía Bắc khu vực hành quân, đề phòng quân Bắc Việt tấn công từ phía Bắc, trên đất Lào.

1 tiểu đoàn BĐQ/VNCH (500 người) sẽ đổ xuống một cao điểm được đặt tên là Ranger South, cách Quốc lộ 9 bảy cây số về hướng Bắc và cách biên giới 6 cây số về hướng Tây để thiết lập căn cứ hoạt động án ngữ phía Bắc khu vực hành quân.

Cùng trong thời gian này, 1 Sư đoàn Bộ binh VNCH (10.000 người) sẽ tiến bằng đường bộ, xuất phát từ thung lũng A Shao (biên giới Lào Việt, cách Quốc lộ 9 ba mươi cây số về hướng Nam, ngang với quân Khâm Đức của tỉnh Quảng Nam) dùng liên tỉnh lộ 914 của Lào, tiến theo hướng Tây Bắc để đến Căn cứ Delta, thuộc khu vực phía Nam Quốc lộ 9 ngang với căn cứ A Lưới (Quốc lộ 9 chạy song song với sông Tchepone trên bờ phía Bắc sông Tchepone, Delta là điểm dừng quân của sư đoàn Bộ binh thuộc phía nam sông Tchepone).

Từ điểm dừng quân này sư đoàn Bộ binh tiếp tục di chuyển theo hướng Tây, song song với sông Tchepone trên bờ phía Nam để đến khu vực phía Nam thị trấn Tchepone, giáp với đường mòn HCM.

Giai đoạn 2.a dự trừ hoàn tất trong 1 tuần lễ.

Giai đoạn 2.b : Tấn chiếm khu vực từ A Lưới đến Tchepone.

1 Tiểu đoàn Dù (550 người) phối hợp với Lữ đoàn Thiết kỵ từ Căn cứ A Lưới tiến theo Quốc lộ 9 đến Tchepone.

2 Tiểu đoàn Dù (1.100 người) sẽ được đổ xuống chiếm lĩnh thị trấn Tchepone trước khi đoàn Thiết kỵ tới nơi.

2 Trung đoàn Bộ binh (5.000 người) tiến theo đường bộ phía Nam sông Tchepone để đến Khu vực phía Nam thị trấn Tchepone.

Giai đoạn 2.b dự trừ hoàn tất trong vòng 1 tuần lễ.

Giai đoạn 2.c : Lục soát.

Sau khi quân Dù và Thiết Kỵ đã chiếm đóng Chépone, các cánh quân phối hợp Dù và Thiết kỵ sẽ bung ra lục soát khu vực quanh Tchepone.

Sư đoàn Bộ binh VNCH sẽ lục soát khu vực đường mòn HCM, phía Nam Tchepone.

Thời gian lục soát dự trừ trong 2 tháng.

***Giai đoạn 3 rút lui :**

Kế hoạch rút lui 1 : 2 Lữ đoàn TQLC/VNCH (5.000 người) vào vùng hành quân, hoạt động khu vực hai bên Quốc lộ 9 để bảo vệ cho các cánh quân rút khỏi khu vực hành quân. Trong khi đó Lữ đoàn Thiết giáp và Lữ đoàn Dù từ Tchepone sẽ rút theo Quốc lộ 9 về A Lưới. Rồi từ A Lưới nhập vào vùng hành quân của Sư đoàn Bộ binh VNCH để rút lui về hướng Tây Nam, lục soát khu vực thung lũng A Shao.

Kế hoạch rút lui 2 : Nếu tình hình có biến đổi vào giờ chót thì lữ đoàn Dù và lữ đoàn Thiết Giáp từ A Lưới cứ theo Quốc lộ 9 về Lao Bảo và vào Việt Nam.

Giai đoạn 3 dự trừ hoàn tất trong vòng 1 tuần lễ.

Chỉ huy và yểm trợ tiếp vận :

Không lực 7 Mỹ yểm trợ hỏa lực (thả bom) cho toàn khu vực hành quân, đồng thời yểm trợ 200 máy bay trực thăng để đổ quân và tiếp tế cho các đơn vị hành quân.

Sư đoàn 101 Không vận Mỹ yểm trợ 400 máy bay trực thăng để đổ quân và tiếp tế cho các cánh quân hoạt động trên đất Lào.

8 tiểu đoàn pháo binh Mỹ (144 khẩu pháo) thuộc Quân đoàn 24 Mỹ yểm trợ pháo binh cho các cánh quân Việt Nam trên đất Lào và các cánh quân Mỹ trong nội địa vùng Khe Sanh.

Tướng Abrams, Tư lệnh MACV, chỉ huy tổng quát cuộc hành quân, Tướng Hoàng Xuân Lãm, Tư lệnh Quân đoàn 1 VNCH, chỉ huy lực lượng quân đội VNCH (trên đất Lào). Tướng Sutherland, Tư lệnh Quân đoàn 24 Mỹ, chỉ huy lực lượng quân đội Mỹ (trên đất VN).

Tướng Lãm chỉ huy Bộ binh trong khu vực hành quân trên đất Lào. Tướng Sutherland chỉ huy các đơn vị Bộ binh và tiếp vận trong khu vực nội địa và chỉ huy Không quân trên đất Lào.

Ngày N, khởi sự hành quân, là ngày 1-2-1971.



TRỰC THĂNG MỸ SA VÀO TRẬN ĐỊA PHÒNG KHÔNG

*(Trích sách “Giải Mã Những Bí Ẩn của Chiến Tranh Việt Nam của Bùi Anh Trinh)

Ngày thứ 8, ngày 15-2 : Quân CSVN trên đất Lào là 35.000 người

Bộ Tư lệnh MACV nhận được tin quân số của CSVN hiện diện trên đất Hạ Lào là 35.000, gồm 5 sư đoàn Bộ binh (Băng ghi âm “The Abrams Tape”).

*Chú giải :

Bất cứ một sĩ quan hạng bét nào cũng biết rằng một “lệnh hành quân” đều tùy theo tình hình của địch quân như thế nào *(Lệnh hành quân là kế hoạch hành quân được viết lên giấy trắng mực đen. Tất cả đều căn cứ trên giấy trắng mực đen mà thi hành). “Lệnh hành quân” của bất cứ một quân đội nào cũng có mục đầu tiên là mục “tình hình địch”. Và từ mục thứ hai trở đi của lệnh hành quân đều căn cứ vào tình hình địch đã ghi trong mục 1.

Nhưng trong mục “thi hành”, mục thứ 3 của lệnh hành quân, luôn luôn có tiểu mục “trường hợp dự phòng”. Đó là dự phòng tình hình thực tế biến chuyển khác với dự trù đã được ghi trong mục 1.

Thế nhưng băng ghi âm Abrams Tape cho thấy đến ngày thứ 8 thì tình hình địch trong thực tế gấp 5 lần dự trù trong “lệnh hành quân”. Và cũng băng Abrams Tape cho biết Tướng Abrams không thay đổi kế hoạch hành quân, nghĩa là nhắm mắt coi như địch chỉ có 7.000 ngàn quân. Nghĩa là nhắm mắt đưa quân VNCH vào chỗ chết !!!

Đây là một điều vô lý mà không một nhà quân sự nào chấp nhận. *(Muốn biết tại sao Abrams lại hành động như vậy thì xin đón đọc những hồi cuối sẽ rõ)

Ngày thứ 9, ngày 16-2. Máy bay trực thăng Mỹ sa vào trận địa phòng không

-Buổi sáng, súng phòng không của CSVN đồng loạt khai hỏa vào các phi cơ trực thăng võ trang của HK hoạt động dọc theo sông Tchepone.

*Chú giải :

*Lộ trình bay

Do thời tiết xấu, trần mây thấp, các phi cơ trực thăng phải bay dưới tầng mây mới có thể xác định được lộ trình bay. Do đó phi cơ trực thăng phải bay dọc theo sông Tchepone để yểm trợ cho các cánh quân đang tiến trên Quốc lộ 9. Nhưng như vậy là làm mồi cho các súng cao xạ 12 ly 7 của CSVN được đặt trên dãy núi đá dọc theo bờ Nam sông Tchepone, từ A Lưới đến Tchepone.

Khi đoàn quân mới xuất phát từ Lao Bảo, biên giới Việt Lào, để đến A Lưới thì không thuộc vào trận địa phòng không của CSVN bởi vì hai bên Quốc lộ 9 địa thế trống trải, không có những vị trí tốt để bố trí súng phòng không.

Nhưng bắt đầu từ A Lưới thì phía Nam sông Tchepone có một dãy núi đá chạy dài từ A Lưới đến Tchepone. CSVN đã bố trí các đội cao xạ trên dãy núi đá từ trước nhưng chưa khai hỏa để giữ bí mật, chờ đón đoàn máy bay yểm trợ cho cánh quân Dù và Thiết kỵ từ A Lưới tiến về Tchepone. Do đó ngày bắt đầu giai đoạn 2.B của quân đội VNCH cũng là ngày khai hỏa của lựu phòng không CSVN.

Thông thường các xạ thủ súng 12 ly 7 phải bắn máy bay từ dưới lên thì kém hiệu quả vì máy bay bay ngang qua một thoáng rồi mất hút ngay. Nhưng nếu súng được đặt ở trên cao mà máy bay lại bay ngang ở độ thấp hơn thì xạ thủ dễ dàng điều chỉnh súng “bắn đón” hoặc “bắn đuổi” theo máy bay. *(Cứ 5 viên đạn thường thì có 1 viên đạn lửa, viên đạn lửa sẽ kéo một vệt lửa dài để báo cho xạ thủ thấy đường đi của viên đạn, nhờ đó xạ thủ có thể điều chỉnh nòng súng cho đến khi trúng đích).

*Sự thật về lực lượng phòng không của quân CSVN tại Hạ Lào :

Theo dõi các bức không ảnh, đến ngày 24-3-1971, Không lực 7 Mỹ báo cáo về Bộ tư lệnh Thái Bình Dương rằng số súng phòng không của CSVN từ 525 đến 575 khẩu, tương đương với cấp số 19 tiểu đoàn phòng không. Điều này hoàn toàn bất ngờ đối với Ngũ Giác Đài và Bộ tư lệnh quân đội Mỹ tại VN.... Đặt giả dụ 1 khẩu phòng không hạ được 1 trực thăng thì toàn bộ 600 trực thăng của Mỹ sẽ bị bắn hạ hết.

Trong vòng 4 ngày đầu sau khi súng phòng không bắt đầu khai hỏa thì đã có 32 trực thăng bị bắn rơi và 240 chiếc khác bị trúng đạn.

Tình trạng này khiến các phi công Mỹ mất tinh thần cho nên từ chối bay vào vùng phía Bắc sông Tchepone, nghĩa là từ chối bay tiếp tế cho căn cứ 30, căn cứ 31, đồn Ranger North, đồn Ranger South và cánh quân phối hợp Dù-Kỵ binh đang trên đường từ A Lưới đến Tchepone.

Ngày thứ 9, ngày 16-2

Nhận được tin về trận địa phòng không của CSVN, trưa ngày 16-2 Tướng Cao Văn Viên, Tham mưu trưởng quân đội VNCH và Tướng Abrams, Tư lệnh quân đội Hoa Kỳ và Đồng Minh, bay ra Quảng Trị họp với Tướng Hoàng Xuân Lãm và Tướng Sutherland trong 2 tiếng rưỡi đồng hồ.

Cuối cùng các tướng quyết định dùng trực thăng đổ quân chiếm lĩnh các cao điểm quan trọng phía Nam sông Tchepone để khống chế dãy núi đá. Theo dự trù của các tướng thì phải tốn mất 5 ngày mới hoàn tất cuộc đổ quân khống chế dãy núi đá. Nhưng như vậy thì cuộc tiến quân về phía Tchepone bị chậm mất 5 ngày; khoảng thời gian này đủ để cho quân CSVN bố trí lực lượng để phản công (Nguyễn Duy Hinh, Lam Son 719, trang 74).

*[Sự chậm lại 5 ngày là một quyết định bài bản (y theo sách vở) của Tướng Viên và Tướng Abrams. Hai tướng không thể nào xua quân vào một ngõ hẹp bị khống chế bởi các họng súng phòng không hoặc những họng súng sơn pháo 75 ly dọc theo dãy núi đá từ A Lưới đến Tchepone, ngoài ra các cao điểm trên dãy núi đá cũng là những trạm quan sát tiền tiêu để quân đội CSVN điều chỉnh pháo binh suốt dọc đường từ Căn cứ A Lưới tới Tchepone.

Theo kỹ thuật quân sự, mà bất cứ sĩ quan nào cũng được học qua, là đoàn quân chỉ có thể tiến được một khi những nguy hiểm từ dãy núi bờ Nam sông Tchepone đã được quét sạch].

-Trực thăng đổ Tiểu đoàn 2/3 thuộc Sư đoàn 1 Bộ binh xuống cứ điểm Grass, cách biên giới 12 cây số về hướng Tây và cách Quốc lộ 9 mười cây số về hướng Nam. Đây là cứ điểm cực Nam của khu vực hành quân.

Ngày thứ 10, 17-2,

Mưa lớn, phi cơ trực thăng không thể cất cánh *[Nguyễn Duy Hinh, Lam Son 719, trang 75; căn cứ theo hồ sơ lưu trữ của Ngũ Giác Đài. Tuy nhiên không đúng với sự thực, sự thực là các phi công trực thăng Mỹ từ chối bay hành quân].

Ngày thứ 11, 18-2,

-Một đơn vị thám báo của Tiểu đoàn 1 Dù hành quân giám định một khu vực mới bị bom lửa ở phía Bắc cứ điểm Bravo, cách 2 cây số. Theo lời khai sơ khởi của tù binh mới bắt được, toán thám báo tìm tới nơi bị bỏ bom và các bằng chứng tại chỗ xác nhận đó là nơi đóng quân của Chỉ huy sở Sư đoàn 308 CSVN.

-Buổi trưa, phi cơ chiến đấu Mỹ tấn công một đoàn xe vận tải của CSVN, cách căn cứ A Lưới 9 cây số về hướng Tây Bắc, phá hủy 1 xe tải, làm hư 1 xe tải khác và một xe cần cẩu.

-Cũng trong buổi trưa, cách nơi phi cơ tấn công đoàn xe 2 cây số rưỡi về hướng đông, Chi đội 2 của Chi đoàn 17 Thiết kỵ phát hiện và phá hủy một đường dây dẫn dầu gồm 3 ống, mỗi ống đường kính 8 Cm. Điều này chứng tỏ quân đội CSVN đã đóng chốt tại đây từ lâu với một lực lượng lớn, cấp quân đoàn (3 sư đoàn).

-Trong ngày có một số đơn vị thuộc Sư đoàn Dù và Sư đoàn 1 Bộ binh VNCH bị pháo kích, và một vài phi cơ trực thăng bị bắn rơi (Tài liệu của Tướng Nguyễn Duy Hinh, Lam Son 719, trang 76. Không nói rõ số phi cơ bị bắn rơi, nguyên văn : “a few helicopters were shot down”.

Chứng tỏ “vài” trực thăng bị bắn rơi trong một ngày là chuyện không đáng kể. Điều này giải thích vì sao các phi công trực thăng Mỹ từ chối bay vào vùng có lực lượng phòng không của địch).

-Qua cung khai của các tù binh, Bộ chỉ huy hành quân Việt Mỹ đã ghi nhận Sư đoàn 304 và Sư đoàn 2 Sao Vàng của CSVN đã có mặt tại chiến trường ngay từ ngày có cuộc hành quân đổ bộ xuống đất Lào (8-2-1971). Và giờ đây các cánh quân CSVN đã di chuyển đến phía Đông Tchepone để đón đầu quân VNCH từ A Lưới tiến về Tchepone.

Trong khi đó cung khai của tù binh trong trận đụng độ với Tiểu đoàn 21 BĐQ/VNCH ngày 10-2 cho biết Sư đoàn 308 đã đến Hạ Lào từ tháng 1-71. Ngoài ra lời khai của 2 tù binh bị bắt ngày 10-2 và 1 tù binh bị bắt ngày 14-2 cho biết Trung đoàn 64 của Sư đoàn 320 đã đến Hạ Lào vào ngày 4-2-71. Trước đó Sư đoàn 320 và Sư đoàn 324 trấn giữ phía Bắc vĩ tuyến 17.

*Diễn tiến hành quân trên đây được viết theo sách “Lam Sơn 719” của Thiếu tướng Nguyễn Duy Hinh. Những chi tiết trong sách do Tướng Hinh căn cứ theo “nhật ký hành quân” của MACV còn lưu lại tại Ngũ Giác Đài.

Ngày thứ 12, 19-2, Tướng Thiệu bay ra Quảng Trị giải quyết



Tiểu đoàn 39 BĐQ mở đường máu rút lui

*(Trích sách “Gài Mả Những Bí Ẩn của Chiến Tranh Việt Nam của Bùi Anh Trinh)

Tướng Nguyễn Văn Thiệu, Tổng tư lệnh quân đội VNCH, bay ra Quảng Trị. Tại Bộ chỉ huy hành quân ở Đông Hà, Tướng Hoàng Xuân Lãm thuyết trình về tình trạng nguy hiểm của Tiểu đoàn 39 BĐQ tại Ranger North cũng như tình trạng trì trệ của cánh quân Dù và Thiết Kỵ đang tiến về Tchepone do không được trực thăng yểm trợ, các phi công Mỹ từ chối bay vào vùng Bắc sông Tchepone.

Sau khi đã rõ tình hình, Tướng Thiệu nói với Tướng Lãm hãy thông thả, trong tình hình hiện tại có lẽ nên triển khai về hướng Tây Nam để dùng đường đất 914 đi tắt đến binh trạm 611 của CSVN ở phía Nam Tchepone (Nguyễn Duy Hinh, Lam Sơn 719, trang 79).

*Chú giải :

Trước đó 3 ngày Tướng Abrams và Tướng Cao Văn Viên đã quyết định sử dụng Sư đoàn 1 Bộ binh để quét sạch các ổ phòng không trên dãy núi đá vôi phía Nam sông Tchepone. Hai tướng dự trừ trong 5 ngày thì xong.

Tuy nhiên chuyện dọn sạch dãy núi đá dài 15 cây số trong vòng 5 ngày là chuyện không tưởng(!). Bằng chứng là mùa hè năm 1972 một tiểu đoàn quân CSVN chiếm hai quả núi đất Tàu Ô và Chơn Thành trên Quốc lộ 13. Mà Sư đoàn 21 Bộ binh VNCH, và Trung đoàn 15 Bộ binh VNCH cùng với 1 tiểu đoàn dù thay phiên nhau đánh trong 1 tháng 3 ngày mới chiếm xong 2 quả núi đất. Còn đặng này một dãy núi đá 15 cây số mà dự trù chiếm trong 5 ngày thì chỉ là hoang tưởng.

Quyết định né tránh dãy núi đá, dùng đường 914 để đến Tchepone của Tướng Thiệu là một sáng kiến rất tài tình. Đường 914 chạy dài trên địa thế trống trải tại khu vực phía Nam sông Tchepone, tức là phía Nam dãy núi đá. Một khi quân VNCH khống chế khu vực Nam núi đá thì quân CSVN trên dãy núi đá sẽ bị triệt đường tiếp tế lương thực và đạn dược.

Trong khi đó nếu quân VNCH không di chuyển theo lộ trình Quốc lộ 9 thì toàn bộ lực lượng phòng không dày đặc trên núi đá sẽ bị vô hiệu hóa. Quân CSVN không còn lý do gì để tổn quân, tổn súng đạn cho một nơi vô ích.

Sau này trong quyển sách *Vũng Lầy Của Tòa Bạch Ốc*, tác giả Nguyễn Kỳ Phong đã trích dẫn tài liệu của Tướng Nguyễn Duy Hinh và ghi lại :

“Ba ngày sau, ngày 19, Tổng thống Thiệu ra lệnh cho tướng Lâm tiến quân chậm lại và bỏ nhiều thì giờ hơn lục soát các kho chứa quân trang quân dụng ở hướng Tây Nam Bản Đông. Chính sự đình trệ này đã giúp cho đối phương có thêm thì giờ củng cố nhân lực và tập trung hỏa lực để tấn công” (Trang 442. Chú thích 569 cho biết đoạn này trích dẫn từ trang 74 và trang 79 trong tài liệu của Tướng Nguyễn Duy Hinh).

Tuy nhiên so lại với trang 74 của Tướng Hinh thì quyết định tiến chậm lại để chờ 5 ngày khống chế núi đá phía Nam sông Tchepone là của Tướng Cao Văn Viên và tướng Abrams. Còn trong trang 79 Tướng Thiệu chỉ “nói với” Tướng Lâm là đừng có nôn nóng lắm : “President Thieu told him to take his time” and, under the present circumstances, perhaps it would be better to expand search activities toward the southwest to cut off Route 914 which led into Base Area 611”.

Không hiểu vì đâu mà Nguyễn Kỳ Phong lại ráp trích dẫn trong trang 74 và trang 79 thành một rồi quy cho Tướng Thiệu đã làm hỏng cuộc hành quân bởi vì lệnh tiến chậm lại của ông đã khiến cho CSVN đã kịp bố trí đối phó. Nhưng sự thật rõ ràng là Tướng Thiệu không có ra lệnh như vậy.

Hơn nữa, trước đó chính Nguyễn Kỳ Phong đã cho biết là quân CSVN đã bố trí lực lượng trước khi cuộc hành quân bắt đầu ít nhất là 1 tuần lễ. Ngoài ra sự kiện phát hiện ra đường ống dẫn dầu trong ngày 18-2 đã chứng minh quân CSVN đã bố trí trận địa ít nhất là 1 tháng. Do đó chuyện chậm lại 5 ngày không có nghĩa là ngày 16-2 quân CSVN chưa kịp bố trí trận địa; mà họ đã bố trí xong từ lâu, chỉ chờ quân VNCH lọt vào trận địa họ mới tấn công.

Sở dĩ Tướng Thiệu phải bay ra Quảng Trị bởi vì những tin xấu về việc Tiểu đoàn 39 BĐQ và căn cứ 31 của Lữ đoàn 3 Dù không được tản thương và tiếp tế. Trong khi đó có sự trục trặc về chỉ huy giữa tướng Hoàng Xuân Lâm và Tướng Dư Quốc Đống, Tư lệnh Sư đoàn Dù VNCH, mà tướng Cao Văn Viên không giải quyết được.

Trước tình hình đó Tướng Thiệu phải có mặt tại Quảng Trị để củng cố tinh thần cho Tướng Lâm và các đơn vị đang hành quân, ngoài ra cũng để đánh bật dư luận không hay về những trở ngại lớn của các cánh quân mà trở ngại lớn nhất là không được máy bay Mỹ tiếp tế và tản

thương. Người lính ngoài mặt trận sẽ không thể nào an tâm chiến đấu nếu không được tiếp tế đầy đủ

Năm 1985, trong một cuộc trả lời phỏng vấn của Tiến sĩ Nguyễn Tiến Hưng, cựu Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã cho biết nguyên nhân chính của cuộc hành quân bị trở ngại :

“Ba ngày sau khi mở cuộc hành quân, Mỹ đã tổn thất nhiều phi công trực thăng, và nếu không có không lực và hỏa lực yểm trợ thì họ không chịu tiếp tục cất cánh để di tản thương binh kịp thời và trọn vẹn! (Nguyễn Tiến Hưng, Bí Mật Dinh Độc Lập, trang 76)

Sau này có nhiều “bình luận gia quân sự dỏm” cho rằng Tướng Thiệu ra Quảng Trị là đã giành lấy nhiệm vụ của Đại tướng Cao Văn Viên trong khi nhiệm vụ của ông là Tổng thống. Luận điệu này là vô căn cứ và thuần tưởng tượng chứ không đúng với thực tế.

Đây là một cuộc hành quân do Tổng thống Nixon đích thân ra lệnh soạn thảo kế hoạch hành quân cũng như đích thân ra lệnh xuất phát hành quân. Tướng Viên phải dưới quyền chỉ huy của Tướng Abrams, Viên đã làm hết sức và cuối cùng phải nhờ tới Tổng thống Thiệu bởi vì ngay chính Abrams cũng không giải quyết được vấn đề các phi công Mỹ từ chối cất cánh.

Sự hiện diện của Tổng thống Thiệu tại Quảng Trị mới có thể tác động đến Washington buộc Nixon phải giải quyết bởi vì tại Việt Nam Abrams đã bó tay.

-Đêm 19-2, quân CSVN tiếp tục tấn công Tiểu đoàn 39 BÐQ/ VNCH tại Ranger North trong khi liên tục pháo kích vào Ranger South. Phi cơ Hỏa Long rưới đạn và thả trái sáng suốt đêm để yểm trợ cho cuộc chiến đấu của Tiểu đoàn 39 BÐQ.

Ngày thứ 13, 20-2

-Từ 7 giờ 30 sáng đến 2 giờ 30 chiều, có 32 phi tuần oanh tạc yểm trợ cho Ranger South.

-Buổi trưa, phi cơ quan sát cho biết khoảng từ 400 đến 600 quân CSVN đang bao vây tấn công cứ điểm Ranger North.

-Lúc 5 giờ 10 chiều, Căn cứ Ranger North bị tràn ngập.

-Lúc 6 giờ 56 tối, Bộ tư lệnh Quân đoàn 1 nhận được tin các binh sĩ sống sót của Tiểu đoàn 39 BÐQ đang mở đường máu để di tản về Ranger South.

-Trong nỗ lực cứu Ranger North, có 10 phi cơ của HK bị bắn rơi, trong đó có 6 trực thăng.

-Lực lượng Dù và Thiết kỵ chạm súng với quân CSVN cách A Lưới 2 cây số về hướng Bắc, phát hiện và bắn cháy 1 xe tăng T.34 của CSVN với súng đại bác 23 ly.

Ngày thứ 14, 21-2,

-Số lượng binh sĩ thuộc Tiểu đoàn 39 BÐQ đến được Ranger South là 199 người, trong đó có 92 người bị thương (Tổng số tham chiến ban đầu là 525 người). Trong 4 ngày chiến đấu trước đó họ đã báo cáo giết 639 địch quân và tịch thu 423 AK.47, 15 B.40 và B.41, cùng với nhiều vũ khí tự động khác.

-Đêm 21-2, Ranger South bị pháo kích dữ dội, có cả đạn pháo nòng dài 130 ly. Đây là loại pháo do Liên Xô chế tạo.

-Số binh sĩ bị thương thuộc Tiểu đoàn 39 BÐQ tại Ranger Sound vẫn không di tản được do không có trực thăng tản thương.

*Chú giải : Cho tới ngày nay đại bác 130 ly vẫn được đánh giá là tuyệt hảo, tầm bắn xa tới 27 cây số và rất chính xác. Trong khi đó súng 175 ly của Mỹ bắn xa 32 cây số nhưng không chính xác và rất khó vận hành.

*[Súng 175 ly được đặt trên một xe cơ giới chạy bằng bánh xích, mỗi khi tác xạ thì lực thổi hậu rất lớn, thân xe có thể bị nhóm lên mặt đất đã có ống thủy lực giảm chấn gắn giữa nòng súng và sàn xe. Cho nên sau mỗi lần bắn thì thân xe đã lệch đi một ít; và như vậy viên đạn kế tiếp cần phải điều chỉnh lại. Do đó pháo binh 175 ly chỉ tác xạ khu vực chứ không thể tác xạ tiếp cận khi hai bên ở thế càn rặng lược.

Trận Khe Sanh năm 1968 đã cho thấy súng 175 ly của HK phải đưa vào phế thải (Hồi ký của Tướng Westmoreland. Sau này quân đội Mỹ chính thức phế thải súng 175 ly vào năm 1979). Còn súng đại bác tối tân nhất của quân đội VNCH là súng 105 ly, chỉ bắn xa được 10 cây số cho nên không thể “đọ súng” với đại bác 130 ly của CSVN].

*Diễn tiến hành quân trên đây được viết theo sách “Lam Son 719” của Thiếu tướng Nguyễn Duy Hinh. Những chi tiết trong sách do Tướng Hinh căn cứ theo “nhật ký hành quân” của MACV còn lưu lại tại Ngũ Giác Đài.



TIỂU ĐOÀN 21 BĐQ RÚT LUI, CĂN CỨ 31 MỞ ĐƯỜNG MÁU

*(Trích sách “Giải Mã Những Bí Ẩn của Chiến Tranh Việt Nam của Bùi Anh Trinh)

Ngày thứ 15, ngày 22-2

-Bộ chỉ huy hành quân quyết định vừa thả bom vừa pháo tập nập chung quanh cứ điểm Ranger South trong khi 13 trực thăng tản thương đáp khẩn cấp xuống Ranger South, bốc được 122 thương binh, kể cả 1 phi công Mỹ bị rơi máy bay tại khu vực gần Ranger South.

Người phi công này là Hạ sĩ Dennis Fuji, phi cơ của anh ta bị bắn rơi gần Ranger South 3 ngày trước, anh ta là người duy nhất trong phi cơ còn sống sót. Sau khi được cứu về Ranger South, Fuji tình nguyện ở lại cứ điểm để làm người thông dịch chỉ điểm cho máy bay và pháo binh HK. Cũng nhờ Fuji mà cứ điểm đứng vững qua nhiều cuộc tấn công của quân CSVN . Lần này Fuji bị thương tới lần thứ hai mới chịu lên trực thăng tản thương.

-Số binh sĩ BĐQ thuộc Tiểu đoàn 21 và 39 còn ở lại tử thủ Ranger South là 400 người.

Ngày thứ 16, ngày 23-2

-Tiểu đoàn 2/3 thuộc Sư đoàn 1 Bộ binh VNCH đụng độ lớn với quân CSVN tại vùng A Ro, phía Nam sông Tchephone. Sư đoàn 1 BB đưa quân tiếp viện, quân CSVN rút lui.

Ngày thứ 17, ngày 24-2,

-Sư đoàn 1 Bộ binh VNCH xin 2 phi vụ B.52 thả bom vào nơi phát hiện có địch ngày hôm qua. Sau đó quân Bộ binh tiến vào khu vực thả bom, đếm được 156 xác cùng với vũ khí.

-Quân Bộ binh VNCH tại căn cứ hỏa lực Hotel 2 tại khu vực A Shao rời bỏ căn cứ để theo Trung đoàn 3 Bộ binh di chuyển về hướng Tây theo như chỉ thị của tướng Nguyễn Văn Thiệu trong ngày 19-2.

-Tiểu đoàn 21 BĐQ tại Ranger South nhận được lệnh bỏ cứ điểm để di chuyển về Căn cứ 30. Tại đây họ được trực thăng bốc về Căn cứ Phú Lộc là nơi đóng quân của Bộ chỉ huy Liên đoàn 1 BĐQ/ VNCH.

-Phóng viên báo chí Mỹ chụp tin tại căn cứ Khe Sanh đã chụp được bức hình một người lính VNCH đang bám càng chiếc trực thăng để thoát khỏi chiến trường. Cơ quan quảng bá thông tin của CIA (USID) cho xé to thành tin quân VNCH hèn nhát nên cuộc hành quân không tiến nổi.

*Chú giải :

Sau này cựu Tổng thống Thiệu đã trả lời phỏng vấn cho báo Der Spiegel của Đức :

“Tôi chỉ cười thôi, tôi khinh bỉ hết sức. Trong mấy chục ngàn quân, chỉ có một người làm như thế; ấy thế mà báo chí (Mỹ) buộc tội cho tất cả quân lính VNCH là nhát như thỏ đế. Rồi lại im đi cái sự thật là một số phi công trực thăng Mỹ đã thiếu tinh thần chiến đấu trong cuộc hành quân đó”.(Trả lời phỏng vấn ngày 1-2-1979. Bản dịch của Cung Thúc Tiến).

Công bình mà nói, ông Thiệu đã hơi quá đáng khi kết tội người lính đeo càng trực thăng cũng như kết tội các phi công Mỹ. Trời đất đã sinh ra con người với cái bản năng sinh tồn có từ trong bụng mẹ. Người lính đã hoảng hốt khi cái chết ập đến, và bằng mọi giá anh ta phải thoát khỏi cái nơi đã không có tiếp tế thức ăn và nước uống đã mấy ngày nay.

Đó là quân thù chưa ập tới, còn nếu như họ ập tới thì chết chắc. Trong lúc hoảng hốt anh ta đã tranh nhau với mọi người lên máy bay; trong khi đó người phi công trực thăng thấy rằng trọng tải của máy bay đã đủ tải cho nên anh ta cho máy bay cất cánh mà không ngờ rằng còn có người đang còn đứng dưới càng trực thăng. Hình ảnh này có rất nhiều trong suốt cuộc chiến chứ không phải là duy nhất. Người lính đó không có gì đáng trách một khi anh ta đã làm đúng theo bản năng của con người.

Những người phi công trực thăng Mỹ cũng vậy, họ không điên gì lao vào nơi mà họ biết là tử địa. Họ không phải là những phi công cảm tử của phi đội Thần Phong của Nhật. Nhưng những phi công Nhật hành động có tính toán, họ biết mạng sống của họ đổi lấy một cái gì đó to lớn hơn sinh mạng của họ rất nhiều nên họ mới quyết định lao vào cái chết.

Còn những phi công Mỹ cũng biết tính toán cho nên họ thấy chỉ có ngu mới bay vào hòng súng dày đặc của địch quân mà chẳng được cái gì cả. Con số 82 trực thăng bị bắn rơi và 618 chiếc khác bị trúng đạn cho thấy những người phi công Mỹ đã làm đúng. Và họ có quyền làm đúng, không có một áp lực nào trên đời có thể buộc họ phải làm chuyện ngu xuẩn.

Chẳng qua là các ông ngồi ở Washington không tính tới chuyện hễ máy bay trực thăng mà gặp cao xạ 12 ly 7 thì chỉ có nước chết. Trong khi đó CSVN có tại trận địa là 575 khẩu súng cao xạ. Nếu tính là mỗi súng ít nhất hạ được 1 trực thăng thì tất cả số trực thăng tham chiến của quân đội Hoa Kỳ tại Hạ Lào đều bị bắn rơi.

Có một ông Tướng khác cũng có cái nhìn chuyên môn của của giới quân sự, đó là Tướng Westmoreland. Hồi ký của ông viết :

“Vi hỏa lực phòng không của địch khá mạnh nên một vài nơi không thể tiếp tế được nên các đơn vị này phải rút lui. Rút lui trước hỏa lực mạnh của địch lúc nào cũng là công tác khó khăn nhất của một đơn vị khi lâm trận”...

“Trong lúc đó, bất chấp làn mưa đạn của địch, phi đội giải cứu vẫn tiến hành công tác. Họ trở về với những trực thăng khệnh khạng vì quá tải. Binh sĩ VN có người phải bu còng mà về vì không đủ chỗ ngồi.

Đối với những ai thấy rõ từ đầu tới cuối mới cảm phục lòng can đảm của các chiến sĩ và sự gan dạ của các phi công trực thăng; ngược lại với những bức hình do báo chí đăng tải, có kèm theo những lời chú thích mang tính cách mạ lỵ và bôi nhọ rằng các binh sĩ đó là hèn nhát và trốn chạy” (Bản dịch của Duy Nguyên trang 568).

Theo phân công phân nhiệm trước khi hành quân thì Không quân Mỹ có nhiệm vụ tiếp tế lương thực và đạn dược cho các cánh quân. Nhưng một khi không có tiếp tế, ngay cả nước uống, thì người lính không còn lòng dạ nào mà chiến đấu, họ phải lo cho sinh mạng của họ trước.

Ngày thứ 18, ngày 25-2

-Lúc 11 giờ trưa, quân CSVN đồng loạt pháo kích đủ các loại súng, kể cả 130 ly, vào Căn cứ hỏa lực 31. Do sự lầm lẫn của phi công Hoa Kỳ cho nên không có phi cơ quan sát bao vùng để hướng dẫn cho pháo binh phản pháo hay gọi phi cơ thả bom. Mãi đến 2 giờ trưa mới có phi cơ quan sát lên bao vùng.

*[Thực ra là viên phi công của phi cơ quan sát có nhiệm vụ bao vùng cho Căn cứ 31 ngày hôm đó đã trốn không vào vùng. Chỉ có phi cơ quan sát mới gọi được máy bay thả bom, nếu không có phi cơ quan sát thì phi cơ chiến đấu không được vào vùng hành quân. Do đó Căn cứ 31 bị xe tăng tấn công mà không có sự can thiệp kịp thời của phi cơ thả bom].

-Lúc 1 giờ trưa, đại đội Dù hoạt động bên ngoài Căn cứ 31 báo cáo xe tăng địch đang di chuyển về hướng Căn cứ. Pháo binh tại Căn cứ 30 bắn yểm trợ cho Căn cứ 31.

-Lúc 2 giờ trưa, súng đại bác trên xe tăng của CSVN bắt đầu nả vào Căn cứ 31 và đoàn quân xe tăng cùng với Bộ binh tấn công. Phi cơ quan sát gọi phi cơ chiến đấu vào vùng tấn công khoảng 20 xe tăng đang uy hiếp vòng rào phía Nam của Căn cứ.

-Lúc 3 giờ 20, 1 phi cơ F.4 của Hoa Kỳ bị trúng đạn và nổ tung, viên phi công nhảy dù ra được, các phi cơ chiến đấu còn lại phải ngưng yểm trợ cho Căn cứ 31, quay sang tập trung cứu hộ người phi công mới nhảy dù ra. Trong khi đó trên vùng trời của Căn cứ chỉ có 1 trực thăng chỉ huy của Ban tham mưu Sư đoàn Dù VNCH với 1 khẩu đại liên M.60 đã bắn yểm trợ cho Căn cứ nhưng không thấm thía gì.

quân của các đơn vị Dù. Vì vậy Tướng Lãm bay vào Sài Gòn với một kế hoạch tiến quân khác.

Tướng Thiệu chấp thuận kế hoạch của Tướng Lãm : Đưa 2 lữ đoàn TQLC đang nằm trữ bị tại Căn cứ khe Sanh đến thay thế 2 trung đoàn Bộ binh của Sư đoàn 1 BB đang hoạt động ở phía Nam sông Tchepone. Bốc 1 trung đoàn Bộ binh ở phía Đông Nam sông Tchepone đổ xuống chiếm giữ các cao điểm phía chính Nam thị trấn Tchepone để hỗ trợ cho trung đoàn Bộ binh khác được đổ xuống phía Bắc Tchepone rồi từ đó tiến vào Thị trấn Tchepone.

*Chú giải : Sở dĩ phải dùng 2 lữ đoàn TQLC thay thế 2 trung đoàn BB vì :

(1) Lâu nay các lữ đoàn TQLC hành quân biệt lập, chưa bao giờ hành quân cấp sư đoàn cho nên hệ thống phối hợp chỉ huy không được thuần thục, trong khi đó tình hình đòi hỏi đơn vị chiếm đóng trong Tchepone và đơn vị hỗ trợ ở phía Nam Tchepone cần phải có sự thống nhất chỉ huy.

(2) Quân lính của Sư đoàn 1 Bộ binh rành địa hình, địa thế của Tchepone hơn là quân TQLC.

(3) Với nhiệm vụ hỗ trợ cho các cánh quân của Sư đoàn 1 BB, hai lữ đoàn TQLC vẫn được duy trì như là lực lượng trữ bị, sẵn sàng được bốc đi cứu ứng cho các nơi khác khi cần thiết.

(4) Khúc vực hành quân của Sư đoàn 1 BB ở phía Nam sông Tchepone không có lực lượng đối kháng của CSVN, cũng không có lực lượng phòng không CSVN cho nên các phi công trực thăng Mỹ có thể an tâm thực hiện các phi vụ đổ quân hay thay quân.

*Chú giải : Kế hoạch được thay đổi bằng một sáng kiến tuyệt vời

Quân CSVN đã thiết trí súng phòng không dày đặc từ A Lưới đến Tchepone. Cuộc tiến quân từ bị khựng lại vì phi công trực thăng Mỹ không chịu bay tiếp tế hay tản thương. Các pilot Mỹ có lý của họ và họ có quyền từ chối bay. Tình hình trở nên bế tắc đối với Tướng Abrams là người chỉ huy tổng quát Liên quân Việt-Mỹ.

Thế nhưng Tướng Hoàng Xuân Lãm đã gỡ thế bí cho tướng Abrams bằng cách mở một hành lang trực thăng vận sâu về phía Nam sông Tchepone (Dọc theo đường 914), là vùng không có bố trí lực lượng phòng không.

Tuyệt vời hơn nữa là không đổ quân xuống tại Tchepone hay tại phía Nam Tchepone, mà lại đổ xuống cứ điểm Hope ở phía Bắc Tchepone rồi từ đó mới hành quân tạt về Tchepone (“búa”) để tập trung tại khu vực phía Nam Tchepone là khu vực an toàn đối với quân VNCH (“đe”). Trước đó cũng đã có một cánh quân được đổ xuống Nam Tchepone (Căn cứ Sophia và căn cứ Liz) để yểm trợ cho cánh quân Bắc Tchepone tiến vào thị trấn.

Và hay hơn hết là không dùng lực lượng trữ bị TQLC để tiến vào Tchepone như kế hoạch hành quân đã định sẵn, mà lại dùng TQLC trám chỗ cho Sư đoàn 1 Bộ binh để cho sư đoàn Bộ binh có thể tiến tới Tchepone với một đoạn hành trình ngắn hơn.

Ngoài ra binh sĩ của Sư đoàn 1 Bộ binh rất rành địa thế của vùng Hạ Lào cho nên họ có thể tìm được đường về nếu thất trận và mất liên lạc với đơn vị. Phải nói Tướng Lãm đã chứng minh được tài năng quân sự xuất chúng của ông với kế hoạch thay đổi này.

Nhưng tiếc là Tướng Lãm đã vô tình phạm vào một điều đại cấm kỵ, đó là ông đã vượt quyền của Đại tướng Cao Văn Viên và Đại tướng Abrams mà trình bày trực tiếp với Tổng tư lệnh Nguyễn Văn Thiệu. Rồi sau đó Tướng Thiệu đã chấp thuận mà không thông báo cho Abrams

cũng như Cao Văn Viên. Ngay khi biết chuyện tướng Viên đã nộp đơn xin từ chức. Mặc dầu Tướng Thiệu không chấp thuận nhưng từ đó Tướng Viên lộ rõ thái độ bất mãn.

Ngoài ra cũng trong cuộc gặp Tướng Thiệu, Tướng Lâm đã cho Tướng Thiệu biết cuộc hành quân đã bị khựng lại là vì các phi công trực thăng Mỹ từ chối bay hành quân mà tướng Abrams không giải quyết được.

Và trong khi còn đang nói chuyện với Tướng Lâm, Tổng thống Thiệu nhờ Thượng nghị sĩ Trần Văn Hương họp báo ngay để tố cáo việc phi công Mỹ từ chối nhiệm vụ nhằm cứu đoàn quân gặp nguy hiểm trên đất Lào. Nếu không có máy bay tiếp tế thì đoàn quân chỉ còn có cách mở đường máu trở về.

-Cũng trong buổi sáng ngày 28-2, tại Sài Gòn, Nghị sĩ Trần Văn Hương họp báo tố cáo Không quân Mỹ vô trách nhiệm, không chịu tiếp tế và tàn thương binh sĩ VNCH trên đất Lào như đã được phân công.

*Chú giải : Như vậy là chính khách VNCH và báo chí đã can thiệp vào lệnh hành quân của liên quân Việt Mỹ !! ... Một chuyện chưa từng xảy ra trong lịch sử chiến tranh cận đại của thế giới. Trong khi lẽ ra sự can thiệp này phải đến từ Đô Đốc McCain, Tư lệnh quân đội Mỹ tại Thái Bình Dương hoặc là từ Ngũ Giác Đài.

Sở dĩ Tư lệnh Thái Bình Dương và Ngũ Giác Đài lúng túng với trục trặc này bởi vì giới chức có thẩm quyền của cuộc hành quân lại là Luật sư Nixon và Giáo sư Kissinger; hai ông này chẳng biết gì về tham mưu hành quân nhưng lại chỉ huy trực tiếp Tướng Abrams chứ không thông qua Tướng McCain hay các ông tướng của Ngũ Giác Đài.

Abrams gặp trở ngại nhưng không thể trực tiếp trình xin Kissinger hay Nixon giải quyết, cho nên Tổng thống Thiệu phải nhờ nghị sĩ Hương và báo chí.

Ngày thứ 22, ngày 29-2,

Không có sự kiện nào được ghi nhận



(11) VÀO TCHEPONE “ĐÁI MỘT BÃI”

*(Trích sách “Giải Mã Những Bí Ẩn của Chiến Tranh Việt Nam của Bùi Anh Trinh)

Giai đoạn chiếm Tchepone : “Vào Tchepone đái một bãi xong rồi rút ra”

Ngày thứ 28, ngày 7-3

- Sáng sớm, CSVN pháo kích vào Căn cứ Lolo ở phía Nam Tchepone, có 3 lính Trung đoàn 1 Bộ binh chết và 17 bị thương.
 - Đại đội trinh sát Trung đoàn 2 BB VNCH tìm thấy 102 xác CSVN trong khu vực B.52 thả bom ngày hôm qua, thu 5 đại liên phòng không 12ly7, và 1 đại bác phòng không 37 ly.
 - Tiểu đoàn 3/2 BB/VNCH tiến về khu vực phía Nam Căn cứ Hope tìm thấy 32 xác bị chết do B.52, cùng với 1.000 tấn gạo và 2.000 mặt nạ ngừa hơi độc.
 - Tiểu đoàn 2/2 BB/VNCH tìm thấy gần 100 xác chết trong khu vực thả bom của B.52 với những vũ khí đã bị gãy vụn.
 - Đại đội Hắc Báo (đại đội trinh sát) của Sư đoàn 1 BB/VNCH được đổ xuống một địa điểm cách Căn cứ A Lưới 5 cây số về hướng Đông Nam để cứu hộ một phi hành đoàn trực thăng bị rơi tại đây vào 2 ngày trước. Đại đội gặp được toàn bộ phi hành đoàn nhưng cùng lúc đó quân CSVN kéo tới. Đại đội Hắc Báo chống trả dưới sự yểm trợ pháo binh của Căn cứ A Lưới cho đến khi phi cơ can thiệp.
- Kết quả đại đội và phi hành đoàn chỉ có vài người bị thương, trong khi giết được 60 quân CSVN, thu 30 vũ khí tự động, phá hủy 1 ổ phòng không. Ngoài ra cũng tìm thấy 40 xác CSVN khác bị chết vì bom của phi cơ.
- Tiểu đoàn 2/2 BB/VNCH phát hiện một kho sửa chữa vũ khí với 150 hỏa tiễn 122 ly, 43 trái đạn B.40, 17 súng đại liên, 8 súng cối 82 ly, 57 AK.47 và 2 xe tăng. Tất cả đã bị hư hỏng.
 - Tiểu đoàn 4/1 BB/VNCH hành quân tại khu vực phía Đông Nam của Tchepone (Căn cứ Lolo), tìm thấy 112 xác CSVN, 32 súng cối, 5 đại liên phòng không 12ly7, 6 súng B.40 và 18 AK.47.

Ngày thứ 29, ngày 8-3,

- Buổi sáng, Tiểu đoàn 2/2 và Tiểu đoàn 3/2 cùng với BCH Trung đoàn 2 BB thuộc Sư đoàn 1 BB/VNCH tiến vào Thị trấn Tchepone đã bỏ hoang, tìm thấy 8 súng cối 82 ly, 2 tấn gạo và vô số xác chết mà không có thì giờ để đếm. Sau khi tiếp đón phái đoàn của Tướng Phạm Văn Phú và các phóng viên quân đội vào buổi trưa, Trung đoàn gấp rút hành quân qua khỏi thị trấn, tiến về hướng Đông Nam.
 - Qua khỏi Thị trấn, Tiểu đoàn 2/2 BB tìm thấy 52 xác chết CSVN với 3 đại liên hạng nặng, và 50 quả đạn đại bác. Tất cả bị hư hỏng do bị phi cơ thả bom.
 - Buổi chiều, tất cả các đơn vị của Trung đoàn 2 Bộ binh tập trung gần bờ phía Bắc của sông Tchepone.
 - Đêm 8-3, Tiểu đoàn 2 và Tiểu đoàn 3 Bộ binh vượt sông Tchepone, đến bờ phía Nam.
- Diễn tiến giai đoạn rút quân

Ngày thứ 30, ngày 9-3

-Lúc 9 giờ sáng, Trung đoàn 2 Bộ binh từ Tchepone về đến căn cứ Sophia.

-Buổi trưa, toán thám sát của Trung đoàn 1 BB/VNCH phát hiện một đoàn xe tăng của CSVN cách Tchepone 10 cây số về hướng Tây Nam. Pháo binh VNCH bắn hủy 5 chiếc (Bằng đạn chạm nổ của súng 155 ly).

-Buổi trưa, Tướng Hoàng Xuân Lãm bay vào Sài Gòn gặp Tướng Nguyễn Văn Thiệu và Tướng Cao Văn Viên để trình bày diễn tiến hành quân vừa qua và sau đó trình bày về kế hoạch rút quân sau khi mục đích của cuộc hành quân là chiếm Tchepone đã hoàn tất.

-Buổi chiều, lực lượng TQLC/VNCH lục soát khu vực phía Đông Nam căn cứ Delta, phát hiện kho vũ khí với 5.000 trái hỏa tiễn địa địa (122 ly và 107 ly) cùng với nhiều khí cụ khác, tất cả đã bị bom B.52 hủy diệt.

*Chú giải : Lệnh hành quân “Đá một bãi” của Tướng Thiệu.

Trung tướng James B.Vaught, cựu Cố vấn Sư đoàn Dù đã viết lại ý kiến của ông về lệnh rút quân tại Hạ Lào :

“Thế nhưng ở trên kia, bất ngờ họ ra lệnh kết thúc cuộc hành quân Lam Sơn 719 chỉ vì nó không đem lại kết quả như họ đã tính. Cuộc hành quân này được mở ra không ngoài mục đích nhảy vào Hạ Lào, cắt ngang con đường HCM một cái rồi kéo về!

Theo ý kiến cá nhân tôi thì đáng lẽ quân ta phải đánh vào đó, phá huỷ đường HCM rồi ở lại! Giá như cuộc hành quân tổng hợp được bàn định kỹ lưỡng cẩn thận ngay từ đầu thì điều đó là khả năng hoàn toàn có thể thực hiện. Đáng tiếc là tất cả những đơn vị khác đều được lệnh rút về. Nhảy Dù cũng phải về và thi hành xuất sắc nhiệm vụ đoạn hậu, SĐ chúng tôi về trong tình thế tương đối bảo toàn” (Bản dịch của MX.520).

Thuở đó Đại tá James Vaught được chỉ định thay thế cho Đại tá William Pence sau khi Tiểu đoàn 2 Dù tự di tản khỏi Căn cứ 30. Vì không nắm được tình hình của giai đoạn đầu của cuộc hành quân cũng như không biết được những tính toán của các vị chỉ huy trên cao cho nên mãi cho tới sau này ông vẫn còn ngạc nhiên về lệnh rút lui.

Ông không biết rằng sự thực lực lượng địch là 5 sư đoàn Bộ binh, 2 trung đoàn Bộ binh biệt lập, 8 trung đoàn Pháo binh, 3 trung đoàn Công binh, 6 trung đoàn Phòng không, 8 tiểu đoàn Đặc công và 3 tiểu đoàn Tăng. Tổng cộng 60.000 người (Lịch sử Quân đội Nhân dân, Quyển 2, trang 374).

Tài liệu “Lam Son 719” của Tướng Nguyễn Duy Hinh cho biết cuộc hành quân lục soát tại Tchepone và khu vực chung quanh được dự trù là 2 tháng nhưng mới có 2 ngày thì đã tính tới chuyện rút quân, trong khi cuộc hành quân đang trên đà thành công chưa từng thấy.

Để giải thích cho quyết định này của các cấp lãnh đạo quân đội VNCH, Tướng Hinh đã giải thích nguyên do vì (1) Thời tiết vào mùa mưa bất lợi cho việc chuyển quân, tiếp tế, và yểm trợ hỏa lực bằng phi cơ. (2) Địch quân đã tăng cường quân số mỗi ngày một mạnh hơn. (3) Súng phòng không của địch mỗi ngày một nhiều hơn cho nên lượng trực thăng tiếp tế cũng như tản thương không đủ bảo đảm cho nhu cầu của chiến trường.

Tuy nhiên đây chỉ là cách giải thích của Tướng Hinh khi ông viết tài liệu cho Ngũ Giác Đài. Còn trong thực tế thì cựu Tổng thống Thiệu đã tiết lộ cho Tiến sĩ Nguyễn Tiến Hưng vào năm 1985 :

“ Nếu như Thiệu đã chậm chạp trong quyết định đổ thêm quân, thì ông rất mau lẹ đã nhận ra được rằng ông đã bị sa bẫy. Ông ra lệnh cho Tướng Hoàng Xuân Lãm, vị chỉ huy cuộc hành quân, tiến chiếm Tchepone nhưng không cố thủ ở đó vì ông sợ một vụ Điện Biên Phủ thứ hai : Lực lượng của mình bị cầm chân tại một tiền đồn bất khả bảo vệ và không có đường tiếp tế, ông đã ra lệnh cho Tướng Lãm : “Anh vô đó đá một bãi rồi ra ngay cho tôi” (Nguyễn Tiến Hưng, Bí Mật Dinh Độc Lập, trang 75).

Tổng thống Thiệu đã ra lệnh cho Tướng Lãm vào trưa ngày 28 -2, sau khi Nghị sĩ Trần Văn Hương họp báo tố cáo Không quân Hoa Kỳ thiếu trách nhiệm. Nghĩa là lúc ra lệnh Tướng Thiệu đã biết được chuyện Không quân Mỹ không thể yểm trợ cho chiến trường theo như đã phân công với nhau từ trước.

Trong khi gần nửa tháng trước đó, vào ngày 15-2-1971, Tướng Abrams được biết quân số của CSVN tại Hạ Lào là 5 sư đoàn bộ binh, chưa kể các sư đoàn pháo binh, sư đoàn phòng không và sư đoàn công binh; nhưng ông không thông báo cho Tướng Thiệu biết chuyện này. Nếu biết thì Tướng Thiệu đã cho rút quân ngay từ đầu chứ không vào Tchepone “đá một bãi”.

Chính vì biết địch, biết ta mà Tướng Thiệu đã ra lệnh cho Bộ binh VNCH vào Tchepone cho có, rồi ra ngay. Ông thừa biết kế hoạch hành quân là từ Washington cho nên Abrams cũng không dám thay đổi lệnh hành quân mặc dầu biết rõ lợi thế của địch và thất thế của ta.

Vậy thì cả phía quân đội VNCH lẫn phía quân đội Mỹ chỉ còn một cách là thi hành đúng đắn lệnh hành quân. Tuy nhiên trong lệnh hành quân (của Nixon và Kissinger) có một chỗ sơ hở là thời gian lưu lại Tchepone là do quân đội VNCH ấn định. Do đó Tổng tư lệnh quân đội VNCH đã quyết định lưu lại Tchepone trong 12 tiếng.

Tướng Abrams biết đây là cách giải quyết tuyệt vời của Tướng Thiệu nhưng ông giả lơ vì nhờ đó mà ông đã thoát khỏi một tình trạng vô cùng khó xử.* (Xin đọc những hồi cuối sẽ rõ).

Cũng vì Tướng Abrams không thông báo về kế hoạch chủ động rút quân của Tướng Thiệu trong khi báo chí Mỹ đang còn đưa tin như là trận Điện Biên Phủ đang sắp mở màn... Cho nên 13 ngày sau Nixon và Kissinger đã bật ngửa khi được báo cáo là quân đội VNCH đã rút quân về tới biên giới.

Hồi ký của Tướng Alexander Haig và băng ghi âm của Tòa Bạch Ốc được giải mã cho thấy vào lúc đó nội bộ Washington vô cùng rối ren khi biết Thiệu đã cho lệnh rút quân về. Đến nỗi Nixon nổi cơn lôi đình đòi cách chức Tướng Abrams trong khi trận chiến đang còn tiếp diễn.

Có như vậy mới thấy lệnh “đá một bãi” của Tướng Thiệu là rất sáng suốt. Nếu để chậm thêm cỡ 1 tuần thì 5 sư đoàn bộ binh CSVN ập đến thì hết đường về.

BÙI ANH TRINH

<http://chinhnghia.com/bien-khao-ve-tran-ha-lao-part01.asp>

Đảng sau Hiệp định Paris, mật ước Nixon và Phạm Văn Đồng

Bùi Anh Trinh

Trích sách “Giải Mã Những Bí Ẩn Của Chiến Tranh Việt Nam” của Bùi Anh Trinh

Năm 1973, ngày 7-2, mười một ngày sau khi ký kết Hiệp định Paris, Kissinger lên đường đi Hà Nội. Tại Hà Nội Kissinger trao cho Phạm Văn Đồng một công hàm của Tổng thống Nixon, trong đó quy định thể thức thanh toán số tiền bồi thường chiến tranh cho Hà Nội là 4,75 tỉ USD. Sau đó Thủ tướng CSVN Phạm Văn Đồng giao cho Kissinger mang về cho Tổng thống HK một công hàm hoan nghênh tinh thần Mật ước của Nixon và hứa sẽ thi hành nghiêm chỉnh Mật ước này. Như vậy là Mật ước đã có đủ chữ ký của cả hai người cầm đầu chính phủ. (Lưu Văn Lợi, Các Cuộc Thương Lượng Lê Đức Thọ & Kissinger tại Paris)

Nguyên văn Mật ước :

Ngày 1 tháng 2 năm 1973.

Tổng thống thông báo cho Việt Nam Dân chủ Cộng hoà những nguyên tắc sẽ chỉ đạo sự tham gia của Hoa Kỳ về việc xây dựng lại sau chiến tranh ở Bắc Việt Nam. Như đã nêu trong Điều 21 của Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam được ký kết tại Paris ngày 27 tháng giêng năm 1973, Hoa Kỳ thực hiện sự tham gia này theo chính sách truyền thống của mình.

Những nguyên tắc đó là:

(1) Hoa Kỳ sẽ đóng góp xây dựng lại Bắc Việt sau chiến tranh mà không cần một đòi hỏi chính trị nào.

(2) Con số cam kết sơ khởi là 3,25 tỉ Dollars viện trợ không hoàn lại trong vòng 5 năm. Những hình thức viện trợ khác (viện trợ phát triển kinh tế) sẽ được nghiên cứu sau.

(3) Công việc điều hành kế hoạch viện trợ sẽ do một Ủy Ban được đặt tên là Ủy ban hỗn hợp kinh tế Hoa Kỳ- Bắc Việt. Ủy ban sẽ được hình thành trong vòng 30 ngày sau khi ký Hiệp định.

(4) Chức năng của Ủy ban này sẽ là đề ra các chương trình cho việc đóng góp của Hoa Kỳ vào công cuộc xây dựng lại ở Bắc Việt Nam. Sự đóng góp của Hoa Kỳ sẽ tiến hành trên cơ sở những yếu tố sau đây :

a/ Các nhu cầu của Bắc Việt Nam do những tàn phá của chiến tranh gây nên.

b/ Các yêu cầu của công cuộc xây dựng lại sau chiến tranh trong các lĩnh vực nông nghiệp và công nghiệp của nền kinh tế Bắc Việt Nam.

(5) Ủy ban hỗn hợp kinh tế sẽ gồm những đại diện ngang nhau của mỗi bên. Ủy ban sẽ thoả thuận về một bộ máy để quản lý chương trình đóng góp của Hoa Kỳ vào công cuộc xây dựng lại Bắc Việt Nam. Ủy ban sẽ cố gắng hoàn thành sự thoả thuận này trong vòng 60 ngày sau khi được thành lập.

(6) Hai thành viên của Ủy ban sẽ hoạt động trên nguyên tắc tôn trọng chủ quyền của nhau, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau, bình đẳng và cùng có lợi. Những trụ sở của Ủy ban sẽ đặt tại một nơi sẽ được thoả thuận giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà.

(7) Hoa Kỳ cho rằng việc thực hiện những nguyên tắc nói trên sẽ thúc đẩy những quan hệ kinh tế thương mại và các quan hệ khác giữa Hoa Kỳ và Việt Nam Dân chủ Cộng hoà và sẽ góp phần vào việc bảo đảm một nền hoà bình vững chắc và lâu dài ở Đông Dương. Những nguyên tắc này phù hợp với tinh thần của Chương VIII của Hiệp định về chấm dứt chiến tranh, lập lại hoà bình ở Việt Nam ký tại Paris ngày 27 tháng giêng năm 1973.

Điều ghi chú về những hình thức viện trợ khác:

Về những hình thức viện trợ khác, việc nghiên cứu của Hoa Kỳ cho thấy rằng những chương trình thích hợp có thể là vào khoảng 1 đến 1,5 tỷ đô la tùy theo nhu cầu của Việt Nam Dân chủ Cộng hoà về lương thực và hàng hoá khác.

Hiểu biết về Chương trình xây dựng lại kinh tế:

Có sự hiểu biết là những đề nghị của ủy ban hỗn hợp kinh tế nói trong công hàm của Tổng thống gửi Thủ tướng sẽ do mỗi thành viên thực hiện theo những qui định của Hiến pháp của mình” (Lưu Văn Lợi, Các Cuộc Thương Lượng Lê Đức Thọ – Kissinger Tại Paris).

Tại sao cả hai bên đều không thi hành mật ước?

Như vậy những gì hai bên thương lượng với nhau suốt 4 năm không nằm trong Hiệp định, mà nằm trong Mật ước. Và hai bên ký với nhau Hiệp định Paris chỉ là che mắt thế gian, còn Mật ước mới là kết quả thương lượng thực giữa hai bên.

Khoan nói tới hai bên đã mật cam kết với nhau những gì; nhưng tại sao lại không giữ lời giao ước? Đây là một giao ước mật chứ không phải là giao ước công khai. Một khi giao ước mật được ký kết thì phải được tôn trọng tuyệt đối, gần như là lời thề thiêng liêng. Nếu có một bên phản bội thì bên kia chỉ cần tung mật ước ra trước ánh sáng thì bên vi phạm sẽ trở thành kẻ lừa đảo.

Mãi đến ngày 19-5-1977 Tổng thống HK Carter mới loan báo rằng sau khi ký Hiệp định Paris 1973, Tổng thống Nixon đã có ký với Hà Nội một mật ước riêng. Trong đó cam kết bồi thường 4,75 tỉ USD cho Hà Nội.

Sau loan báo của Tổng thống, Quốc hội Hoa Kỳ tuyên bố đó chỉ là lời hứa của người đứng đầu cơ quan hành pháp HK, cho nên quốc gia Hoa Kỳ không có trách nhiệm phải thi hành cam kết đó. Vì vậy dư luận hiểu rằng chính phía HK đã không thi hành đúng như cam kết, nghĩa là sau Hiệp định Paris HK không chung cho HN một đồng nào trong số 4,75 tỉ.

Vấn đề được đặt ra là tại sao Nixon lại không thi hành những điều mà ông nhân danh Tổng thống HK để viết ra? Trong khi đó Hà Nội cũng không đưa mật ước ra để tố cáo Nixon thất hứa? Nhất là khi Nixon còn tại chức? Đặc biệt theo như nhân dân HK được biết một cách không chính thức thì HK chỉ phải chung cho HN 3,25 tỉ đô la mà thôi, tại sao giờ đây chính phủ Carter lại loan báo là 4,75 tỉ.

Còn về phía Hà Nội tại sao họ cứ một mực tố cáo Nguyễn Văn Thiệu vi phạm Hiệp định mà không công khai hay bán công khai tố cáo Nixon không giữ lời hứa về số tiền tái thiết BV? Nhất là khi Nixon còn tại chức ?

Chìa khóa giải mã

Năm 1998 Chính phủ CSVN (Phan Văn Khải) đã cho công bố toàn bộ biên bản các cuộc mật đàm giữa Lê Đức Thọ và Kissinger bằng một cuốn sách của Đại tá CSVN Lưu Văn Lợi,

ông là chuyên gia thương thuyết trong phái đoàn HN tại Paris. Cuốn sách có tựa đề là “Các Cuộc Thương Lượng Lê Đức Thọ & Kissinger tại Paris”, sách xuất bản tại HK năm 1998 nhưng phổ biến hạn chế, đặc biệt không cho lưu hành trong nước.

Đến tháng 10 năm 2002 nhà xuất bản “Công an Nhân dân” mới in lại và xuất bản trong nước. Trong chương cuối có đăng nguyên văn bản mật ước Nixon-Phạm Văn Đồng, được Nixon ký ngày 1-2-1973, nghĩa là 4 ngày sau khi hai bên ký kết Hiệp định Paris.

Bản mật ước gồm có 7 mục, trong đó 3 mục đầu quy định thể thức chi trả 3,25 tỉ tiền bồi thường chiến tranh và 4 mục sau quy định thể thức viện trợ kinh tế dài hạn cho Hà Nội, bước đầu là 1,5 tỉ hàng hóa và lương thực (viện trợ với lãi suất ưu đãi). Cơ quan điều hành hệ thống viện trợ bồi thường chiến tranh của HK tại HN sẽ được thành lập xong trong vòng 30 ngày sau khi Hiệp định Paris được ký kết. Và hệ thống sẽ đi vào hoạt động trong vòng 60 ngày sau khi được thành lập, nghĩa là đồng đô la viện trợ đầu tiên sẽ đến Hà Nội 1 tháng sau khi người tù binh HK cuối cùng đã được thả (Tù binh được thả trong vòng 60 ngày).

So sánh thời gian trao trả tù binh và thời gian bắt đầu chung viện trợ thì có thể kết luận được rằng “*Nếu HN thả hết 391 tù binh HK xong rồi thì HK mới thưởng bằng tiền viện trợ*” Đây là lời hứa của bên chiến thắng: HN phải thả hết tù binh vô điều kiện, thả xong tới người cuối cùng một cách vui vẻ thì mới được chung 4,75 tỉ. (Thưởng thì giao ước bồi thường và trao trả tù binh được thực hiện trên nguyên tắc: đồng tiền đầu tiên được đưa ra cùng với người tù đầu tiên được thả, và đồng tiền cuối cùng được đưa ra cùng với ngày người tù binh cuối cùng được thả. Thêm một bằng chứng chứng minh HN đã đầu hàng sau cuộc dội bom).

Vậy thì ai đánh lừa ai?

Sự kiện tù binh phải được thả hết trước khi Hà Nội nhận được viện trợ chứng tỏ HK không có lý do gì để sợ Hà Nội phản bội mật ước. Có chăng là HN sợ HK lấy xong tù binh rồi quyết nợ không chung tiền. Và thực tế xảy ra đúng như vậy, Nixon lấy được toàn bộ tù binh nhưng không chung được 1 đồng như đã hứa. Cái gì khiến cho Nixon và Kissinger trở thành những tay lừa đảo hạng bét?

Người ta xem lại biên bản từng cuộc mật đàm để truy nguyên hoàn cảnh phát sinh ra bản mật ước Nixon-Phạm Văn Đồng. Hóa ra ban đầu, trước trận thả bom 12 ngày đêm thì mật ước đã được soạn trước nhưng chỉ có 3 mục đầu, nghĩa là bồi thường 3,25 tỉ. Số tiền này đã được thông báo cho Quốc Hội HK.

Nhưng sau khi Hà Nội thiếu điều kéo cờ trắng trong cuộc dội bom 12 ngày đêm thì hai bên mới ngồi lại và thêm vào 4 mục sau, có thêm 1,5 tỉ viện trợ lương thực và hàng hóa (Đây là số tiền cho vay để phát triển kinh tế chứ không phải là viện trợ nhân đạo không hoàn lại). Đồng thời có thêm một kế hoạch viện trợ phát triển kinh tế về lâu về dài cho Bắc Việt.

So sánh mật ước 3 mục (trước cuộc dội bom) với mật ước 7 mục (sau cuộc dội bom) thì sau cuộc dội bom Hà Nội đã được Nixon thưởng thêm bằng cam kết sẽ viện trợ phát triển kinh tế cho Hà Nội như là viện trợ cho một nước đồng minh; giống như viện trợ cho Nam Hàn sau Hiệp ước Bàn Môn Điểm hay viện trợ cho Sài Gòn sau Hiệp định Geneve.

Suy ra Hà Nội đã âm thầm trở thành đồng minh của HK sau cuộc dội bom, nghĩa là *thay vì đầu hàng thì Hà Nội đã xin hồi chánh.*

Đầu hàng là buông súng và chịu mọi sự phán xét của kẻ thù, còn hồi chánh là ly khai với phe Cộng sản và trở thành đồng minh của phe Tự do. Lê Duẩn quyết định hồi chánh thì có lợi cho Bắc Việt nhiều hơn so với đầu hàng. Ông ta có quyền ly khai khỏi phe CS bởi vì TQ và Liên Xô đã phản bội ông ta trước.

Còn nếu như ông ta đầu hàng thì không có ai giúp ông hồi phục kinh tế sau chiến tranh mà trái lại ông còn giữ nguyên quyền sở hữu chiến phí của LX và TQ. Và lại chạy theo Mỹ thì tất cả dân Việt từ Nam chí Bắc đều hoan hô ông; còn như tiếp tục chạy theo hai đàn anh đều cáng là Trung Quốc và Liên Xô thì dân tộc mãi mãi trong tăm tối và đói khát như Bắc Hàn hay Cu Ba ngày nay.

Tại sao không bắt Hà Nội đầu hàng mà lại cho hồi chánh ?

Ngay từ những ngày đầu có cuộc mật đàm Kissinger- Lê Đức Thọ thì Quốc hội HK đã mặc nhiên cho phép Kissinger có quyền bỏ tiền ra lấy tù binh trở về. Vấn đề là Kissinger trình diễn làm sao cho việc chung tiền không có vẻ là Hoa Kỳ bại trận. Vì vậy Nixon vẫn hợp pháp khi Kissinger soạn ra tờ “Mật ước 3 điểm” hứa chung 3,25 tỉ cho Hà Nội. Số tiền đã được thông báo cho Quốc hội HK và ngay cả dân chúng HK cũng được biết một cách không chính thức.

Thế nhưng 4 mục sau (cam kết thiết lập hệ thống viện trợ kinh tế dài hạn cho Hà Nội) là một việc làm phi pháp, bởi vì không xin phép Quốc hội HK, “lén thỏa thuận với đối phương”. Và lại viện trợ kinh tế dài hạn chỉ được dành cho quốc gia đồng minh của HK chứ không thể nào dành cho “kẻ thù”.

Ngoài ra những đối thủ của Nixon trong đảng Dân chủ cũng có thể cáo buộc rằng *cái giá để lấy tù binh trở về là công cuộc viện trợ phát triển kinh tế cho HN*. Cũng là phạm pháp vì không xin phép Quốc hội; nhưng nếu có xin phép thì QH cũng sẽ bác bỏ bởi vì viện trợ kinh tế chỉ được cung cấp cho các quốc gia đồng minh trong khi Hà Nội đang là quốc gia thù địch.

Sự kiện Nixon lãn Hà Nội giữ kín tờ mật ước cho tới 1977 chứng tỏ ngày đó hai bên đồng thỏa thuận “*Hà Nội bí mật hồi chánh*”. Hà Nội có quyền ly khai khỏi thế giới Cộng sản là do Trung Quốc và Liên Xô tráo trở, cả hai đã ngưng cung cấp vũ khí để buộc Hà Nội phải chấm dứt chiến tranh và trả tù binh cho HK.

Thế nhưng tại sao Nixon lại giấu nhem tin HN hồi chánh ? Câu trả lời rằng nhân dân Hoa Kỳ sẽ không chấp nhận bởi vì mối thù giữa Hà Nội và nhân dân HK đang còn nóng hổi, Quốc hội và dân chúng HK muốn Hà Nội phải đầu hàng chứ dứt khoát không có chuyện Hà Nội tự nhiên trở thành đồng minh của HK mà chẳng phải trả giá cho tội lỗi của họ.

Vậy thì tại sao Nixon không buộc Hà Nội phải đầu hàng đúng theo ước vọng của dân chúng Hoa Kỳ ? Câu trả lời là TQ và LX sẽ không chấp nhận. Họ đã thỏa thuận trói tay Hà Nội để Hà Nội ngưng theo đuổi chiến tranh chứ không phải để cho HK tha hồ đánh Bắc Việt đến nỗi phải đầu hàng. Thế giới sẽ nguyên rủa hai đàn anh đều cáng.

Nếu Hà Nội đầu hàng vì trận dội bom 12 ngày đêm thì đương nhiên Liên Xô và Trung Quốc sẽ công bố cho thế giới biết rằng trong năm 1972 đích thân Nixon đến Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa để năn nỉ họ thôi viện trợ vũ khí cho Hà Nội để Hà Nội chấm dứt mộng theo đuổi chiến tranh, đem lại hòa bình cho nhân dân Việt Nam và cho toàn thế giới chứ họ không ngờ là HK đã lợi dụng việc này để tấn công buộc Hà Nội phải đầu hàng.

Hậu quả chắc chắn sẽ kéo theo sự căng thẳng trở lại giữa Hoa Kỳ và thế giới Cộng sản. Và dư luận thế giới sẽ coi HK như là một kẻ tráo trở vô liêm sỉ, bởi vì rõ ràng là HK đã bị CSVN đánh bại nhưng lại năn nỉ LX và TQ trối tay HN để HK tiếp tục hạ gục HN.

Vì vậy mà Nixon đã không kịp trở tay khi nghe Hà Nội đề nghị hồi chánh, ông chỉ còn có nước bí mật giúp đỡ Hà Nội dưới hình thức viện trợ bồi thường chiến tranh. Sau đó là hiệp thương trao đổi hàng hóa giữa hai miền Nam Bắc (theo Hiệp định Genève và Hiệp định Paris). Cuối cùng là tổng tuyển cử lựa chọn chế độ (Cũng theo Hiệp định Genève và Hiệp định Paris). *Dự trù đến lúc tổng tuyển cử thì Hà Nội sẽ sắp xếp cho dân Miền Bắc bỏ phiếu quyết định theo chế độ Tự do. Lúc đó Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa sẽ không nói gì được. Và nhân dân HK không thể nào từ chối.*

*(Ghi chú : Thực ra bức mật thư đã được Hà Nội tiết lộ dần dần cho các dân biểu nghị sĩ HK từ năm 1975 nhưng những người này đã nhém đi vì không muốn chung tiền cho HN. Họ viện lý do HN đã không thi hành nghiêm chỉnh HĐ Paris :

Tháng 12 năm 1975 phái đoàn của HK do dân biểu Montgomery dẫn đầu đến HN đã được xem.

Ngày 15-1-1976 phái đoàn do Thượng nghị sĩ McGovern dẫn đầu đến HN đã được xem.

Ngày 14-4-1976, báo Nhân Dân của HN đăng một phần Mật ước với lời công kích chính phủ Mỹ (Đăng 3 điều đầu, giấu 4 điều sau).

Ngày 3-5-1977, Phái đoàn đàm phán bình thường hóa quan hệ giữa CSVN và HK tại Paris do Holbrooks dẫn đầu đã được Thứ trưởng Ngoại giao CSVN Phan Hiền cho xem.

Ngày 6-5-1977, báo Nhân Dân của HN cho đăng một phần Mật ước và một phần Công hàm đáp nhận của Phạm Văn Đồng cùng với lời chỉ trích chính phủ Mỹ “chà đạp luật pháp quốc tế”. Dân biểu HK Lester L.Wolff đòi đưa Nixon ra tòa nếu Nixon không đưa ra bản Mật ước.

Ngày 14-5-1977 Nixon viết thư trả lời Wolff rằng chẳng có cam kết viện trợ nào cả.

Ngày 19-5-1977, trước sức ép của Wolff, chính phủ Carter loan báo ngày 1-2-1973 Nixon có ký một Mật ước với HN với con số 4,75 tỉ USD (nghĩa là cho lộ luôn 4 điều sau mà HN đã giấu).

Ngày 21-5-1977 Bộ Ngoại giao HN cho công bố toàn văn Mật ước của Nixon và công hàm đáp nhận của Phạm Văn Đồng).

BÙI ANH TRINH

<https://vantuyen.net/2014/09/30/bui-anh-trinh-dang-sau-hiep-dinh-paris-mat-uoc-nixon-pham-van-dong/>

Nguồn: <https://www.baoquocdan.org/2024/01/bui-anh-trinh-ang-sau-hiep-inh-paris.html>

[Trang chủ](#) » [Bùi Anh Trinh](#) » SAU MẬU THÂN, MỸ KHÔNG CÒN HY VỌNG – Bùi Anh Trinh

SAU MẬU THÂN, MỸ KHÔNG CÒN HY VỌNG (3)

Bùi Anh Trinh



Trích sách “Giải mã những bí ẩn của chiến tranh Việt Nam” của Bùi Anh Trinh

Thiệt luôn luôn chủ động, trầm tĩnh và lịch sự

Năm 1968, một tuần sau trận tổng tấn công, Tổng thống Thiệu xuất hiện trên đài truyền hình Hoa Kỳ qua chương trình “Face The Nation”.

Tài liệu của Đại sứ Bunker ghi nhận : *“Ellsworth đã xem chương trình ấy qua đài truyền hình Quân đội Hoa kỳ : Ngoại trừ Bob Shaplan còn giữ được phong cách lịch sự, những người khác đều có thái độ hằn học khi chất vấn ông ta.*

Với những câu hỏi đầy ác ý kèm theo các dẫn chứng thổi phồng, dường như để buộc tội hơn là để tìm biết sự thật, họ đã tỏ ra thiếu tinh thần tự trọng, đứng đắn, trong các mối tương quan giữa người và người chứ đừng nói gì, người mà họ đang chất vấn lại là một nguyên thủ quốc gia.

Thế nhưng bằng những dẫn chứng xác đáng, bằng Anh ngữ, Thiệu đã trả lời trôi chảy mọi vấn đề. Ông ta luôn luôn chủ động, trầm tĩnh và lịch sự (Stephen Young, Victory Lost, bản dịch của Nguyễn Vạn Hùng trang 190).

*** Chú giải :** Ông Thiệu trầm tĩnh bởi vì ông ta nắm rõ tình hình và ông ta biết làm thế nào để đối phó với tình hình. So với cuộc trả lời phỏng vấn trước đó của Tướng Westmoreland thì rõ ràng Tướng Thiệu bản lĩnh hơn. Ông đã thuyết phục được giới báo chí bằng những lập luận có dẫn chứng và chứng minh. Trong khi đó những câu trả lời của Westmoreland chỉ càng làm cho các phóng viên nghi ngờ thêm, cuối cùng thì họ kết luận rằng ông tướng nói láo.

Ngoài ra so với những công điện của Đại sứ Bunker trao đổi với Washington trong những ngày chiến cuộc mới nổ ra thì Bunker cũng không bình tĩnh và sáng suốt bằng Nguyễn Văn Thiệu. Rõ ràng Tướng Thiệu bản lĩnh hơn cả Bunker, một nhân vật trầm tĩnh đến độ được báo chí quốc tế đặt cho biệt danh là “Ông già tử lạnh”.

Năm 1968, ngày 8-2, Thượng nghị sĩ Robert Kennedy mở màn cuộc tranh cử chức tổng thống Hoa Kỳ với lời tuyên bố : **“Đã đến lúc Hoa Kỳ phải đối diện với sự thật rằng một cuộc chiến thắng bằng quân sự chẳng bao giờ tìm thấy được và sẽ chẳng bao giờ xảy ra”** . Cuối cùng ông kêu gọi thỏa thuận cho CSVN được tham gia chính quyền Miền Nam Việt

Nam. Đây là một đề nghị tưởng như là mưu tìm hòa bình nhưng thực chất là “*bỏ rơi Nam Việt Nam*”.

Năm 1968, ngày 11-2, bình luận gia của đài truyền hình CBS Hoa Kỳ là Walter Cronkite đến Việt Nam để quan sát tình hình sau trận Mậu Thân. Khi trở lại Hoa Kỳ ông phát biểu trên đài truyền hình rằng “*Hoa kỳ đã lún sâu vào chỗ không lối thoát*” và “*Đó là hậu quả của một cuộc chiến bi thảm... Tôi sẽ làm mọi thứ có thể làm được để chấm dứt cuộc chiến*”. (39 năm sau Cronkite trở lại Việt Nam và được Tướng Võ Nguyên Giáp cho biết là CSVN đã thua trắng tay trong trận Mậu Thân).

Năm 1968, ngày 13-2, qua một cuộc điện đàm, Tướng Westmoreland yêu cầu Tướng Tổng tham mưu trưởng liên quân Hoa Kỳ là Earle Wheeler tăng quân khẩn cấp cho chiến trường Nam Việt Nam. Wheeler đến Sài Gòn để lượng giá yêu cầu tăng quân của Westmoreland, sau đó ông trở về Hoa Kỳ và tỏ ra bi quan :

“*Wheeler cho rằng trong đợt tấn công đầu tiên, cộng quân gần như đã thành công trong việc chiếm giữ hàng chục thành phố, thị trấn, điều đó có nghĩa là, hy vọng một cuộc chiến thắng bằng quân sự của phe đồng minh còn trong mong manh, xa vời*” (Stephen Young, *Victory Lost, bản dịch của Nguyễn Vạn Hùng trang 204*). Tuy nhiên sau đó ông cũng chấp thuận đề nghị tăng 206.000 quân của Tướng Westmoreland.

* *Chú giải* : Con số 206 ngàn quân xin tăng thêm đủ chứng minh Westmoreland và Ngũ Giác Đài suy nghĩ gì vào thời đó. Họ cho rằng CSVN chỉ mới tung ra một phần lực lượng cho cuộc chiến, trong khi đó theo ghi nhận từ trước tới nay của cơ quan tình báo chiến lược CIA cho thấy quân CSVN tại Miền Nam là 320.000.

Những số liệu thu thập được tại chiến trường trong 25 ngày đánh nhau cho thấy CSVN mới tung ra 85 ngàn quân và họ bị bỏ xác tại chiến trường mới có 40.000 quân, vậy thì còn ít nhất 200 ngàn quân chưa được tung vào cuộc chiến, chưa kể trường hợp Hà Nội xua quân từ Miền Bắc tràn vào Nam.

Trong khi đó sự thực CSVN đã tung hết quân mà họ có, và đã bị tiêu diệt 40 ngàn người; số còn lại đã bỏ ngũ trở về quê sinh sống, chỉ riêng tại Quân khu 9 (Miền Tây) con số bỏ ngũ là 12 ngàn (Quân Khu 9, 30 Năm Kháng Chiến; Nhà xuất bản Quân đội nhân dân).

Theo tài liệu báo cáo của Bộ Tổng tham mưu QLVNCH do Nha quân sử phổ biến thì trong tháng 2 năm 1968, nghĩa là sau 30 ngày nổ ra trận chiến, quân CSVN bỏ xác tại các chiến trường là 41.181 người; bị bắt làm tù binh là 7.391 người. Thống kê này không tính số xác được mang đi hoặc bị thương. Và trong tháng 3 năm 1968 thì quân CSVN bỏ xác tại chỗ là 17.192; bị bắt làm tù binh 2.070 người. Tổng cộng nội trong 2 tháng đã có 60.000 người chết và 9.400 người bị bắt

Trong khi đó cơ quan tình báo cao cấp nhất của quân đội VNCH là Phòng 2 Bộ Tổng tham mưu QL/VNCH lại ghi nhận trước tết quân CSVN được ước tính khoảng 323.500 người (Tài liệu của Đại tá Hoàng Ngọc Lung, Trưởng phòng tình báo Bộ TTM/ VNCH). Như vậy theo như cơ quan tình báo của VNCH và HK thì sau tháng 2 năm 1968 quân CSVN còn 283.500 người. Gồm 97 tiểu đoàn và 18 đại đội biệt lập. Chia ra Vùng 1 chiến thuật 35 tiểu đoàn và 18 đại đội biệt lập. Vùng 2 chiến thuật 28 tiểu đoàn. Vùng 3 chiến thuật 15 tiểu đoàn. Và vùng 4 chiến thuật 19 tiểu đoàn (Tài liệu của Trung tá Phạm Văn Sơn, Giám đốc Nha Quân sử/VNCH).

Chính con số ước tính này đã khiến cho Tướng Westmoreland quyết định xin tăng thêm 206.000 quân. Chuyện xin tăng quân làm cho ông mất uy tín đối với dân chúng Hoa Kỳ và cả với Tổng thống Hoa Kỳ.

Cũng theo tài liệu của Phòng 2 Bộ Tổng tham mưu QL/VNCH thì căn cứ vào lời khai của các tù binh tại các mặt trận người ta tính được tổng số quân CSVN tham dự trận Mậu Thân là 85.000. Và 20 năm sau trong một cuộc hội thảo của các nhà quân sự CSVN tại Sài Gòn thì con số 85 ngàn quân là tất cả số quân hiện có vào thời đó của CSVN (Không tính 1 sư đoàn chính quy Bắc Việt tại Tây Nguyên và 2 sư đoàn chính quy Bắc Việt tại Khe Sanh). So sánh con số ước tính 323.500 với con số thực tế 85.000 cho thấy cơ quan tình báo Hoa Kỳ và VNCH siêu đẳng tới mức nào.

Năm 1968, ngày 26-2, “*Cơ quan tình báo CIA tại Hoa Thịnh Đốn đã đệ nạp chính phủ một bản nghiên cứu tổng hợp nhằm tái lập chính sách tại Miền Nam Việt Nam từ A đến Z. Bản báo cáo này đưa ra nhận định rằng chính quyền Miền Nam Việt Nam quá yếu kém, vì vậy trong tương lai không thể nào đủ khả năng để đương đầu với Cộng sản Hà Nội.*

Một bản phúc trình thứ ba, cũng tương tự như thế, CIA cho rằng, trong vài tháng sắp tới, tình hình nguy khốn sẽ xảy ra cả về phía quân đội lẫn chính quyền Miền Nam Việt Nam, vô phương cứu vãn (Stephen Young, Victory Lost, bản dịch của Nguyễn Vạn Hùng trang 185).

Năm 1968, ngày 29-2, tân Bộ trưởng Quốc phòng Clark Clifford thay thế cựu bộ trưởng MacNamara. Ngày 1-3-1968, Clark Clifford nhận được một bản phúc trình của các chuyên gia quân sự tại Ngũ Giác Đài : “*Phải thay đổi toàn bộ, nếu không thì không thể thực hiện (kịp) kế hoạch chấm dứt chiến tranh.*” (Tức là kế hoạch đầu hàng trong danh dự: rút quân và điều đình chung tiền lấy lại tù binh).

* *Chú giải* : Theo hồi ký của MacNamara thì ông đã xin với Tổng thống Johnson được thôi chức từ đầu tháng 11 năm 1967 và Tổng thống đã chấp thuận. Nhưng theo sách “Vietnam: A History” của Stanley Karnow thì tác giả quả quyết rằng Tổng thống Johnson yêu cầu MacNamara từ chức.

Nhưng sau này tài liệu mật của Tòa Bạch Ốc được giải mã cho thấy Tổng thống Johnson phát hiện **McNamara đi đêm với Robert Kennedy**, ngầm ủng hộ Kennedy tranh cử với Johnson trong nhiệm kỳ tới cho nên ông thông báo chia tay với McNamara, nhận được thông báo của Johnson, McNamara nộp đơn từ chức.

Tổng thống Johnson đề cử Clark Clifford làm Bộ trưởng Quốc phòng vào ngày 19-1-1968, đến 30 tháng 1-1968 Quốc hội Hoa Kỳ mới chuẩn thuận đề nghị của Johnson. Nhưng qua ngày hôm sau, trong cuộc tiếp tân chúc mừng tân Bộ trưởng, mọi người nghe đài phát thanh loan báo tin CSVN tấn công trên toàn lãnh thổ VNCH. Vì vậy tin tức thay thế bộ trưởng Quốc phòng được hoãn loan báo cho công chúng. Rồi do vì loan quá chậm mà dư luận cho rằng McNamara bị cách chức do vụ Mậu Thân.

Tổng thống Thiệu đã tiên đoán đúng

Năm 1968, cuối tháng 2. Tài liệu của Đại sứ Bunker do Stephen Young phổ biến : “*Thiệu ước tính, cộng quân sẽ không trở lại cuộc chiến du kích với những đơn vị lẻ tẻ tại nông thôn. Ông ta nghĩ Hà Nội sẽ cố gắng tối đa để tung vào cuộc chiến nhằm buộc chính phủ Miền Nam Việt Nam lo bảo vệ tại các thành phố, trong khi đó, cộng quân tái thiết lập sự kiểm soát tại nông thôn để đưa vị trí của họ vào thế mạnh để đưa họ vào vị thế mạnh tại bàn thương*

thuyết. Thiệu tiên liệu, Hà Nội sẽ ngồi vào bàn hội nghị vào cuối năm 1968 và đầu năm 1969. **Điều Thiệu tiên đoán đã xảy ra đúng**” (*Victory Lost*, bản dịch của Nguyễn Vạn Hùng trang 199).

“Thiệu sau đó đã chỉ thị cho các đơn vị quân đội Miền Nam Việt Nam quay trở lại bảo vệ nông thôn” (trang 211).

* *Chú giải* : Trong khi CIA và Ngũ Giác Đài hoảng hốt đến độ e rằng quân đội Hoa Kỳ sẽ phải tháo chạy trước khi kịp ngồi vào bàn thương thuyết với Hà Nội thì Tổng thống Việt Nam Cộng Hòa bình chân như vại. Ông và ban tham mưu của ông thấy rõ rằng quân đội VNCH đang trên thế chủ động và CSVN không có gì đáng sợ như CIA và Westmoreland lo sợ.

Hơn thế nữa, Tổng thống Thiệu thấy trước thế mạnh và thế yếu của ta và địch trong bàn đàm phán sắp tới. Vì vậy khi Westmoreland quyết định rút quân từ nông thôn về bảo vệ các đô thị là một quyết định trái ngược với yêu cầu của tình thế.

Rõ ràng là Tổng thống Thiệu có lý, thế nhưng nực cười là Washington chỉ nghe lời CIA; và ngay cả Bunker ngồi tại Sài Gòn cũng không đếm xỉa gì đến Nguyễn Văn Thiệu hay các nhà lãnh đạo VNCH mặc dầu ông ta tận mắt chứng kiến những hành động đầy quyền biến của Nguyễn Văn Thiệu và Nguyễn Cao Kỳ trong dịp tết Mậu Thân.

Cũng trong tài liệu của Bunker :

“*Hoa Thịnh Đốn* đòi hỏi Bunker phải áp lực tối đa để chính phủ Việt Nam phải nhận trọng trách nhiều hơn.... Bunker đáp lại, ông ta tin tưởng chính phủ Miền Nam **Việt Nam có thể làm tất cả những gì mà họ thấy là cần thiết cho đất nước của họ. Thế nhưng nếu chúng ta áp đặt thì chẳng bao giờ họ thực hiện những điều mà chúng ta muốn...** Từ đó nảy sinh ra khuynh hướng chỉ trích, đả kích, cho rằng chính phủ Miền Nam Việt Nam đã không thi hành hết trách nhiệm của họ, một trách nhiệm mà ngay cả người Hoa Kỳ cũng không thể hoàn tất nổi”(trang 205).

Đây là một nhận xét cơ bản nhất và chính xác nhất về chính sách của Hoa Kỳ, không riêng đối với dân tộc Việt Nam, mà đối với bất cứ một dân tộc nào trên thế giới : Một khi anh đã coi thường họ, không tin tưởng họ, và giành lấy công việc của họ; thì cho dù họ biết rằng anh sai họ cũng vẫn làm sai cho anh trắng mắt ra, họ không dại gì tự sửa sai cho anh.

Không biết đến bao giờ các chính trị gia Hoa Kỳ mới nghiệm ra được bài học này trong công việc điều hành trật tự chung cho toàn thế giới. Không riêng tại Việt Nam, mà ngay cả tại Anh, tại Pháp người Hoa Kỳ cũng vẫn mắc sai lầm tự cao tự đại khiến cho cuối cùng không có một dân tộc nào muốn hợp tác chân tình với Hoa Kỳ, họ chỉ hợp tác theo tinh thần con buôn. Mà hễ là con buôn thì chỉ có lợi và hại, còn ân nghĩa chỉ là chuyện bịp.

Tổng thống Thiệu nói chuyện trước sinh viên

Năm 1968, giữa tháng 3, Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu dự buổi lễ mãn khóa một lớp huấn luyện quân sự dành cho sinh viên tại vườn Tao Đàn, có 13 ngàn sinh viên tốt nghiệp. Tài liệu của Bunker ghi lại : “*Trong buổi lễ hôm ấy Thiệu đã dành 15 phút để nói chuyện trước đám đông sinh viên. Bài nói chuyện không soạn sẵn vì không dự tính sẽ có mục nói chuyện trong chương trình. Thế nhưng chưa bao giờ Bunker thấy Thiệu nói chuyện hùng hồn và hấp dẫn như hôm ấy. Đến đổi Bunker không nghĩ người đang nói chuyện trước đám sinh viên kia là Thiệu.*

Trong 15 phút, sinh viên đã vỗ tay hoan nghênh ông đến 9 lần, và khi chấm dứt, ba lần sinh viên đã đứng lên ngồi xuống liên tục hoan nghênh ông” (Stephen Young, Victory Lost, bản dịch của Nguyễn Vạn Hùng trang 211).

Năm 1968, giữa tháng 3, văn bản xin tăng thêm quân Hoa Kỳ của Tướng Westmoreland bị một nhân viên dân sự làm việc trong Bộ Quốc phòng tiết lộ cho tờ báo New York Time (Sau này được xuất bản với tên “The Pentagon Papers”). Dư luận Hoa Kỳ nổi lên công kích Westmoreland dửng dưng, cho rằng ông ta đã lừa bịp khi đứng trong khuôn viên tòa đại sứ tuyên bố rằng CSVN sẽ thất bại khi mở cuộc tổng công kích.

Vậy mà nay ông ta lại âm thầm xin tăng thêm 206 ngàn quân, vậy thì từ trước tới nay ông ta đã thiếu thành thật đối với dân chúng Hoa Kỳ. Và văn bản này là một chứng minh cho thấy quân Hoa Kỳ sắp sửa đầu hàng tại Khe Sanh giống như quân Pháp đã đầu hàng tại Điện Biên Phủ.

Tin tức bay về Hà Nội, Lê Duẩn quyết định xua 2 sư đoàn Bắc Việt (16.000 quân) tấn công căn cứ Khe Sanh đang được 5.000 Thủy quân lục chiến Hoa Kỳ và 1.000 Biệt động quân VNCH trấn giữ. Washington rúng động, phóng viên báo chí quốc tế đổ xuống sân bay Huế để săn tin về một trận Điện Biên Phủ thứ hai.

Năm 1968, ngày 23-3, Tướng Westmoreland được thông báo chuẩn bị rời chức vụ Tư lệnh quân đội Hoa Kỳ tại Việt Nam để về Washington nhận nhiệm vụ Tham mưu trưởng Lục quân.

Năm 1968, ngày 31-3, Tổng thống Hoa Kỳ Johnson đọc diễn văn loan báo giảm ném bom Bắc Việt, kêu gọi hòa đàm; và tuyên bố không ra tranh cử Tổng thống nhiệm kỳ 2.

BÙI ANH TRINH

Nguồn: <https://tusachonline.wordpress.com/2014/07/17/sau-mau-than-my-khong-con-hy-vong-bui-anh-trinh/>

KHAI THÔNG BẾ TẮC BẰNG CÁCH DỘI BOM NGÀY ĐÊM (4)



Chiến dịch “Linebacker II”

Năm 1972, ngày 14-12, Kissinger trở về Hoa Kỳ điện cho Đại sứ Bunker để báo cho Tổng thống Thiệu biết là Nixon sẽ thả bom mạnh mẽ vào Hà Nội để buộc Bắc Việt phải thỏa thuận những đề nghị sửa đổi bản dự thảo hiệp ước của Hoa Kỳ mà trong đó có rất nhiều điểm đề nghị của Thiệu. Nhưng cũng khuyến cáo rằng đây cũng là cố gắng cuối cùng của Nixon đối với Thiệu.

Năm 1972, ngày 15-12 tại Sài Gòn, tức là ngày 14-12 tại HK. Theo tài liệu của Bunker cho Stephen Young công bố : “Về phía Miền Nam, cuối cùng vào ngày 15 tháng 12, Thiệu cho Bunker biết là ông ta đồng ý theo lời yêu cầu của Hoa Kỳ, **chấp nhận quân đội Bắc Việt lưu lại tại Miền Nam nếu...** Hoa Thịnh Đốn bảo đảm lực lượng đó không vi phạm bản hiệp định sau khi đã ký kết” (Stephen Young, *Victory Lost*, bản dịch của Nguyễn Vạn Hùng trang 514). Sự đồng ý của Tổng thống Thiệu là quá trễ, bởi vì kế hoạch dội bom Hà Nội đã được tiến hành.

* *Chú giải* : Đoạn trích dẫn trên đây do giáo sư Stephen Young sưu tầm từ những văn bản còn lưu lại tại nhà riêng của cựu Đại sứ Bunker. Văn bản này rất quan trọng vì đó là một quyết định thay đổi lập trường của Tổng thống Thiệu từ trước tới giờ. Nhưng vì nó tới sau quyết định dội bom của Tổng thống Nixon nên không ai chú trọng tới quyết định của Tổng thống Thiệu bởi vì kể từ lúc đó mọi người chú tâm chờ đợi sự nhượng bộ của Hà Nội. Và sau đó Hà Nội đã chịu nhượng bộ bằng cách trở lại Paris theo như tối hậu thư của Nixon.

Do đó quyết định của Tổng thống Thiệu bị chìm trong quên lãng. Nhưng sau này cựu Tổng thống Thiệu và Hoàng Đức Nhã vẫn công bố cho dư luận rằng trước sau ông chưa bao giờ chấp thuận như vậy. Phải chăng Tổng thống Thiệu đã quên hay là Bunker đã ghi nhầm ?

Thực ra Bunker không nhầm và Tổng thống Thiệu không quên, bởi vì cũng trong một cuộc trả lời phỏng vấn cho Nguyễn Tiến Hưng (Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập) Tổng thống Thiệu cho biết cái cách mà ông thường đối phó với Hoa Kỳ là : “tôi đồng ý với điều kiện là...”, nghĩa là ông từ chối. Vì vậy Bunker đã ghi lại nguyên văn câu từ chối (*Chấp nhận quân đội Bắc Việt lưu lại tại Miền Nam nếu...*) mà trong lòng nghĩ rằng Tổng thống Thiệu đã đồng ý. Nhưng thực ra sau chữ “nếu” của Tổng thống Thiệu là điều kiện *buộc Tổng thống Nixon phải công khai hứa hẹn sẽ trả đũa Bắc Việt nếu họ vi phạm Hiệp định.*

Năm 1972, ngày 15-12, tại Hoa Kỳ. Tổng thống Nixon gửi tối hậu thư cho đại diện Hà Nội tại Paris, thông báo sẽ thả bom Hà Nội trong vòng 72 tiếng đồng hồ nếu Hà Nội từ chối tiếp tục đàm phán.

Năm 1972, ngày 18-12, Nixon ra lệnh thả bom Hà Nội và Hải Phòng, cuộc tổng tấn công được đặt tên là “*Chiến dịch Linebacker II*”. Trong vòng 24 giờ đồng hồ 129 máy bay B.52 thả bom xuống các mục tiêu xung quanh Hà Nội, trong khi đó các máy bay F.111 tấn công các sân bay có chứa máy bay Mig.21 của CSVN. Tiếp theo đó là những ngày ném bom ào ạt tương tự như ngày đầu, chính phủ và dân chúng Hà Nội phải sơ tán.

Cường độ của cuộc thả bom lần này được Tổng thống Nixon quy định với Đô đốc Moore, Tham mưu trưởng Bộ Tham mưu liên quân HK : “*Tôi không muốn nghe thêm những câu nói vớ vẩn như là chúng tôi không thể dội bom mục tiêu này hay mục tiêu nọ. Đây là cơ hội cho*

ông dùng sức mạnh quân sự để thắng cuộc chiến tranh này. Và nếu như ông không làm được việc đó thì ông sẽ phải chịu hết trách nhiệm”.

Tổng cộng trong 11 ngày đêm đã có 727 phi vụ B.52 và 640 phi vụ phóng pháo cơ và 1.630 phi vụ yểm trợ. Thả tổng cộng 42.000 tấn bom.

Trong 3 ngày đầu đã có 15 B.52 bị bắn rơi bởi hỏa tiễn phòng không SAM.7 nhưng sau đó Không quân Hoa Kỳ thay đổi chiến thuật phá sóng ra đa nên từ đó cho đến khi chấm dứt thả bom không có thêm B.52 nào bị rơi. Tuy nhiên có tất cả 93 phi công bị mất tích và 32 được ghi nhận là bị bắt (Sự thực là Hà Nội đã hết hỏa tiễn chống B.52).

*(Theo kỹ thuật vận hành của hỏa tiễn SAM.7 thì khi đầu đạn ra khỏi giàn phóng thì sẽ được hướng dẫn đến máy bay B.52 bằng ra đa. Nhưng Không quân HK đã gây nhiễu cho ra đa của HN bằng cách cho những máy bay tiêm kích bay trước và thả ra những giấy bạc nhỏ bay khắp trời HN khiến cho ra đa trở thành “mù”: trên màn hình ra đa chỉ còn những chấm sáng che kín hết màn hình).

Năm 1972, ngày 19-12, Đặc sứ Haig trở lại Sài Gòn với bức thư của Tổng thống Nixon. Trong thư nói rằng: “*Tướng Haig qua Sài Gòn không phải để thương lượng với ngài nữa đâu. Đã đến lúc chúng ta phải biểu dương một mặt trận đoàn kết trong lúc thương lượng với kẻ địch, và ngài phải quyết định ngay bây giờ là có còn muốn tiếp tục liên minh với chúng tôi nữa hay không, hay ngài muốn chúng tôi đi tìm một thỏa hiệp riêng rẽ với kẻ địch để chỉ phục vụ cho quyền lợi của Hoa Kỳ mà thôi*” (*The Palace File, Bản dịch của Cung Thúc Tiến và Nguyễn Cao Đàm*).

Năm 1972, ngày 21-12. Tài liệu của CIA : “*Ngày 21/12 Khiêm nói với Polgar ông hiểu sự thúc bách của dư luận và quốc hội Mỹ (muốn chấm dứt chiến tranh và thấy tù binh Mỹ trở về) và tốt hơn hết Thiệu nên ký Hiệp định để bảo đảm nguồn viện trợ. Khiêm nói Thiệu có thể được thuyết phục bằng cung cách mềm dẻo hơn là bằng áp lực và đe dọa như Kissinger và Haig đã làm. Hơn nữa Thiệu chỉ còn chống khoán liên quan đến quân đội Bắc Việt ở lại miền Nam, và Khiêm nghĩ tổng thống Nixon có đủ uy tín để giải thích với quốc hội Hoa Kỳ về sự nhượng bộ phi lý đó*” (*CIA and The Generals, bản dịch của Trần Bình Nam*).

Hà Nội xin trở lại bàn đàm phán

Năm 1972, ngày 24-12, Tổng thống Nixon ra lệnh ngưng ném bom Hà Nội trong ngày lễ Noel. Đồng thời thông báo cho Hà Nội biết rằng ngày 26-12 sẽ tiếp tục ném bom nếu họ không chịu trở lại bàn đàm phán.

Ngày 26-12 Nixon ra lệnh dội bom trở lại.

Ngày 26-12, Hà Nội thông báo cho phái đoàn HK tại Paris rằng Lê Đức Thọ sẽ trở lại bàn hòa đàm vào ngày 8-1-1973. Lệnh thả bom vẫn tiếp tục qua tới ngày 29-12 mới chấm dứt, trong những ngày sau cùng quân đội Hà Nội đã dùng hết hỏa tiễn chống máy bay và các súng phòng không đã bắn hết đạn.

* *Chú giải* : Tài liệu của CIA : “*Sau khi Thọ trở về Hà Nội, Nixon ra lệnh oanh tạc vùng Hà Nội, Hải phòng bằng B52 trong suốt một tuần lễ vào dịp lễ Giáng sinh. Hà Nội hoảng hốt ra lệnh Thọ trở lại Paris tiếp tục đàm phán. Hoa Kỳ ngưng dội bom. Ngày 12/1/1973 sau khi Hoa Kỳ ngưng dội bom, tình báo CIA tại Hà Nội cho biết Hà Nội sẵn sàng ký Hiệp định vào ngày 20/1/1973*” (*CIA and The Generals, bản dịch của Trần Bình Nam*).

Mãi cho đến sau năm 1975 những người ngoài Bắc vào Nam thăm thân nhân đã tỏ ý tiếc là ngày đó Hà Nội đã chuẩn bị đầu hàng. Thuở đó, 1975, cũng có người tin người không. Nhưng đến năm 2007 thì Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã vui vẻ xác nhận với ký giả Walter Cronkite của cơ quan truyền thông CBS Hoa Kỳ :

“ Cho tới nay tôi vẫn không hiểu nổi tại sao người Mỹ các anh lại chấm dứt thả bom Hà Nội (1972). Các anh đã trông cổ được chúng tôi rồi. Nếu các anh nhấn thêm một chút nữa, chỉ một hoặc hai ngày nữa, chúng tôi đã sẵn sàng đầu hàng. Cũng giống như trận tết Mậu Thân, các anh đã đánh bại chúng tôi rồi”. Nguyên văn : “What we still don’t understand why you Americans stopped the bombing of Hanoi. You had us on the ropes. If you had pressed us a little harder, just another day or two, we were ready to surrender. It was the same at the battles of Tet. You defeated us”. (Cuộc phỏng vấn tại Hà Nội ngày 8-12-2007. Nguyên văn do Tiến sĩ Nguyễn Ngọc Tấn sưu tầm và đăng trong tác phẩm “Chiến Tranh Việt Nam, Một Nước Cờ Độc”, trang 24).

*(Vào năm 2010, một cựu viên chức Mật vụ HK là ông Ted Guderson đã nói trong một buổi hội thảo của Hội Cựu chiến binh HK rằng đầu năm 1973 nhân viên truyền tin của MACV đã nhận được một bức điện văn của Hà Nội xin đầu hàng. Nhưng sau đó CIA đã cho ém tin này bằng cách thay hết 79 nhân viên truyền tin tại MACV.

Tiết lộ của ông Guderson không có sức thuyết phục, bởi vì theo ông thì bức điện xin đầu hàng được đánh đi vào đầu năm 1973 trong lúc cuộc ném bom đang còn tiếp diễn. Điều này không đúng bởi vì cuộc ném bom đã chấm dứt từ ngày 29-12-1972. Đã ngưng ném bom rồi thì không thể nào có chuyện xin thua, mà nếu có thì phải xảy ra trước khi ngưng ném bom.

Sở dĩ cuộc dội bom chấm dứt vì ngày 26-12-1972 Hà Nội đánh điện cho Hà Văn Lâu tại Paris, bảo Lâu hãy gặp đại diện của Kissinger tại Paris để báo cho Washington là HN chấp nhận ngồi trở lại vào bàn đàm phán, cụ thể là họp lại trong ngày 8-1-1973. Nghĩa là HN xin ngưng ném bom ngay !!! **Nhưng xin ngưng ném bom ngay thì có nghĩa là xin đầu hàng.**

Hồi ký **Years of Upheaval của Kissinger xuất bản năm 1981 đã hé lộ điều này : “...nhưng chúng ta không có chọn lựa nào khác. Hoa Kỳ không thể phủ quyết khi Hà nội đã chấp thuận, những điều khoản rất hòa bình chúng ta đã đề ra với sự chấp thuận của ông Thiệu.**

Nghĩa là sau dội bom Hà Nội chấp thuận mọi yêu sách của phía Mỹ, trong đó có 69 yêu sách của Nguyễn Văn Thiệu, tức là đầu hàng. Và một khi HN đã chấp nhận đầu hàng thì HK không có lý do gì để từ chối tiến hành ký kết Hiệp định Paris mà trong đó mọi đòi hỏi do phía HK và VNCH đưa ra đều được chấp nhận.

Và : “Ông (Thiệu) nổi bật với thỏa ước 1973 trong đó **Hà Nội phải từ bỏ những đòi hỏi về chính trị từ bao lâu nay mà quay lại cho vấn đề ngưng bắn còn tốt hơn chúng ta mong đợi, tuy còn bấp bênh theo kỳ vọng của ông**”. Nghĩa là do vì HN từ chối 69 yêu sách của Thiệu cho nên Nixon mới dội bom. Không ngờ cuộc dội bom đang còn tiếp diễn thì HN báo tin chấp thuận hết. Vậy nhờ Thiệu mà Mỹ chiến thắng.

Ngoài ra cũng có thể kiểm chứng bằng một hướng chứng minh khác : Sau khi ngưng dội bom hai bên gặp nhau trở lại để tiếp tục đàm phán, nhưng biên bản buổi họp đó, buổi họp ngày 8-1-1973, cho thấy hai bên gặp nhau là để xúc tiến thủ tục hoàn thành bản dự thảo đã thỏa thuận vào tháng 10 năm 1972, bản dự thảo mà Nguyễn Văn Thiệu đòi sửa lại 69 điểm. Giờ đây Hà Nội chấp thuận luôn 69 đòi hỏi của NVT thì có nghĩa là HN đã đầu hàng).

MÙA HÈ ĐỎ LỬA, NIXON ĐÁNH BÀI LIỀU (5)



Trích sách “Giải Mã Những Bí Ẩn Của Chiến Tranh Việt Nam” của Bùi Anh Trinh.

Lê Đức Thọ lên giọng, Kissinger cay đắng

Năm 1972, ngày 2-5, cùng với ngày Quảng Trị thất thủ, Kissinger họp mật với Lê Đức Thọ tại Paris theo như đã hẹn trước khi cuộc chiến nổ ra (Hẹn ngày 24-4 nhưng sau đó hẹn lại ngày 2-5). Hồi ký của Kissinger cho biết thái độ của Lê Đức Thọ rất trịch thượng khiến cho Kissinger cảm thấy cay đắng. Biên bản của cuộc họp do Lưu Văn Lợi công bố cho thấy sự thảm hại của Kissinger :

Lê Đức Thọ nói : “Có hai vấn đề : Ấn định thời hạn rút quân, các ông đề nghị 6 tháng sau khi ký hiệp ước. Thời hạn này còn dài quá. Về vấn đề chính trị, các ông đề nghị Thiệu sẽ từ chức một tháng trước ngày bầu cử (Tức là 5 tháng sau khi ký hiệp định). Chúng tôi đòi hỏi Thiệu phải từ chức ngay lập tức và phải có sự thay đổi trong chính sách của những thành viên còn lại trong chính phủ Thiệu”.

Kissinger hỏi : “Tất cả các thành viên khác, trừ Thiệu ra, có thể ở lại chính quyền? Có phải không?”

Xuân Thủy đáp : “Họ có thể ở lại chính quyền nhưng họ phải thay đổi chính sách”

Kissinger vặn lại : “Thay đổi chính sách nghĩa là gì?”

Lê Đức Thọ trả lời : “Nghĩa là chấm dứt mọi áp bức và đàn áp đối với nhân dân và thực thi các quyền tự do dân chủ”

Kissinger hỏi : “Làm thế nào để biết được chính sách đã thay đổi?”

Lê Đức Thọ đáp : “Tuyên bố sẽ thay đổi chính sách chưa đủ, phải có hành động cụ thể”.

Xuân Thủy nói thêm : “Thí dụ như phải giải tán các trại tập trung, thả tù chính trị, cho phép các báo chí bị cấm trước kia được xuất bản lại”.

Kissinger hỏi : “Thiệu sẽ phải từ chức ngay sau khi hiệp ước được ký kết hay ngay bây giờ?”.

Xuân Thủy đáp : “Từ chức ngay lập tức là từ chức một cách không chậm trễ. Nếu ngày mai là tốt nhất”...

Kissinger nhắc lại những đề nghị mà ông ta đã nhờ Liên Xô chuyển tới Hà Nội 5 ngày trước, Lê Đức Thọ đáp : “*Từ trước tới nay chúng tôi đã nói nhiều lần rằng có vấn đề gì các ông nói chuyện trực tiếp với chúng tôi, và chúng tôi trực tiếp nói chuyện với các ông. Chúng tôi không qua một người thứ ba nào cả. Bây giờ có gì thì chúng tôi sẵn sàng thảo luận với các ông.*”

Kissinger không nói gì thêm nhưng đề nghị ngưng cuộc đối thoại và hy vọng sẽ gặp nhau lại. Lê Đức Thọ đồng ý.

Cuộc họp được hoãn mà không ấn định ngày họp lại.

Nixon đánh bài liều : Ném bom Hà Nội, phong tỏa cảng Hải Phòng

Năm 1972, ngày 8-5, sau khi nhận được tường trình của Kissinger về thái độ của Lê Đức Thọ tại Paris, ngày 8-5 Tổng thống Nixon triệu tập cuộc họp Hội đồng an ninh quốc gia, ông trình bày kế hoạch tái thả bom Hà Nội và thả mìn phong tỏa hải cảng Hải Phòng. Sau đó ông họp Hội đồng nội các để thông báo quyết định của ông.

Chiều ngày 8-5-1972 Nixon mời họp các nhân vật lãnh đạo của lưỡng viện Quốc hội. Hồi ký của Tướng Haig ghi lại : “*Các nhà lãnh đạo Dân chủ lẫn Cộng hòa ngồi nghe ông nói trong sự im lặng tuyệt đối. Đó là giây phút của **sự thật lạnh người***”. Sau đó Nixon lên truyền hình tuyên bố quyết định của ông. Trong bài diễn văn ông nói : “*Liệu chúng ta có muốn hợp tác với họ để dựng lên một chính quyền Cộng sản ở Nam Việt Nam hay không? Điều này cũng sẽ không xảy ra. Chúng ta sẽ không đi **từ sự rộng lượng tới sự phản bội***”.

Ngày hôm sau, 9-5, phi cơ của Hải quân HK thả mìn phong tỏa hải cảng Hải Phòng và 6 hải cảng khác của Bắc Việt. Chiến dịch tái thả bom lần này được đặt tên là “Linebacker”. Tính từ tháng 4 đến hết tháng 10 năm 1972 có 155.548 tấn bom được thả xuống Bắc Việt. Mặc dầu cuộc họp thượng đỉnh với Liên Xô chỉ còn 12 ngày nữa nhưng Nixon chấp nhận để cho Liên Xô biết rằng ông viếng Mạc Tư Khoa không phải để cầu cứu sự ra tay can thiệp đối với Hà Nội. Nixon ghi lại trong hồi ký : “*Cuộc họp thượng đỉnh sẽ chẳng có giá trị gì nếu như cái giá phải trả là mất Nam Việt Nam. Trực giác cho tôi biết rằng tôi có thể chấp nhận không có cuộc họp thượng đỉnh nhưng sẽ không chấp nhận thua trận trong cuộc chiến này*”.

*** Chú giải : Khả năng chiến đấu của quân đội VNCH**

Trong trận Mùa Hè Đỏ Lửa có tới 200.000 quân CSVN đã tham gia cuộc chiến, và đã có phân nửa số đó đã bị chết tại chiến trường (Tài liệu của Larry Berman, bản dịch của Nguyễn Mạnh Hùng trang 183). Về tài nguyên chiến tranh thì Hà Nội đã bị phá sản, tất cả vũ khí đạn dược trong trận chiến vừa qua do Liên Xô cung cấp nhưng hầu hết là hỏa tiễn cho nên sau chiến trận sẽ không còn lại gì (Hỏa tiễn địa địa 107 ly, 122 ly, hỏa tiễn điều khiển bằng dây AT.3, hỏa tiễn tầm nhiệt SA.7 sau khi bắn xong thì hủy bỏ luôn ống phóng chứ không còn tái sử dụng được nữa). Giờ đây nếu Hà Nội muốn chiếm Miền Nam thì không còn đạn, chẳng còn xe tăng. Trong khi quân VNCH còn đầy đủ vũ khí, khí tài và còn tất cả hệ thống đồn lũy kiên cố thì chuyện chiếm cho được Miền Nam chỉ là chuyện trong mơ.

Lúc trận chiến mới xảy ra, cả thế giới đinh ninh rằng chẳng mấy chốc quân VNCH sẽ chạy dài như quân Nam Hàn khi quân Bắc Hàn tràn xuống Seoul năm 1950. Nhưng rồi mọi người chùng hững khi thấy 14 sư đoàn và 26 trung đoàn quân CSVN bị đánh tan nát trong khi quân đội VNCH chưa cần dốc hết toàn lực để đối phó. Chiến thắng của VNCH khiến cho những chiến lược gia, phân tích gia, những nhà quân sự học tự cảm thấy xấu hổ về những phân tích bi quan của họ trước đây. Những gì họ tiên đoán về khả năng “Việt Nam hóa chiến tranh” đều trở thành lỗ bịch.

Trong khi đó người hiểu rõ tình hình và bình tĩnh hơn hết là Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu lại tiếp tục bị đè nặng với những lo âu mới. Chiến thắng của VNCH đã chứng minh cho Washington thấy rằng quân CSVN không có gì ghê gớm và quân VNCH dư sức đối phó. Thế nhưng những tin tức từ Paris cho thấy hình như Nixon và Kissinger không biết là họ đang ở trên thế mạnh, bởi vì Kissinger tiếp tục nhượng bộ thêm thay vì phải lấy lại thế thượng phong trong các cuộc thương lượng..

Liên Xô thỏa thuận bắt tay với Hoa Kỳ, Hà Nội cay đắng

Năm 1972, ngày 20-5-1972 Nixon cùng Kissinger lên đường đi Mạc Tư Khoa. Tại đây, trong cuộc họp ngày 22-5, Nixon đã thú nhận với Brezhnev rằng Hoa Kỳ chấp thuận Miền Nam Việt Nam sẽ có một chính phủ 3 thành phần, gồm có VNCH, MTGPMN và thành phần trung lập.

Tuy nhiên khi thông báo cho Tổng thống Thiệu, Nixon đã giấu chi tiết này bởi vì từ trước tới sau Tổng thống Thiệu dứt khoát không chấp nhận MTGPMN hay khối trung lập được coi như ngang hàng với VNCH, Thiệu muốn rằng trong nước Việt Nam Cộng Hòa có nhiều thành phần mà trong đó MTGPMN và khối trung lập chỉ là một thành phần. Vì vậy Nixon đành phải giấu Thiệu chi tiết mới thú nhận với Brezhnev.

Thông cáo chung sau cuộc họp thượng đỉnh tại Mạc Tư Khoa ***không có tới nửa câu đá động về việc Hoa Kỳ thả bom Hà Nội và phong tỏa cảng Hải Phòng*** khiến cho Hà Nội hiểu rằng đã tới phiên ***Liên Xô phản bội lại Hà Nội*** để bắt tay với Hoa Kỳ nhằm cân bằng với mối quan hệ giữa Trung Quốc và Hoa Kỳ. Điều này khiến cho Hà Nội cảm thấy cay đắng. Tài liệu của Lưu Văn Lợi ghi lại sau khi có thông cáo chung Xô-Mỹ: “*Thực tế Việt Nam đã trở thành món hàng mặc cả để giữ thế cân bằng lực lượng giữa các nước lớn ở khu vực Đông Nam Á*”.

Năm 1972, ngày 11-6, Kissinger gửi công hàm đề nghị họp mật với Lê Đức Thọ vào ngày 28-6. Lúc này thì Nguyễn Văn Thiệu đã lật lại thế cờ quân sự tại Nam Việt Nam, quân CSVN triệt thoái ra khỏi các chiến trường. Nhận được công hàm của Kissinger, Hà Nội chỉ thị Xuân Thủy ở Paris khoan trả lời.

Năm 1972, ngày 14-6, Chủ tịch Xô viết tối cao Liên Xô (Quốc hội LX) ***Potgotnuri sang Hà Nội*** để thông báo về cuộc họp thượng đỉnh Xô-Mỹ. Đây là thông cáo bên ngoài, bên trong là khuyên Hà Nội nên ký hiệp ước đình chiến với điều kiện sẽ có một chính phủ 3 thành phần và Thiệu sẽ từ chức trước khi có chính phủ 3 thành phần.

Năm 1972, ngày 12-7, Lê Đức Thọ đi Bắc Kinh một lần nữa để nghe ngóng về kết quả thương lượng giữa HK và LX mà tình báo của Bắc Kinh đã thu thập được. Lúc này quân CSVN đã bị đánh bại tại Kontum và An Lộc, quân VNCH đang chuẩn bị tái chiếm Quảng Trị.

* *Chú giải*: Thông cáo chung Xô-Mỹ đã khiến cho Bắc Kinh và Hà Nội hiểu rằng ***Liên Xô không phản đối biện pháp mạnh của HK qua cuộc dội bom thủ đô Hà Nội và phong tỏa 7 hải***

cảng của Bắc Việt. Nghĩa là Mạc Tư Khoa cũng thuận gây sức ép để buộc Hà Nội phải ký hiệp định chấm dứt chiến tranh, thả tù binh HK.

Tài liệu của TQ công bố sau này cho thấy Chu Ân Lai khuyên Lê Đức Thọ nên chấp nhận để yên chính quyền Nguyễn Văn Thiệu để đổi lại việc Hoa Kỳ chấp nhận quân đội CSVN tiếp tục ở lại Miền Nam cũng như Cam Bốt, Lào. Trước sự khăng khăng từ chối của Lê Đức Thọ, Chu Ân Lai giải thích: “**Nếu hạ Thiệu xuống mà người kế tiếp vẫn thi hành chính sách của Thiệu thì cũng như không**”. Lê Đức Thọ đồng ý (Theo tài liệu “77 conversations between Chinese and foreign leaders on the wars in Indochina, 1964-1977”)

Sau này vào năm 1988 Lê Đức Thọ đã giải thích cho các cán bộ tổng kết hội nghị Paris: “*Mỹ đã nhượng bộ ta cả về chính trị mà ta còn đòi loại bỏ Thiệu, lập Chính phủ liên hiệp ba thành phần ở miền Nam Việt Nam thì đòi nào Mỹ chịu. Không những thế ta còn đòi Mỹ bồi thường chiến tranh nữa. Tình hình quốc tế lúc đó, tương quan lực lượng lúc đó không cho phép ta đạt tất cả hai mục đích lớn cùng một lúc*” (Lưu Văn Lợi, Các Cuộc Thương Lượng Lê Đức Thọ – Kissinger tại Paris”).

Người đời sau đọc đoạn tài liệu này thường không để ý câu “*tình hình quốc tế lúc đó*” nghĩa là gì, nhưng thực ra có nghĩa là cả Liên Xô lẫn Trung Quốc đã phản bội, không còn viện trợ. Và câu “*Tương quan lực lượng lúc đó*” có nghĩa là trong số 200 ngàn quân tung vào Nam năm 1972 đã có 100 ngàn chết và bị thương, 100 ngàn còn lại chạy thoát về Bắc với hai bàn tay không. Vậy thì không còn súng đạn, không còn lương thực, lấy gì đánh chiếm Miền Nam? Rồi đây tất cả chỉ còn là trong mơ.

BÙI ANH TRINH

TRỞ LẠI BÀN ĐÀM PHÁN VỚI 69 YÊU SÁCH CỦA NGUYỄN VĂN THIỆU (6)



Trích sách “Giải Mã Những Bí Ẩn của Chiến Tranh Việt Nam” của Bùi Anh Trinh

Trở lại bàn đàm phán với 69 yêu sách của Nguyễn Văn Thiệu

Năm 1972, ngày 26-10, Hà Nội cho công bố trên đài phát thanh các điều khoản của bản đề nghị cuối cùng mà Hà Nội đã trao cho Kissinger vào ngày 8-10. Đồng thời lên án Washington là đơn phương hủy bỏ những thỏa thuận đã đạt được trong các cuộc đàm phán sau cùng tại Paris. Tại Washington Kissinger trả lời báo chí rằng mọi việc vẫn tiến hành như kế hoạch của nó. Hoa Kỳ vẫn tôn trọng những điều đã thỏa thuận được trong các cuộc đàm phán sau cùng. Và “hòa bình đang ở trong tầm tay”.

* *Chú giải* : Hà Nội quyết định công bố kết quả mật đàm là để trừng trị Nixon về tội thất hứa, họ nghĩ rằng với công bố đó Nixon sẽ gặp khó khăn trong ngày bầu cử. Tuy nhiên đúng như Nixon đã tiên liệu, công bố này không làm cho uy tín của ông bị giảm đi, mà trái lại cử tri Hoa Kỳ tin rằng áp lực của Nixon đối với Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa đã có hiệu lực, nghĩa là Nixon đổi sang tư thế thương thuyết trên thế mạnh.

Trong khi đó Kissinger bị dựng dậy lúc nửa đêm vì tuyên bố của HN. Quá hoảng hốt ông không kịp đối phó nên đã lỡ miệng tuyên bố “hòa bình ở trong tầm tay”. Sau này hồi ký của ông cho biết lúc đó ông cảm thấy hổ thẹn và đã nghĩ tới chuyện xin từ chức. Hồi ký của Nixon cũng cho biết ông lâm vào tình thế khó xử với tuyên bố của Kissinger bởi vì ông đang toan tính sau bầu cử ông sẽ “lên cấp” những yêu sách đối với Hà Nội chứ không “nhẹ nhàng” như hiện tại.

Báo chí tha hồ chế nhạo Kissinger. Qua tuyên bố của Hà Nội thì rõ ràng sự việc đã đi tới mức mấp mé của tan vỡ, thế mà Kissinger dám nhơn nhơn nói rằng mọi việc ổn cả thì quả là da mặt dày. Sau đó là phản đối của Liên Xô và Trung Quốc về việc HK thất hứa. Tệ hại hơn nữa là câu tuyên bố của Kissinger đã khiến cho Tổng thống Thiệu càng có lý do để kết luận rằng Kissinger là tay đại bịp, chính Tổng thống đã dứt khoát không ký mà Kissinger lại dám nói là hòa bình ở trong tầm tay ! Tầm tay nào?

Trong khi đó tại Paris phái đoàn của Mặt trận GPMN nhờ đọc báo mới biết được những đề nghị ngày 8-10 của Hà Nội. Họ ngạc nhiên vì không thấy đá động gì đến số phận của 38.000 cán bộ của họ đang bị VNCH giam giữ. Bà Nguyễn Thị Bình và ông Nguyễn Cơ Thạch đi tìm Lê Đức Thọ để phản đối (Lưu Văn Lợi, Các Cuộc Thương Lượng của Lê Đức Thọ & Kissinger tại Paris).

Trong bản sơ thảo hiệp định mà Lê Đức Thọ đưa cho Kissinger ngày 8-10 thì Bắc Việt trao trả tù binh với Nam Việt và Hoa Kỳ. Còn 38 ngàn quân CSMN bị giam vì tội vũ trang chống lại chính quyền VNCH thì không được đá động tới; nghĩa là số phận của họ sẽ được giải quyết sau khi VNCH và MTGPMN thành lập được Chính phủ Ba Thành Phần. Rồi chính phủ này sẽ quyết định tha hay không là tùy theo sự thương lượng giữa phe VNCH và phe MTGPMN, dưới sự trung gian chứng kiến của phe Trung lập.

Năm 1972, ngày 27-10, phía HK gửi công hàm cho Hà Nội, xin lỗi về việc không thực hiện lịch trình đúng theo giao hẹn bởi vì đã có những biến chuyển mới, nhất là trả lời phỏng vấn của Thủ tướng Phạm Văn Đồng với phóng viên Borchgrave có nhiều cách hiểu khác đi so với tinh thần bản dự thảo mà hai bên đồng ý thỏa thuận, đồng thời xin mở lại cuộc họp tại Paris vào ngày 1-11-1972 và kéo dài cho tới khi nào xong việc. Hà Nội để tới ngày 4-11 mới trả lời đồng ý họp lại vào ngày 14-11. Phía Hoa Kỳ đề nghị ngày 15-11. Sau đó do Lê Đức Thọ bị bệnh nên dời lại ngày 20-11.

Năm 1972, ngày 28-10. Từ Sài Gòn đại sứ Bunker điện cho Kissinger, báo cho biết Thiệu đã có văn bản dự thảo hiệp ước bằng tiếng Việt tịch thu được của CSVN ngay trong những ngày

Kissinger đang có mặt tại Sài Gòn. (Thực ra là trước khi Kissinger đến Sài Gòn). Hồi ký của Kissinger ghi lại : “Thật là một chuyện khó nuốt”. Kissinger đã hiểu vì sao Thiệu và Hoàng Đức Nhã đã có thái độ không mấy đẹp đối với ông.

Năm 1972, ngày 7-11, Nixon thắng phiếu tại 49 trong số 50 tiểu bang của Hoa Kỳ. Kết quả bầu cử khiến cho Nixon yên lòng đối phó với Hà Nội trên thế mạnh, giờ đây Trung Quốc, Liên Xô và nhân dân Hoa Kỳ đều ủng hộ ông thì không còn một e ngại nào đối với ông trong kế hoạch thương thuyết.

Năm 1972, ngày 9-11, Tướng Haig, phụ tá của Kissinger được phái sang Sài Gòn với một lá thư của Tổng thống Nixon mà trong đó ông sẽ chứng minh quyết tâm ủng hộ Tổng thống Thiệu bằng cách sẽ tổ chức gặp mặt với Tổng thống Thiệu sau khi hiệp ước được ký kết.

Nixon thành thực nói với Tổng thống Thiệu rằng bây giờ hoặc Tổng thống Thiệu sẽ cùng với ông trình diễn cho dư luận thấy rằng hai quốc gia đồng tâm hiệp lực đối phó với CSVN hoặc là phải thú nhận với dư luận rằng hai nước đi theo hai lối khác nhau để phục vụ cho quyền lợi riêng của mỗi nước.

Đọc xong thư của Nixon, Tổng thống Thiệu nói với Haig : “Liệu ông có thể chấp nhận quân Nga ở lại trên đất nước Hoa Kỳ rồi tuyên bố rằng đã đạt được hiệp ước hòa bình với Nga?”. Theo kể lại của cựu Tổng thống Thiệu với phóng viên của báo Spiegel thì Tướng Haig không trả lời nổi.

Sau đó Tổng thống Thiệu trả lời thư cho Nixon, trong đó nói rằng Tổng thống Nixon đã làm khi kết tội ông cố tình trì hoãn hiệp ước. Sự thật là ông không thể ký một hiệp ước mà quân đội của kẻ thù lại được phép đóng quân trên lãnh thổ của đất nước ông.

Ba ngày sau Nixon trả lời thư của Thiệu, trong đó nói rằng việc đặt ra một hệ thống giám sát sự rút quân khỏi Miền Nam của Bắc Việt không hiệu lực bằng bắt họ phải thừa nhận có quân tại Miền Nam và buộc họ không được sử dụng quân đội đó để phá hiệp định. Trong trường hợp đã có bằng chứng là họ sử dụng quân đội để phá bỏ hiệp định thì Tổng thống Nixon cam kết sẽ phản ứng một cách “mạnh mẽ và nhanh chóng”.

Năm 1972, ngày 20-11, Kissinger và Lê Đức Thọ gặp nhau tại Paris (Tài liệu của CSVN do Lưu Văn Lợi công bố: “Ta cũng cho rằng về thời gian ta không vội. Nếu Nixon muốn giải quyết chiến tranh trước khi nhận nhiệm vụ nhiệm kỳ mới 20 tháng 1 năm 1973 và muốn đưa một số tù binh về nước trước lễ Noel thì chính họ bị thời gian thúc bách. Ta cần phát huy lợi thế của ta để buộc họ phải giữ nội dung đã thoả thuận”).

– Buổi sáng, Lê Đức Thọ dành một buổi sáng để đả kích sự thất hứa của Kissinger.

– Buổi chiều Kissinger trình bày những điều mà phía HK thấy cần phải thương lượng lại, quan trọng là đòi không ghi “Chính phủ Cách mạng Lâm thời Miền Nam Việt Nam” vào hiệp ước vì trên thực tế đây không phải là một chính phủ; và đòi rút lức lượng ngoại nhập ra khỏi Miền Nam.

Để gây ấn tượng, Kissinger nêu ra 69 điểm đề nghị sửa đổi của phía VNCH. Không ngờ vừa nghe xong thì Lê Đức Thọ nổi cơn thịnh nộ, ông lớn tiếng cáo buộc Kissinger là **“lừa đảo trắng trợn”**. Sau này trong hồi ký Kissinger thừa nhận đây là một sai lầm chiến thuật của ông, vì rõ ràng 69 điểm này là đòi hỏi phải sửa lại toàn bộ những thỏa thuận từ trước tới nay. (Theo hồi ức của Hoàng Đức Nhã thì có 64 điểm cần làm sáng tỏ chứ không phải 69).

Ngày 21-11,

– Buổi sáng, Lê Đức Thọ bác đề nghị xóa bỏ danh xưng “Chính phủ Cách mạng Lâm thời Miền Nam Việt Nam” và bác đề nghị rút quân Bắc Việt ra khỏi Miền Nam. Nhưng ông đồng ý vùng phi quân sự phải được tôn trọng, tức là trở lại thời kỳ sau Hiệp ước Geneve. Kissinger hoan nghênh việc này (Sau này LĐT mới biết rằng mình bị hố bởi vì có nghĩa là Bắc Việt phải trả lại vùng đất Quảng Trị mà họ đã chiếm đóng trong cuộc tấn công Mùa Hè Đỏ Lửa).

– Buổi chiều, Lê Đức Thọ nhắc lại công hàm của Tổng thống Nixon cho rằng bản dự thảo hiệp ước coi như đã hoàn thành, chỉ còn vài chi tiết nhỏ. Thọ cho rằng nếu đúng như vậy thì Kissinger hãy nhanh chóng thỏa thuận những điều vừa mới bàn. Kissinger cho biết ông còn phải hỏi ý kiến của Nixon.

Theo ghi chép của Lưu Văn Lợi thì không khí cuộc họp trở nên căng thẳng, nguyên văn biên bản còn lưu trong hồ sơ Bộ ngoại giao CSVN :

“Lê Đức Thọ tiếp tục: – Chúng tôi đã cố gắng hết sức. Cả thế giới đều biết. Còn bây giờ các ông đề nghị không thảo luận nữa chúng tôi cũng tán thành.

Và hỏi lại Kissinger: – Các ông có muốn đàm phán nữa không? Nếu ông Cố vấn muốn thì chúng tôi cũng thôi, mà muốn bàn nữa thì chúng tôi bàn, mà bàn thì phải có đi có lại.

Kissinger hỏi: – Ông Cố vấn đưa ra một tối hậu thư?

*Lê Đức Thọ **đập bàn**: – Về Chương IV thì đúng như thế. Mấy chữ chúng tôi nói không thể nào thay đổi: ba thành phần, hội đồng các cấp, tên hội đồng. Ba điều đó chúng tôi không nhân nhượng.*

Kissinger: – Tôi phải về xin ý kiến Tổng thống?

Lê Đức Thọ: – Tùy các ông. Giải quyết được thì có hoà bình, không giải quyết được thì chiến tranh tiếp tục.

Cuộc thảo luận kết thúc trong không khí nặng nề. Không hẹn ngày gặp lại – Kissinger chỉ nói sáng mai sẽ liên hệ với Việt Nam (Hà Nội). Tình thế tỏ ra bế tắc”.

Lê Đức Thọ báo cáo về Hà Nội : “Mỹ đã thay đổi nội dung Hiệp định, lật ngược lại toàn bộ vấn đề quan trọng, coi như đàm phán lại”.

Cuộc đàm phán bế tắc

Năm 1972, ngày 23-11, Tổng thống Nixon ra lệnh cho Kissinger: “*Tôi chỉ thị cho ông ngừng thương thuyết và chúng ta trở lại áp lực quân sự cho tới khi bên kia chịu thương thuyết lại. Cần làm cho họ đừng tưởng rằng chúng ta không còn chọn lựa nào khác hơn là chấp nhận các điều kiện của họ*”. (Ngày 23 tại Hoa Kỳ nhưng là ngày 24 tại Paris)

Sáng ngày 25 tại Paris, Kissinger xin gặp Lê Đức Thọ và chuyển chỉ thị của Nixon đến cho Lê Đức Thọ, Thọ chế giễu : “*Đe dọa chúng tôi chẳng tác dụng gì đâu. Chúng tôi đã đánh nhau với các ông trong mười năm và thương thuyết với các ông trong nhiều năm rồi, nên nay phải có thái độ đi đến giải quyết, không thể dùng đe dọa được đâu*”. Kissinger tỏ vẻ mệt mỏi và đề nghị ngưng họp trong 1 tuần, hai bên hẹn gặp lại nhau vào ngày 4-12-1972.

BÙI ANH TRINH

SAU MÙA HÈ 1972, HÀ NỘI NHƯỢNG BỘ (7)



Trích sách “Giải Mã Những Bí Ẩn Của Chiến Tranh Việt Nam” của Bùi Anh Trinh.

Hà Nội không đòi thay Nguyễn Văn Thiệu

Năm 1972, ngày 1-8. Sau khi 200 ngàn quân CSVN tan nát, quân CVNH đang bắt đầu cuộc hành quân tái chiếm tỉnh Quảng Trị; Kissinger và Lê Đức Thọ họp mật lần thứ 15 với thái độ rất biết điều của phía Hà Nội, thậm chí có vẻ thân mật.

Vào họp Kissinger nói rằng Hoa Kỳ có đề nghị 12 điểm. Chưa nghe chi tiết nhưng Lê Đức Thọ và Xuân Thủy có nhận xét vui là lần này có tiến bộ về số lượng các mục đề nghị (Lần trước chỉ có 5 điểm). Trong 12 điểm của HK có mục *bồi thường chiến tranh* thì Hoa Kỳ chỉ chấp nhận dưới danh nghĩa *tái thiết toàn bộ Đông Dương*. Thời hạn thi hành hiệp định là 1 năm gồm có 3 tháng bàn thảo hiệp định, 4 tháng để Hoa Kỳ rút hết quân, 5 tháng để tổ chức bầu cử chính phủ mới. Trong 1 năm đó sẽ hoàn chỉnh hiến pháp cho chế độ mới.

Lê Đức Thọ có nhận xét là cơ bản chưa có gì mới, đặc biệt là thể chế chính trị cho Miền Nam. Sau đó Lê Đức Thọ đưa ra đề nghị 10 điểm của CSVN, trong đó đòi HK rút quân trong 1 tháng, lập chính phủ 3 thành phần, “*không đòi hỏi Thiệu phải từ chức trước khi ký kết hiệp định mà chấp thuận Thiệu từ chức sau khi ký kết*”, Hoa Kỳ phải có trách nhiệm phải tái thiết cả hai miền sau chiến tranh. “*Con số tái thiết là 8 tỉ USD, gồm có 4,5 tỉ cho Miền Bắc và 3,5 tỉ cho Miền Nam*”.

Theo mô tả của Kissinger thì đây là một cuộc họp vui vẻ chưa từng có “*Lê Đức Thọ tiếp tục lùi bước mà ông ta bắt đầu từ hôm 19-7*”. Hai bên hẹn gặp lại trong ngày 14-8. Kissinger tin rằng Lê Đức Thọ tiếp tục lùi bước do sức ép của Liên Xô, nhưng ông không ngờ rằng Hà Nội lùi bước vì 200 ngàn quân CSVN bị đánh tan nát, Hà Nội cần phải kết thúc hòa đàm trước khi Hoa Kỳ phát hiện ra sự thực.

* *Chú giải* : Hà Nội thôi không đòi hỏi hạ bộ Nguyễn Văn Thiệu

Đối với HK thì đây là một bước đột phá vô cùng quan trọng để đi tới ký kết hiệp ước, nghĩa là Hà Nội đã chấp thuận không buộc HK phải giao chính quyền Miền Nam cho họ (lật đổ Thiệu

) như là một điều kiện tiên quyết. Và họ đã chịu đưa ra con số bồi thường chiến tranh, có nghĩa là họ đã chịu thả tù binh để lấy tiền.

Cần ghi nhớ là lúc này Hà Nội không còn mong nhận được viện trợ quân sự của Liên Xô sau khi Nixon viếng thăm Mạc Tư Khoa. Đối với Hà Nội thì trận Mùa Hè Đỏ Lửa là trận cuối cùng của cuộc chiến bởi vì sau đó sẽ không đào đâu ra được kinh phí và vũ khí để tiếp tục theo đuổi chiến tranh. Và lại nhân lực cũng đã cạn kiệt hết rồi. Ngoài Bắc chỉ còn một trời đàn bà góa.

Năm 1972, ngày 14-8, Kissinger và Lê Đức Thọ họp mật lần thứ 16. Hai bên đã kiểm lại những điều đã thỏa thuận, những điều có thể thỏa thuận được và những điều chưa thỏa thuận được. Những điều đã thỏa thuận là (1) Việc rút quân của Hoa Kỳ và Đồng minh. (2) Việc thống nhất Việt Nam do hai chính phủ của hai miền Nam, Bắc quyết định. (3) Tôn trọng hiệp định Geneve 1954 và hiệp định Geneve 1960. (4) Đông Dương là một khu vực trung lập. (5) Quốc tế sẽ kiểm soát vấn đề thi hành ngưng bắn.

Những vấn đề có thể thỏa thuận là (1) Thời hạn rút quân. (2) Hoa kỳ không cam kết bồi thường nhưng sẵn sàng đóng góp xây dựng tái thiết.

Những vấn đề chưa thỏa thuận được là (1) Viện trợ quân sự cho chính phủ Hà Nội và chính phủ Sài Gòn (2) Vấn đề chính trị của Miền Nam Lê Đức Thọ đề nghị lập một chính phủ gọi là “*Chính phủ Hòa hợp dân tộc lâm thời*” gồm có ba thành phần gồm VNCH, CSVN và Trung lập.

Kissinger đến Sài Gòn sau những nhượng bộ quan trọng của Hà Nội

Năm 1972, ngày 17-8, Kissinger đi cùng với Đại sứ Bunker và hai phụ tá của ông là Winston Lord và John Negroponte đến dinh Độc Lập để bàn thảo với Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu và hai phụ tá là Hoàng Đức Nhã và Nguyễn Phú Đức. Kissinger đưa ra những đề nghị mới nhất của Hà Nội trong phiên họp mật vừa qua và bàn những chi tiết sẽ thỏa thuận với Hà Nội trong phiên họp sắp tới.

Đặc biệt ông giấu chuyện Hà Nội thôi không đòi thay Nguyễn Văn Thiệu (Để cho Thiệu khỏi làm cao với HK). Trong khi đó Kissinger lại đưa ra những nhượng bộ mới của phía HK. Tổng thống Thiệu nói rằng ông cần thảo luận với các nhân vật trọng yếu của Miền Nam về những điều mà Kissinger mới đưa ra. Sau hai ngày bàn bạc Kissinger rời Sài Gòn với niềm tin rằng ông và Thiệu đã đồng ý với nhau.

Sau khi Kissinger rời Sài Gòn, Tổng thống Thiệu cùng với ban tham mưu soạn ra một bản đề nghị của VNCH, bản đề nghị này sẽ được Đại sứ Bunker trao cho Tổng thống Nixon tại Honolulu nhân dịp có cuộc họp ngày 28-8-1972. Bản đề nghị gồm có :

- (1). Các cuộc thảo luận giữa HK và Hà Nội không thể giải quyết được những mắc mứu giữa VNCH và MTGPMN.
- (2). Hà Nội không có quyền gì để xen vào những vấn đề chính trị tại Miền Nam. Cũng như VNCH không xen vào nội bộ chính trị của Miền Bắc.
- (3). Hiến pháp VNCH năm 1967 phải được tôn trọng.
- (4). HK và Hà Nội không được quyền sửa đổi Hiến pháp VNCH.
- (5). Nếu Tổng thống Thiệu từ chức thì Phó tổng thống Hương sẽ kế nhiệm.

** Chú giải : Kissinger giấu kín chuyện Hà Nội không đòi thay Thiệu*

So lại với biên bản mật đàm do Lưu Văn Lợi công bố thì Hà Nội cho rằng mục đích chuyến viếng thăm Sài Gòn của Kissinger là để thăm dò tình hình sau khi nghe Lê Đức Thọ cho biết Hà Nội thôi đòi hỏi phải thay thế chế độ Nguyễn Văn Thiệu.

Lẽ ra thì Kissinger phải báo ngay tin mừng này cho Nguyễn Văn Thiệu để tạo niềm tin đối với cá nhân ông ta. Nhưng ông ta đã không làm như vậy, ngược lại ông ta cố gài bẫy Thiệu về việc quân Bắc Việt có quyền ở lại Miền Nam. Ông ta giải thích cho Thiệu rằng HK chấp thuận “*các lực lượng quân sự phải lưu lại trong phạm vi ranh giới của mỗi quốc gia*”, nghĩa là quân Bắc Việt phải ở lại trong phạm vi Bắc Việt (Trong khi đó sự thực quân Bắc Việt tại Miền Nam được hiểu như là quân GPMN. Sau này Kissinger giải thích rằng câu này có nghĩa là Bắc Việt không được bổ sung quân số của họ tại Miền Nam).

Tài liệu của Bunker do Stephen Young phổ biến cho thấy ngay cả Bunker cũng không biết việc Hà Nội không còn đòi hỏi phải thay thế Nguyễn Văn Thiệu. Tuy nhiên chứng kiến cảnh Kissinger làm trò ảo thuật chữ nghĩa trước mặt Thiệu, Bunker ghi lại : “*Bunker ngồi yên lặng trong suốt buổi họp ngày hôm ấy, mừng tượng ra một giai đoạn chao đảo và bất tín sẽ xảy đến trong vấn đề bang giao giữa Washington và Sài Gòn*” (*Bản dịch của Nguyễn Vạn Hùng trang 479*).

Trong khi đó tài liệu của CIA cho thấy rõ tác phong trịch thượng của Kissinger trước mặt Bunker : “*Tối ngày 17/8 Polgar (Trưởng chi nhánh CIA tại Sài Gòn) được khẩn mời đến tòa đại sứ. Polgar thấy Kissinger mặc pyjama. Kissinger than phiền sự cứng rắn của tổng thống Thiệu và “chỉ thị” Polgar dùng các đường giây quanh Thiệu để áp lực Thiệu thay đổi lập trường.*

Polgar nói ông không thể áp lực lộ liễu như vậy. Kissinger bảo Polgar đó là “lệnh”, rồi lạnh lùng quay sang đại sứ Bunker hỏi ông xử lý thế nào nếu nhân viên không tuân lệnh cấp trên.

Bunker cũng lạnh lùng trả lời ông đồng ý với Polgar!” (CIA and The Generals, bản dịch của Trần Bình Nam).

Trong khi tại Sài Gòn Bunker và Thiệu không hay biết gì về việc Hà Nội thôi không đòi hạ bệ Nguyễn Văn Thiệu thì tại Trung tâm CIA các quan chức cao cấp cũng chẳng biết gì hơn. Đến nỗi đợi tới nửa tháng sau các quan chức tại Langley mới đoán được nhờ nghiên cứu bài diễn văn mừng Quốc khánh của Phạm Văn Đồng.

Năm 1972, ngày Quốc khánh 2-9 tại Hà Nội (Tức là ngày 1-9 tại HK), Thủ tướng Phạm Văn Đồng đọc diễn văn trên Đài phát thanh, loan báo Hà Nội sẵn sàng đáp ứng những yêu cầu tiên quyết từ phía Hoa Kỳ để chấm dứt chiến tranh, *đặc biệt ông ta không đá động gì đến đòi hỏi tiên quyết trước đây của Hà Nội là Nguyễn Văn Thiệu phải bị thay thế.*

**Chú giải :* Bài diễn văn của Thủ tướng Phạm Văn Đồng được đưa tới Trung tâm CIA tại Hoa Kỳ vào ngày cuối tuần. Một chuyên gia phân tích tin của CIA là *Frank Snapp* liền gọi điện thoại cho Trưởng phòng phân tích tin của CIA để báo tin. Người trưởng phòng lập tức đến Trung tâm và cùng Frank Snapp soạn bản báo cáo và đưa ra trình Tổng thống trong phiên họp báo cáo cuối ngày tại Tòa Bạch Ốc.

Sáng hôm sau Frank Snapp bị các cấp chỉ huy CIA khiển trách nặng nề và kỷ luật ông, không cho tiếp tục làm việc tại phòng phân tích tin của Trung tâm CIA vì lý do đã tự ý tung tin đó ra

trong khi các quan chức cao cấp của CIA chưa kịp biết để “thẩm định” trước khi trình Tổng thống.

Frank Snepp bị kỷ luật không phải vì ông ta đã qua mặt cấp trên mà là ông ta đã “thầy lay” so với nhiệm vụ của ông ta. Frank Snepp đã vô tình tiết lộ những tin tức mà Nixon, Kissinger và Giám đốc CIA (Colby) đang muốn giấu. Họ muốn Quốc hội HK tin rằng Hà Nội đang còn rất mạnh, có như vậy QH mới để cho Nixon được rộng tay hơn.

Cũng vì bị kỷ luật oan, bị đẩy trở lại làm việc tại VN mà Frank có dịp quan sát và đánh giá lại mọi hoạt động của CIA, nhất là trong những ngày nguy khốn của tháng 4-1975. Sau 1975 ông trở lại HK âm thầm thu thập tài liệu của CIA và Bộ ngoại giao HK; rồi xin ra khỏi CIA và tung ra một tập sách để đời cho lịch sử chiến tranh VN, đó là cuốn “Decent Interval”.

BÙI ANH TRINH

HÀ NỘI ĐƯA RA ĐỀ NGHỊ KẾT THÚC CHIẾN TRANH (8)



Trích sách “ Giải Mã Những Bí Ẩn Của Chiến Tranh Việt Nam” của Bùi Anh Trinh

Nixon dọa giết Tổng thống Thiệu

Năm 1972, ngày 2-10, Tướng Haig cùng với Đại sứ Bunker đến dinh Độc Lập để gặp Tổng thống Thiệu và Hoàng Đức Nhã. Vừa gặp nhau Haig cho biết ông có lời nhắn riêng của Tổng thống Nixon chuyển cho Tổng thống Thiệu. Thiệu mời Bunker và Nhã ra ngoài. Theo hồi ký của Haig thì ông đưa ra những đề nghị của HK sẽ nêu ra trong cuộc họp mật sắp tới với Lê Đức Thọ. Thiệu ghi nhận và hẹn sẽ trả lời vào ngày hôm sau. Tuy nhiên đến hôm sau thì cuộc họp được hủy bỏ mà không cho biết lý do.

Ngày 4-10-1972, Tướng Haig trở lại dinh Độc Lập với Bunker và Negroponte. Lần này gặp mặt cả Hội đồng An ninh quốc gia VNCH. *Tổng thống Thiệu đưa ra một loạt những phản đối của ông về cách làm việc của phía HK*, nhất là các thỏa thuận riêng giữa Kissinger và Lê Đức Thọ, ông so lại những thông báo của Bunker với ông hoàn toàn khác với tuyên bố của Thủ tướng Phạm Văn Đồng trong bài diễn văn ngày 2-9-1972.

Trước khi Tổng thống Thiệu lên tiếng, Phó Tổng thống Trần Văn Hương công kích Hoa Kỳ nhân nhượng Bắc Việt mà không tham khảo với VNCH. Sau Tổng thống Thiệu là Thủ tướng Trần Thiện Khiêm công kích Hoa Kỳ đe dọa lật đổ Tổng thống Thiệu.

Thủ tướng Khiêm nhắc cho HK nhớ lại rằng năm 1963 ông Ngô Đình Diệm và Năm 1964 ông Dương Văn Minh bị lật đổ chỉ vì những người này đã đi ngược lại với nguyện vọng của nhân dân Việt Nam, họ đã muốn thỏa hiệp với Cộng sản hoặc muốn chạy theo chủ nghĩa Trung lập. Giờ đây **ông không muốn dân chúng Việt Nam lại kết án chính phủ VNCH là bù nhìn của Hoa Kỳ.**

Tướng Haig đành im lặng ngồi nghe, sau cùng ông quay sang hỏi Tổng thống Thiệu : “Tôi sẽ phải nói gì với Tổng thống Nixon?”. Đến lúc này Tổng thống Thiệu mới nhớ ra rằng ông lo công kích HK mà quên giúp HK phải làm gì để giải quyết những vấn đề trước mắt của Nixon và Kissinger. Lúc đó ông chỉ biết nói gọn lại là “*Hoa Kỳ muốn làm gì cũng được nhưng HK không nên để bị kẹt vào thế phải tìm cách giải quyết vấn đề nội bộ của Nam Việt Nam*” (Sửa đổi hiến pháp VNCH cho phù hợp với thể chế mới sau ngưng bắn).

Haig trở về HK sau khi đánh điện báo cho Kissinger hay rằng “*Thiệu nhất định không chấp nhận bất cứ một điều gì do Haig đề nghị*”.

Ngày 6-10-1972, Tổng thống Nixon gửi cho Tổng thống Thiệu một thông điệp : “*Tôi xin ngài áp dụng mọi biện pháp để tránh tạo ra một bầu không khí có thể đưa đến những biến cố tương tự như **biến cố mà chúng tôi cảm ghét năm 1963** và chính tôi chống lại một cách quyết liệt năm 1968*” (Larry Berman; No Peace, No Honor; bản dịch của Nguyễn Mạnh Hùng trang 210). Nghĩa là Nixon dọa đảo chánh hoặc giết Nguyễn Văn Thiệu.

Hà Nội chấp nhận thua cuộc, đưa ra sơ thảo hiệp ước

Năm 1972, ngày 9-10; Kissinger, Negroponte và Haig họp mật với Lê Đức Thọ và Xuân Thủy, cuộc họp bị dời lại một ngày theo đề nghị của phía HK do bị trục trặc về sự ngoan cố của Nguyễn Văn Thiệu.

Kissinger phát biểu trước : (1). Hoa Kỳ chấp nhận một cơ cấu chính trị 3 thành phần tại Nam Việt Nam nhưng cơ cấu này, có thể gọi là Hội đồng hòa giải, không phải là một chính phủ và chỉ có tính cách tạm thời mà thôi. (2). Hoa Kỳ công nhận sự hiện diện của một số quân đội Bắc Việt có tại Miền Nam trước cuộc tấn công Mùa Hè nhưng Hà Nội *phải cho biết đích xác vị trí đóng quân của những đơn vị này*. Còn những đơn vị tràn vào Nam trong cuộc tấn công Mùa Hè phải được rút về Bắc. (3). Hoa Kỳ “*sẽ không trách nhiệm bồi thường chiến tranh nhưng sẵn lòng đóng góp tái thiết sau chiến tranh*”.

(Nguyên văn theo tài liệu của Hà Nội : “*Ông ta không quên nhắc lại quan điểm của Mỹ rằng Mỹ sẽ không ký kết một văn kiện nói về trách nhiệm của Mỹ trong việc bồi thường chiến tranh, nhưng sẵn sàng tham gia vào một chương trình tái thiết lớn trên toàn Đông Dương. Mỹ sẵn sàng viết cam kết đó **trong một tuyên bố đơn phương***”. Có nghĩa là không ghi chuyện bồi thường chiến tranh vào văn bản hiệp ước, mà sẽ viết một giao ước riêng giữa hai vị cầm đầu chính phủ của hai nước, trong đó sẽ quy định bồi thường bao nhiêu và thể thức chi trả như thế nào).

Tới phiên Lê Đức Thọ phát biểu, ông nói : “*Tôi chắc rằng các ông nóng lòng muốn chấm dứt chiến tranh? Đây là một kế hoạch toàn diện để **chấm dứt chiến tranh** và lập lại hòa bình ở Việt Nam....*” Sau khi đọc lên những đề nghị tương tự như các điều khoản của hiệp

ước sau này, Thọ kết luận : “Trong khi đưa ra các đề nghị mới này, chúng tôi không muốn để các vấn đề chính trị của Nam Việt Nam, những vấn đề khó khăn nhất, làm cuộc thương thuyết của chúng ta bị kéo dài; chúng tôi muốn nhanh chóng chấm dứt chiến tranh để đáp ứng nguyện vọng hòa bình của nhân dân hai nước. Đồng thời chúng tôi cũng lưu ý tới các vấn đề quan tâm lớn của các ông”. (Lưu Văn Lợi, Các Cuộc Thương Lượng Lê Đức Thọ & Kissinger tại Paris).

Khi Lê Đức Thọ bắt đầu đọc thì Kissinger và các phụ tá của ông ta vội vàng ghi, nhưng rồi có lẽ ghi không kịp nên Kissinger hỏi Thọ rằng ông ta có thể có được bản văn mà Thọ đang đọc hay không. Thọ đáp rồi sẽ đưa cho ông ta sau khi đọc xong.

Hồi ký của Negroponte: “Nó thực sự là văn bản của một hiệp ước chấm dứt chiến tranh. Chúng tôi lập tức nghỉ họp để ra ngoài vườn đọc cho kỹ bản hiệp ước và tham khảo với nhau”. Haig tuyên bố : “Chúng ta đã thành công!”. Hồi ký của Kissinger: “**Chúng tôi mong ngày này trong suốt 4 năm qua**”, người ta thường hỏi tôi là khi nào tôi cảm thấy vui sướng nhất trong đời công vụ của mình, tôi trả lời rằng đó là ngày Chúa nhật 8-10-1972 tại Paris .

Sau khi cuộc họp chấm dứt, phái đoàn thương thuyết HK trở về tòa đại sứ HK tại Paris làm việc suốt đêm để thảo một văn bản trả lời những đề nghị của CSVN. Kissinger dự tính hoàn tất bản sơ thảo hiệp ước trước ngày 11-10-1972. Sau đó ông sẽ đi Sài Gòn bàn bạc với Nguyễn Văn Thiệu trong các ngày 15,16,17,18 tháng 10. Sau khi đạt được thỏa thuận của Nguyễn Văn Thiệu ông sẽ bay đi Hà Nội vào ngày 19-10. Và Hiệp ước sẽ được ký kết vào ngày 25 hoặc 26 tháng 10.

* Chú giải : Nguyên do khiến Hà Nội muốn chấm dứt chiến tranh

Muốn hiểu tại sao Hà Nội đột ngột đề nghị chấm dứt chiến tranh thì phải trở lại nội tình của Hà Nội vào tháng 10 năm 1972 qua hồi ký của cựu Phó thủ tướng Trần Quỳnh : “Sau trận ấy, không giữ được Quảng Trị anh em bên quân sự cho rằng vì Lê Duẩn ra lệnh đánh Huế cho nên mất Quảng Trị. Nếu không chủ trương đánh Huế thì giữ được Quảng Trị rồi. Nhiều người còn nói là Lê Duẩn “có tài nướng quân”. Tiếng nói gay gắt nhất là của Song Hào, Lê Quang Đạo...”

Sự kiện Lê Quang Đạo, Song Hào dám lên tiếng cãi lại, thậm chí cáo buộc Lê Duẩn không biết gì về quân sự đã nói lên kết quả thực sự của trận Mùa Hè 1972, đó là Hà Nội đã mất trắng. Tai hại hơn hết là người thì có thể gọi thêm trẻ con nhập ngũ nhưng không còn vũ khí bởi vì cả Liên Xô lẫn Trung Quốc đều ngưng viện trợ vũ khí.

Với tình thế đó Lê Duẩn chỉ còn có nước gấp rút kết thúc chiến tranh càng sớm càng tốt, trước khi Hoa Kỳ phát hiện ra là quân CSVN đã bị quân VNCH đánh cho tan tành, và giờ đây HN không còn một xu để mở ra canh bạc mới.

Vả lại sự kiện 20 ngàn dân Quảng Trị bị giết trên Đại Lộ Kinh Hoàng đã chứng minh rằng dân Miền Nam sợ Cộng sản còn hơn sợ hủi. Sự kiện dân chúng Tân Cảnh, Kontum giấu hết lúa gạo khiến cho quân CSVN bị đói đã chứng tỏ dân chúng không hề coi quân CSVN là quân giải phóng. Và sự kiện nhân dân tự vệ tại An Lộc đã bắn tía tiêu diệt quân CSVN trong thành phố An Lộc đủ chứng tỏ muốn chiếm Miền Nam thì phải giết hết dân Miền Nam.

Năm 1972, ngày 11-10, ngày thứ ba của cuộc họp kết thúc đàm phán, cuộc họp kéo dài 16 tiếng đồng hồ. Lê Đức Thọ giành hết buổi sáng để **mà cả về số tiền bồi thường chiến tranh**. Buổi chiều hai bên duyệt qua từng điều khoản của bản sơ thảo Hiệp ước. Kissinger yêu cầu được biết ý nghĩa của câu “quân đội hai bên sẽ ở lại trong vùng kiểm soát của

mình”. Xuân Thủy đáp rằng *quân Sài Gòn ở trong vùng kiểm soát của VNCH, quân GPMN ở trong “vùng giải phóng”*. Tức là trở lại thời kỳ 1956-1963.

Tối hôm đó Kissinger đánh điện cho Bunker nhắc Thiệu phải *lấn chiếm các vùng kiểm soát của MTGPMN càng nhiều càng tốt*. Tuy nhiên sau đó Thiệu không thi hành do vì nghi ngờ Kissinger xúi ông tấn công quân CSVN để có cơ cáo buộc rằng ông phá hoại hòa đàm trước ngày bầu cử Tổng thống HK.

Trong khi đó tại Hà Nội Tướng Hoàng Văn Thái, Tổng tham mưu trưởng, cũng nhận được lời nhắc của Lê Đức Thọ từ Paris là hãy *lấn chiếm vùng kiểm soát càng nhiều càng tốt* bởi vì ngưng chiến da beo. Hồi ký của Tướng Thái gọi đây là “*Kế hoạch thời cơ*”. Điều này giải thích vì sao quân CSVN tấn công khắp mọi nơi trước giờ ngưng bắn; trong khi phía VNCH án binh bất động vì sợ mang tiếng phá hoại hòa đàm.

BÙI ANH TRINH

ĐẲNG SAU HIỆP ĐỊNH PARIS, MẬT ƯỚC NIXON & NGUYỄN VĂN THIỆU (9)



Mật ước Richard Nixon – Nguyễn Văn Thiệu

Năm 1973, ngày 8-1, sau trận dội bom Mùa Giáng sinh, hòa đàm Paris được nối lại, mở đầu phiên họp là bài diễn văn của Lê Đức Thọ, ông ta công kích HK lật lọng leo thang chiến tranh. Kissinger không còn vui vẻ hoạt bát như các cuộc họp trước. Buổi chiều hai bên tiếp tục soạn thảo những chi tiết của văn bản hiệp ước mà trước đây đã bị bỏ dở.

Ngày 9, 10, 11 và 12-1, hai bên hoàn thành văn bản của hiệp ước bằng tiếng Anh lẫn tiếng Việt. Buổi chiều Kissinger và Sullivan họp với đoàn đàm phán VNCH để thông báo nội dung toàn bộ văn bản Hiệp định. Vấn đề còn lại là Tổng thống Thiệu có chấp thuận hay không.

**Chú giải* : Đoạn tường thuật trên đây được ghi lại trong biên bản của Bộ Ngoại giao Hà Nội, do Lưu Văn Lợi công bố năm 1998. Đọc qua đoạn biên bản này không ai có thể ngờ rằng đây là một cuộc họp sau cuộc dội bom Hà Nội 12 ngày đêm của Hoa Kỳ.

Hẳn nhiên là phải có nhiều biến cố và nhiều thương lượng đã xảy ra sau khi cuộc dội bom vừa chấm dứt. Thế nhưng biên bản buổi họp được ghi lại như không hề có gì xảy ra. Chứng tỏ Lưu Văn Lợi đã buộc phải giấu kín những trao đổi đã xảy ra giữa Kissinger và Lê Đức Thọ

trước khi hai ông bước vào phiên họp ngày 8-1-1975, tức là từ ngày ngưng ném bom 29-12-1972.

Những giấu kín đó đã làm tổn rất nhiều giấy mực của những nhà nghiên cứu thời cuộc, người ta cho rằng Hà Nội đã chịu đầu hàng trước khi cuộc dội bom chấm dứt. Điều này sẽ được đưa ra ánh sáng 5 năm sau cái chết của Kissinger.

Năm 1973, ngày 14-1, Tướng Alexander Haig đến Sài Gòn với tối hậu thư của Nixon cam kết *“Chúng tôi sẽ không nhìn nhận quyền có mặt của quân đội ngoại quốc nào trên mảnh đất Miền Nam. Chúng tôi sẽ phản ứng mãnh liệt trong trường hợp Hiệp định bị vi phạm... ..Tôi quyết định sẽ tiếp tục viện trợ đầy đủ kinh tế và quân sự cho VNCH”*. Tối hôm đó họp Hội đồng an ninh quốc gia, Tổng thống Thiệu trình bày nội dung tối hậu thư của Nixon. Đa số mọi người đồng ý nên ký vào vì đã có cam kết Mỹ sẽ tham chiến trở lại để đổi lại việc quân Bắc Việt có thể vi phạm hiệp ước.

Ngày 17-1, Tổng thống Thiệu gửi thư phúc đáp cho Tổng thống Nixon trong một phong bì dán kín và nhờ Haig chuyển về cho Nixon khi đến HK. Nhưng Haig về đến tòa đại sứ thì xé phong bì để chuyển bằng điện tín về Washington. Trong thư Thiệu cho biết cần một cam kết rõ ràng hơn nhằm bảo đảm cho việc ông ta chấp nhận quân Bắc Việt ở lại Miền Nam (Hồi ký của Alexander Haig).

Ngay đêm đó, trong lúc Haig còn ở tại Sài Gòn, Đại sứ Bunker chuyển đến Tổng thống Thiệu một điện văn của Nixon, cho biết sau ngày ký hiệp ước, dự trù vào ngày 27-1, Phó tổng thống Agnew sẽ đến Sài Gòn với một bản mật ước của Tổng thống Nixon, trong đó nêu rõ ba vấn đề : (1) Hoa Kỳ công nhận chính phủ của ngài là chính phủ duy nhất hợp pháp ở Miền Nam Việt Nam (2) Hoa Kỳ không công nhận quyền có mặt của quân ngoại quốc trên lãnh thổ của Miền Nam. (3) Hoa Kỳ sẽ phản ứng mãnh liệt nếu bản Hiệp định bị vi phạm. Ngoài ra : **“Tôi muốn được hội kiến riêng với ngài ba hay bốn tuần sau ở tại San Clements, California để chúng ta có dịp công khai nhắc lại mối hợp tác giữa hai nước, và sự cam kết của Hoa Kỳ”** (Nguyễn Tiến Hưng, Hồ Sơ Mật Dinh Độc Lập).

Trên nguyên tắc, đây cũng là điều kiện để hình thành Hiệp định; nếu không có điện thư cam kết đó thì Tổng thống Thiệu đã không ký vào Hiệp định. Nguyên bản bức điện văn được Nguyễn Tiến Hưng đưa lên sách The Palace File, bản tiếng Việt trang 663. Vì vậy sau này cựu Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu đã hết lời nguyên rủa Hoa Kỳ bội ước.

Không phải TT Nixon chủ tâm lừa đảo, sở dĩ ông mạnh dạn viết bức điện cam kết đó là vì HN đã đầu hàng. Không thể nào có chuyện HN gây chiến trở lại, họ không còn súng đạn, không còn gạo, và đang cần tiền viện trợ tái thiết của HK (Tiến bồi thường chiến tranh). Không ngờ là sau này tình thế đã biến chuyển khác hẳn với những toan tính của Nixon và Kissinger.

Năm 1973, ngày 16-1. Tài liệu của CIA : *“Ngày 16/1 Haig đến Sài Gòn với một thư tay khác của Nixon gửi cho tổng thống Thiệu rằng nếu vẫn không ký ông sẽ công khai tố cáo trước dư luận thế giới Thiệu ngăn cản hòa bình. Thiệu vẫn hoãn binh và cho biết sẽ trả lời Nixon vào ngày hôm sau.*

Hôm sau, 15 phút sau khi máy bay Haig rời Tân Sơn Nhất, Thiệu triệu tập Hội đồng An Ninh thu hẹp, đọc tối hậu thư của Nixon cho Hội đồng nghe. Sau đó Hội đồng bàn về cung cách thi hành hiệp định. Việc ký kết đến đây xem như đương nhiên. CIA báo cáo rằng “trong tâm

tâm Thiệu biết trước sau cũng phải ký theo ý Hoa Kỳ, nhưng ông đã làm những gì cần thiết có lợi cho sự tồn tại của Nam Việt Nam.”

Sáng ngày 20/1 Thiệu triệu tập Hội đồng An ninh quốc gia thông báo quyết định ký. Phó tổng thống Trần Văn Hương khóc nói rằng Nam Việt Nam đang ở trên một chiếc gậy, chạy hướng nào cũng không tránh được tai họa, và ký Hiệp định thì tai họa nhỏ hơn. Sau khi Hương dứt lời, Thiệu nói đồng ý với sự miêu tả của Hương (CIA and The Generals, bản dịch của Trần Bình Nam).

Theo như đoạn tài liệu này của CIA thì Haig đến SG ngày 14 rồi trở lại HK, sau đó ngày 16 mới trở lại với thư cam kết của TT Nixon. Nhưng thực ra theo hồi ký của Haig thì thay vì đem thư của Thiệu về HK thì ông và Bunker đã mở thư (do lệnh của Nixon) và chuyển bằng điện về cho Nixon. Rồi Nixon gọi lại thư cam kết bằng điện cho Bunker để Bunker chuyển cho Thiệu.

Tài liệu của CIA ngày đó có hơi khác so với hồi ký của Tướng Haig; sự thực là Haig đã mở thư tại SG và nhận điện thư của Nixon rồi đem đến cho Thiệu chứ không có về HK. Haig và Bunker không cần phải cho CIA biết chuyện này. Do đó đoạn tài liệu này của CIA chỉ là nhờ thâu thập qua thông tin của Trần Thiện Khiêm, nhưng Khiêm không hề biết là Haig không có về HK.

Đây mới chỉ là bức điện thư báo trước, coi như bản nháp của mật ước, còn mật ước có chữ ký của Nixon sẽ được Phó tổng thống HK Agnew đem đến Sài Gòn sau khi Hiệp định ngưng bản được ký kết.

Ký kết hòa ước

Năm 1973, ngày 23-1, lúc 10 giờ 45 sáng, bản Hiệp định Paris 1973 được Kissinger và Lê Đức Thọ ký tắt. Sau khi ký xong hai ông trao đổi cho nhau cây viết để làm kỷ niệm.

Năm 1973, ngày 27-1, buổi sáng, 4 bên tham chiến cùng ký kết Hiệp định có liên quan đến 4 bên, gồm có Ngoại trưởng Hoa Kỳ William Rogers, Ngoại trưởng Hà Nội Nguyễn Duy Trinh, Ngoại trưởng VNCH Trần Văn Lắm, và Đại diện MT/GPMN Nguyễn Thị Bình. Buổi chiều Hoa Kỳ và Hà Nội ký vào văn kiện thứ hai có liên quan tới sự kết ước giữa hai bên.

* *Chú giải :*

Dư luận Hoa Kỳ đối với Nixon : Báo Washington Post : *“Chúng ta biết ơn Nixon vì ông đã thực hiện lời hứa chấm dứt chiến tranh trong vòng 4 năm”.*

Báo Boston Herald Traveler : *“Nó tốt hơn nhiều so với một cuộc đầu hàng hèn nhát mà một số người Hoa Kỳ sẵn sàng chấp nhận”.*

Báo Walstreet Journal : *“Ông đã rút 550 ngàn quân ra khỏi Việt Nam và đem được tù binh trở về mà không mất chế độ Sài Gòn...Kẻ địch đã hiểu rằng xương sống của người ngồi trong Tòa Bạch Ốc được làm bằng thép...”*

Báo Cleverlnad Plain Dealer: *“Vấn bài quốc tế của ông đã có kết quả trước mọi thứ áp lực ở trong cũng như ngoài nước. Đây là giờ phút oanh liệt nhất của vị Tổng thống thứ 37 của chúng ta”.*

Theo ghi chép của Hadleman thì sau khi xem các bài báo đó, Nixon có nhận xét rằng chưa có ai nói đúng về ông ta, đó là *“có bản lĩnh và kiên trì”.*

Bí mật đằng sau Hiệp định : Hiệp định gồm có 9 khoản, trong 9 khoản có 23 điều. Nội dung của 9 khoản, 23 điều cho thấy trong 4 năm đàm phán hai bên chỉ thương lượng với nhau về 3 mục là (1) Mỹ rút quân (2) Hà Nội trả tù binh (3) Mỹ bồi thường chiến tranh. Tuy nhiên chuyện Mỹ rút quân là do Nixon tự quyết định rút quân về để thay thế bằng quân VNCH chứ không phải là do kết quả điều đình . Như vậy chỉ còn 2 vấn đề mà người ta phải hện nhau đến Paris để thương lượng trong 4 năm là Hà Nội trả tù binh và đòi bồi thường chiến tranh.

Nhưng vấn đề trao trả tù binh HK và tiền bồi thường chiến tranh chỉ được đưa ra sau khi cả Trung Quốc và Liên Xô đều thông báo cho HN là họ muốn HN chấm dứt chiến tranh. Lúc đó Lê Duẩn có muốn đánh tiếp cũng không có gạo, không có đạn để đánh. Do đó chỉ cần 2 cuộc họp cách nhau 2 tháng thì Hà Nội đã đưa ra toàn bộ các điều kiện của họ: tức là thả tù binh HK vô điều kiện, không đòi thay thế chế độ Thiệu, không đòi thả 38 ngàn tù chính trị Cộng sản Miền Nam, không buộc HK phải ghi điều khoản bồi thường chiến tranh vào trong Hiệp định đình chiến v.v... Dĩ nhiên là Nixon nợ LX và TQ về sự nhượng bộ này.

Nội dung 9 khoản ghi trong Hiệp định cho thấy không cần phải tốn tới 4 năm mới có được văn bản của hiệp định:

Khoản 1 : *Các quyền cơ bản của dân tộc Việt Nam.* Dĩ nhiên K và LĐT không phải thương lượng với nhau về chương này, chỉ cần sao lại chương 1 của Hiệp định Genève).

Khoản 2 : *Chấm dứt chiến sự, rút quân.* Chương này dành cho chuyên viên kỹ thuật, ấn định ngày giờ ngưng bắn, thời hạn rút quân ,dĩ nhiên hai ông cũng không thương lượng với nhau về mục này.

Khoản 3 : *Việc **trao trả nhân viên quân sự bị bắt.*** Đây mới là mục chính yếu để thương lượng nhưng tránh không nói tới chữ “trao trả tù binh” mà nói là trao trả nhân viên quân sự bị bắt.

Khoản 4 : *Việc thực hiện quyền tự quyết của dân tộc VN* (Dĩ nhiên vấn đề này cũng không cần thương lượng, chỉ cần sao lại Hiệp định Geneve).

Khoản 5 : *Vấn đề thống nhất Việt Nam.* Không cần thương lượng, chỉ cần nói rằng theo như Hiệp định Geneve 1954 là xong.

Khoản 6 : *Ủy ban kiểm soát đình chiến.* Cũng không cần thương lượng, việc này cũng chỉ giao cho các chuyên viên quân sự.

Khoản 7 : *Đối với Cam Bốt và Lào.* Cũng ghi theo như HĐ Geneve là xong.

Khoản 8 : *Quan hệ giữa HK và CSBV.* Đây mới là vấn đề chính, nghĩa là ai phải chung cho ai và chung bao nhiêu.

Khoản 9 : *Các quy định khác : Hiệp định có hiệu lực sau khi ký./-*

Vậy thì chỉ cần xem lại khoản 3 và khoản 8 có 3 điều chính yếu:

Điều 5 (Thuộc khoản 3) : Trong thời hạn **60 ngày kể từ khi ký** hiệp định này sẽ hoàn toàn rút ra khỏi Miền Nam Việt Nam mọi quân đội, cố vấn quân sự và nhân viên quân sự liên quan đến chương trình vũ khí, đạn dược và các dụng cụ chiến tranh của Hoa Kỳ và các nước ngoài khác...

Điều 8 (Thuộc khoản 3) : Việc **trao trả những nhân viên quân sự** của các bên bị bắt và thường dân nước ngoài của các bên bị bắt sẽ tiến hành song song và hoàn thành không chậm hơn ngày hoàn thành việc rút quân nói trong điều 5.

Điều 21(Thuộc khoản 8) : Hoa Kỳ **mong rằng** Hiệp định này sẽ mang lại một thời kỳ hòa giải với Việt Nam Dân Chủ Cộng Hòa cũng như với các dân tộc Đông Dương. Theo chính sách **truyền thống** của mình, Hoa Kỳ sẽ đóng góp vào việc *hàn gắn vết thương chiến tranh* và công việc xây dựng sau chiến tranh ở Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và toàn Đông Dương.

Tóm tắt 9 khoản, 23 điều của Hiệp định thì người ta thấy ngay sự phi lý : Ngưng bắn da beo, chính phủ Nguyễn Văn Thiệu vẫn còn tồn tại, 38.000 cán bộ dân sự CSMN vẫn bị giam trong các trại tù. Trong khi đó tù binh CSBV, tù binh VNCH và tù binh HK được thả, Hoa Kỳ không phải trả tiền bồi thường chiến tranh nhưng : *“Hoa Kỳ sẽ đóng góp vào công cuộc hàn gắn vết thương chiến tranh và tái thiết sau chiến tranh”*. Như vậy công lao chiến đấu của CSVN từ 1959 tới 1973 coi như bỏ đi, họ không được một tí lợi nào cả ?

Nếu Hà Nội sáng suốt thì bắt phải ghi rõ con số 3,25 tỉ vào điều khoản 21 và ấn định lịch trình trao đổi, hễ đưa bao nhiêu thì thả bấy nhiêu, đưa tới đồng Dollar cuối cùng thì thả người cuối cùng. Dĩ nhiên một khi đã ghi con số và lịch trình trao đổi thì đến khi quốc hội HK biểu quyết thông qua Hiệp định sẽ phải ký thêm một đạo luật chuẩn chi ngân sách đính kèm. Phải chăng Lê Đức Thọ đã bị lừa ?

Vì không tin là Lê Đức Thọ bị lừa cho nên những nhà quan sát thời cuộc thừa hiểu rằng **đằng sau Hiệp định phải có một mật ước riêng giữa hai bên**, trong đó sẽ quy định rõ con số bồi thường chiến tranh cũng như thể thức thanh toán.

Còn về phần Quốc hội HK thì họ không có lý do gì để từ chối một hiệp định công khai, hoàn toàn có lợi cho HK; nghĩa là chấm dứt chiến tranh, đem được tù binh trở về mà không tốn một đồng nào cả.

BÙI ANH TRINH

THIỆU NÓI GIẬN CÁO BUỘC MỸ BÁN ĐỨNG MIỀN NAM (10)



Trích sách “Giải Mã Những Bí Ẩn Của Chiến Tranh Việt Nam của Bùi Anh Trinh.

Thiệu bắt được bản sơ thảo Hiệp định của Kissinger và Lê Đức Thọ

Năm 1972, ngày 17-10, quân đội VNCH hành quân tại Quảng Tín đã tịch thu được một bản tài liệu mang tên “*Chỉ dẫn tổng quát về ngưng chiến*” của CSVN. Ngay tức khắc, bản tài liệu được chuyển tiếp bằng máy bay trực thăng qua 5 chặng tới tay Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu vào lúc nửa đêm.

Thiệu đọc và phát hiện ra lâu nay Bunker đã cho ông những thông tin ảo về những thỏa thuận giữa Kissinger và Lê Đức Thọ tại Paris. Ông cay đắng nhận ra rằng từ trước tới nay Kissinger đã điều đình với Lê Đức Thọ mà không thèm đếm xỉa tới ý kiến của Chính phủ VNCH cũng như không cần để ý tới quyền lợi của nhân dân Miền Nam.

Những gì mà Đại sứ Bunker trình bày với ông về những điều khoản thương lượng tại Paris chỉ là những lời lừa phỉnh như đối với trẻ con. Kể từ lúc này, dưới con mắt của Tổng thống Thiệu thì Bunker là một tay lừa đảo (Trong khi sự thực Bunker đã bị Kissinger lừa chứ ông ta cũng chẳng biết gì hơn).

Tổng thống Thiệu lập tức mời một số nhân vật chính trong chính phủ họp bàn về sự phản bội của Hoa Kỳ và tìm cách đối đầu với Kissinger trong chuyến viếng thăm sắp tới của ông ta .

Nguyễn Văn Thiệu bác bỏ bản dự thảo hiệp ước

Năm 1972, ngày 18-10, Kissinger đến Sài Gòn vào ban đêm.

Ngày 19-10,

– Buổi sáng, lúc 11 giờ sáng, Kissinger cùng phái đoàn đến dinh Độc Lập trao ủy nhiệm thư của Tổng thống Nixon và thuyết trình trong nửa tiếng về bản dự thảo hiệp định. Sau khi ông thuyết trình xong, Tổng thống Thiệu hỏi ông về bản dự thảo bằng tiếng Việt, Kissinger nói hiện tại ông không có nhưng ông sẽ cho tìm nó trong hồ sơ và gửi cho Tổng thống (Theo Frank Snepp, lúc này Kissinger chưa biết là chi nhánh CIA tại Sài Gòn đã có văn bản bằng tiếng Việt do điệp viên nằm trong Trung ương Cục của CSVN từ miền Đồng Bằng sông Cửu Long, tức là Khu 9 của CSVN, chuyển tới).

– Lúc 1 giờ trưa, Tổng thống Thiệu cảm ơn về bài thuyết trình của Kissinger, hứa sẽ nghiên cứu và hẹn gặp nhau lại vào lúc 5 giờ chiều.

– Lúc 5 giờ chiều, phái đoàn của Kissinger đến dinh Độc Lập để trả lời các thắc mắc về văn bản dự thảo. Mở đầu Tổng thống Thiệu cho biết ông cần một thời gian để nghiên cứu văn bản bằng tiếng Anh lẫn tiếng Việt, bất ngờ ông buột miệng hỏi : “*À, còn ba quốc gia Đông Dương mà ông nói đến là những quốc gia nào vậy?*”.

Như đã có chuẩn bị trước, Kissinger đáp ngay : “*Thưa ngài, chắc là người ta đánh máy sai đó*”. Tổng thống Thiệu biết rằng ông ta nói dối bởi vì trong văn bản có tới 3 lần nói tới 3 quốc gia Đông Dương và ghi bằng chữ (three) chứ không ghi bằng số. Kể từ lúc đó cuộc trao đổi giữa Tổng thống Thiệu và Kissinger trở thành giống như một cuộc điều tra để phát hiện ra sự lừa đảo chứ không còn là một cuộc trao đổi “*thành thật và thân mật*” như thư giới thiệu của Tổng thống Nixon.

– Sau khi trao đổi một số vấn đề, đặc biệt là vấn đề không có mục quy định quân Bắc Việt phải trở về Bắc, Tổng thống Thiệu hẹn hôm sau sẽ gặp lại từng nhóm chuyên biệt để bàn bạc. Kissinger đồng ý rồi xin **mở tiếp một cuộc họp quân sự** ngay sau đó để bàn về vấn đề gấp rút tiếp vận quân sự cho Nam VN trước ngày đình chiến. Cuộc họp gồm có Kissinger, Bunker, Tướng Abrams, Tướng Thiệu và Tướng Cao Văn Viên.

Theo như cựu Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu kể lại cho Nguyễn Tiến Hưng trong The Palace File thì có lẽ món quà viện trợ quân sự khẩn cấp là để “mua chuộc” (đấm mồm) sự đồng ý của Tổng thống về nội dung văn bản Hiệp định.

Ngày 20-10,

– Buổi sáng, Kissinger họp với Hội đồng an ninh quốc gia VNCH tại nhà riêng của Ngoại trưởng Vương Văn Bắc. Phía VNCH đưa ra 23 điểm cần làm sáng tỏ. Kissinger phản biện và chỉ thừa nhận có 8 điểm trong 23 điểm là cần phải minh xác mà thôi. Buổi họp kết thúc vào giữa trưa, hai bên hẹn gặp nhau vào buổi chiều.

Hoàng Đức Nhã bỏ ra về giữa cuộc họp để kịp thông báo cho Tổng thống Thiệu rằng có rất nhiều điểm thất lợi trong bản văn bằng tiếng Anh lẫn tiếng Việt mà Kissinger mới đưa ra. (Bản tiếng Việt do chi nhánh CIA tại SG có được từ một nhân vật nội gián nằm trong Trung ương ĐCSVN tại Miền Tây. Sau này được biết là ông Võ Văn Kiệt, Bí thư Quân khu 9 CSVN).

– Lúc 4 giờ chiều, Cố vấn Hoàng Đức Nhã gọi điện thoại cho Đại sứ Bunker thông báo **buổi họp chiều nay bị hoãn** lại vì lý do quân CSVN đang tập trung quân để đánh lớn, Tổng thống Thiệu đang triệu tập các Tiểu khu trưởng để bàn việc đối phó.

Theo lời kể lại của ông Hoàng Đức Nhã thì cuộc nói chuyện điện thoại diễn ra như sau :

Bunker : Thế bao giờ sẽ họp vào ngày mai

Nhã : Tôi sẽ tìm cách thông báo cho ngài sau

Bunker yêu cầu gặp Tổng thống Thiệu.

Nhã : Xin ngài thứ lỗi, vì tình hình khẩn cấp, Tổng thống không muốn nói chuyện điện thoại với bất cứ ai.

Sau đó vài tiếng đồng hồ, Bunker gọi lại.

Bunker : Chúng tôi có thể tới gặp Tổng thống lúc này được không? Chúng tôi sắp rời tòa Đại sứ ngay bây giờ đây.

Nhã : Trong dinh chưa chuẩn bị. Chúng tôi có một số việc khác khẩn cấp...

Bunker : Anh đâu có thể làm như vậy được.

Kissinger giật lấy ống nói : Đây là Tiến sĩ Kissinger.

Nhã : Thưa ông mạnh giỏi ?

Kissinger : Tại sao chúng tôi lại không được gặp Tổng thống?

Nhã : Như tôi mới giải thích cho Đại sứ Bunker. Tôi rất tiếc là Tổng thống không thể gặp quý vị vào lúc này, ông ta sẽ gặp quý vị ngày mai.

Kissinger : Tôi là Đặc sứ của Tổng thống Hoa Kỳ, tôi không thể được đối xử như một nhân viên chạy vặt.

*Nhã : **Chúng tôi không bao giờ coi ông là nhân viên chạy vặt. Nhưng nếu ông nghĩ như vậy thì tôi đâu có thể làm gì được.***

Kissinger : Tôi đòi gặp Tổng thống !

Nhã : Xin ông cho phép tôi nhắc lại lần nữa điều mà tôi vừa mới thưa với ông, tôi xin lỗi.

(Nguyễn Tiến Hưng, The Palace File, bản dịch của Cung Thúc Tiến và Nguyễn Cao Đàm trang 172, 173).

Ngày 21-10,

– Lúc 10 giờ sáng, Kissinger và Bunker đến gặp Tổng thống Thiệu, hai bên bàn thảo về 23 điểm phản đối của VNCH ngày hôm qua, theo Kissinger thì chỉ có 16 điểm cần sửa đổi. Trong 2 tiếng đồng hồ, hai bên bàn thảo về vấn đề quân Bắc Việt tại Miền Nam và vai trò của Hội đồng hòa giải dân tộc.

– Trong khi đang họp, nhân viên của Văn phòng Tổng thống bước vào đưa một mật điện từ tòa Đại sứ Hoa Kỳ chuyển sang, đó là một bức điện của Tổng thống Nixon muốn Kissinger trao tận tay Tổng thống Thiệu, trong đó đe dọa **sẽ cắt viện trợ nếu Tổng thống Thiệu từ chối bản dự thảo hiệp định.**

Buổi họp kết thúc trong sự hài lòng của Kissinger (Tưởng rằng thư của Nixon đã khống chế được Thiệu), hai bên hẹn gặp nhau vào sáng hôm sau.

Ngày 22-10,

– Lúc 6 giờ sáng, Tòa đại sứ VNCH tại Washington chuyển về toàn văn bài phỏng vấn của phóng viên tờ Newsweek là Borchgrave với Thủ tướng CSVN Phạm Văn Đồng cho Tổng thống Thiệu. Tổng thống phát hiện rõ ràng Kissinger đã đánh lừa ông về vai trò của “Hội đồng hòa giải” và ý nghĩa của “ngưng bắn da beo”, nhưng ông quyết định không nói ra để xem Kissinger “diễn tuồng” ra sao.

(Thực ra chiều hôm trước Tướng Trần Văn Đôn đã dẫn phóng viên Borchgrave đến gặp Tổng thống Thiệu để xin phỏng vấn sau khi ông ta mới phỏng vấn Phạm Văn Đồng tại Hà Nội vào buổi sáng. Tổng thống Thiệu từ chối trả lời phỏng vấn nhưng Borchgrave vẫn thông báo cho ông biết về nội dung cuộc phỏng vấn Phạm Văn Đồng. Sau đó Borchgrave mới chuyển bài phỏng vấn PVĐ về cho báo Newsweek).

– Buổi sáng, Kissinger đến gặp Tổng thống Thiệu, trong 45 phút bàn bạc, Tổng thống Thiệu cho biết ông đồng ý với bản dự thảo “nhưng với điều kiện phải sửa đổi lại” (Đây là một lối nói từ chối của Tổng thống Thiệu nhưng Kissinger không hiểu, bởi vì sau đó Thiệu đòi **sửa lại tới 64 chỗ**, tức là hầu như sửa lại toàn bộ). Kissinger ra về với nhiều lặc quan.

– Kissinger đánh điện cho Tổng thống Nixon : *“Tôi nghĩ là chúng tôi đã tìm được lối thoát”*. Sau đó ông bay đi Nam Vang để gặp Tổng thống Cam Bốt và trở lại Sài Gòn chiều hôm đó. Tại Nam Vang Kissinger cho Tổng thống Lon Nol biết rằng Tổng thống Thiệu đã đồng ý bản dự thảo hiệp định do Bắc Việt đưa ra.

– Buổi chiều, Kissinger cùng Bunker đến dinh Độc Lập. Trước tiên Tổng thống Thiệu khuyến cáo Kissinger : *“Tôi không đồng ý về việc một số nhân viên của quý vị đi nói khắp Sài Gòn là tôi đã ký. Tôi chưa ký kết gì cả. Tôi không phản đối hòa bình nhưng tôi chưa nhận được một trả lời thỏa đáng nào của quý vị **cho nên tôi sẽ không ký**”*.

Sau đó Tổng thống nhắc lại 4 điểm phản đối chính, đó là: (1) Sự hiện diện của quân Bắc Việt tại Miền Nam. (2) Vai trò của Hội đồng hòa giải được xem như là một chính phủ. (3) Vùng phi

quân sự tại vĩ tuyến 17 không được tôn trọng theo như hiệp định Geneve. (4) Hiện nay tại Đông Dương có tới 4 quốc gia chứ không phải chỉ có 3.

Kissinger mất bình tĩnh với tuyên bố của Tổng thống Thiệu, ông nói ông đã thành công ở Bắc Kinh, Mạc Tư Khoa và Paris mà bây giờ ông phải thất bại tại Sài Gòn: “Nếu ngài không ký, chúng tôi sẽ xúc tiến một mình”.

Tới phiên Thiệu nổi giận, ông buộc tội Kissinger là **thông đồng với Bắc Kinh và Mạc Tư Khoa để bán đứng Miền Nam**. Hồi ký của Kissinger ghi lại lời lẽ của Thiệu: “Là một quân nhân thì lúc nào cũng phải chiến đấu, nếu tôi không phải là một quân nhân thì tôi đã từ chức khi HK yêu cầu tôi từ chức và còn mặc cả với tôi về ngày giờ từ chức... .. Tôi chưa hề nói với ai là người Mỹ đã đòi tôi từ chức, vì như vậy là nhục; cho nên tôi đã làm như tự mình chọn lấy quyết định đó...” (Kissinger, White House Years, trang 1385)

Kissinger đáp lại : “Tôi cảm phục tính hy sinh và lòng can đảm của ngài qua lời phát biểu vừa rồi. Tuy nhiên, là một người Hoa Kỳ, tôi không khỏi phiền lòng khi ngài cho rằng chúng tôi thông đồng với Liên Xô và Trung Quốc.

Làm sao ngài có thể nghĩ như vậy được trong khi quyết định ngày 8-5 của Tổng thống Nixon (Thả bom Hà Nội và phong tỏa các hải cảng Bắc Việt) đã liều cả tương lai chính trị của mình để giúp quý ngài. Chúng tôi điều đình với Liên Xô và Trung Quốc là để làm áp lực, buộc họ phải làm áp lực với Hà Nội... **Nếu như chúng tôi muốn bán đứng quý ngài thì đã có nhiều cách dễ dàng hơn để hoàn thành việc đó...**” (Kissinger, White House Years, trang 1385, 1386).

Rồi tới phiên Đại sứ Bunker mất bình tĩnh : “Vậy thì thưa Tổng thống, lập trường chót của ngài là không ký, có phải không?”

Thiệu đáp : “Vâng, đó là lập trường cuối cùng của tôi. Tôi sẽ không ký và tôi xin ngài thông báo cho Tổng thống Nixon biết như thế. Xin quý vị trở lại Washington và nói với Tổng thống Nixon rằng tôi cần được trả lời”.

Tổng thống Thiệu chỉ tay vào bản đồ Việt Nam rồi nói : “Có gì quan trọng khi Hoa Kỳ để mất một quốc gia nhỏ bé như Nam Việt Nam? Chúng tôi không hơn gì một chấm nhỏ trên bản đồ của thế giới đối với các ông... .. **Nhưng đối với chúng tôi, đó là một sự chọn lựa giữa sự sống và sự chết**. Đối với chúng tôi, đặt bút ký vào một hiệp ước tương đương với sự đầu hàng là chấp nhận một bản án tử hình, vì cuộc sống không có tự do là sự chết. Không, nó còn tệ hơn là sự chết” (Larry Berman; No Peace, No Honor; trích từ Văn khố Bộ ngoại giao HK, bản dịch của Nguyễn Mạnh Hùng trang 230).

Kissinger yêu cầu Thiệu cùng họp lại một lần chót vào sáng ngày mai để trình diễn cho báo chí biết là bản dự thảo vẫn đang được tiếp tục tiến hành. Tổng thống Thiệu đồng ý : “Được rồi, nếu điều đó có thể giúp quý vị thì sáng mai ta có thể có một cuộc họp ngắn, 5 phút”.

Ngày 23-10, sau cuộc họp ngắn với Tổng thống Thiệu, Kissinger lên đường trở về Hoa Kỳ. Trước đó ông đã đánh điện cho Hà Nội, xin hoãn chuyến đi Hà Nội vào ngày 24-10 như đã dự trù.

Tổng thống Nguyễn Văn Thiệu lên truyền hình công kích các điều khoản hiệp định mà Phạm Văn Đồng tuyên bố với phóng viên Borchgrave. Ông tránh không nói tới bản dự thảo hiệp

định do Kissinger đưa ra bởi vì đã có hứa với Kissinger là làm ra vẻ như bản dự thảo vẫn đang được tiến hành.

BÙI ANH TRINH

Trận đánh Khánh Dương, cầm chân quân Cộng sản Bắc Việt từ Ban Mê Thuột (11)

*** (Trích sách “Giải Mã Những Bí Ẩn của Chiến Tranh Việt Nam” của Bùi Anh Trinh).**

Theo sách “Đại thắng Mùa Xuân” của Tướng CSVN Văn Tiến Dũng thì đêm 11-3-1975 quân CSVN bắt được Đại tá Vũ Thế Quang, Tư lệnh phó Sư đoàn 23 Bộ binh VNCH tại Ban Mê Thuột. Ông này khuyên Văn Tiến Dũng nên đánh thẳng xuống Nha Trang và Cam Ranh bởi vì *giữa Ba Mê Thuột và Nha Trang chỉ còn 1 trung đội* Địa phương quân đóng tại đèo M’Drak. (Một trung đội khoảng 30 người)

Thực ra lúc đó giữa Ban Mê Thuột và Nha Trang có 1 Tiểu đoàn ĐPQ chứ không phải 1 trung đội (Một tiểu đoàn khoảng 500 người). Đó là Tiểu đoàn 321/ĐPQ của Tiểu khu Ninh Thuận tăng phái cho Tiểu khu Khánh Hòa. Tiểu đoàn đến trận địa Khánh Dương vào sáng sớm ngày 15-3-1975. Lúc đó quân CSVN đang từ BMT tràn xuống Khánh Hòa.

Chiều ngày 15-3 tại Chi khu Phước An của Tiểu khu Đắc Lắc, Trưởng phòng tình báo Quân Đoàn 2 là Đại tá Trịnh Tiểu nhờ Thiếu tá Phạm Huấn, đặc phái viên của Tướng Phạm Văn Phú, báo lại cho Tướng Phú, đang ở BTL/Quân Khu 2 tại Nha Trang, rằng *quân CSVN tại Ban Mê Thuột là 4 sư đoàn, đang tràn về Nha Trang* (Một sư đoàn khoảng 10.000 người).

Để đối phó với quân CSVN từ Ban Mê Thuột, Tướng Phú đã cầu cứu với Bộ TTM và Bộ TTM cho biết 3 hôm nữa Lữ đoàn 3 Dù đang trên đường từ Đà Nẵng về SG sẽ đổ bộ tại Nha Trang để lên chặn địch tại Khánh Dương.

Tướng Phú không thể ngồi yên chờ quân Dù, rõ ràng 3 hôm nữa thì quá muộn; cho nên một mặt ông điều xe của BCH Quân vận 5 chở hàng trăm tấn đạn đại bác lên Khánh Dương để đánh theo chiến thuật “pháo binh + trinh sát bộ binh” (Trinh sát bộ binh là 5 đại đội của Tiểu đoàn 231/ĐPQ, 4 đại đội tác chiến chia ra làm 4 cánh trinh sát, cánh thứ 5 là đại đội chỉ huy).

Đồng thời ông cũng điều Trung đoàn 40 thuộc Sư đoàn 22 BB bỏ ngõ vùng hoạt động tại Bắc Bình Định lên Khánh Dương. Trong khi người Phó của ông là Tướng Trần Văn Cẩm và Bộ tham mưu Quân đoàn II đang chuẩn bị cho một cuộc hành quân triệt thoái trên Liên tỉnh lộ 7. Tướng Phú hy vọng số quân triệt thoái (5 liên đoàn BĐQ, 2 tiểu đoàn Pháo hạng nặng, 1 trung đoàn tăng) sẽ là lực lượng chặn 4 sư đoàn địch trên Quốc lộ 21.

Trong khi tình hình Quân khu 2 lâm vào cảnh hiểm nghèo như thế thì hồi ký của Tướng Cao Văn Viên không hề có lấy một dòng chữ động tới việc ông đã ra lệnh như thế nào hoặc làm gì để giúp Tướng Phú trong suốt khoảng thời gian từ khi trận Ban Mê Thuột bắt đầu nổ ra cho tới ngày quân CSVN thanh toán xong BMT và bắt đầu tràn xuống Nha Trang.

Năm 1975, ngày 15 – 3, lúc 3 giờ sáng, Tiểu đoàn 231 ĐPQ từ Ninh Thuận lên đến Chi Khu Khánh Dương. Đây là Tiểu đoàn thứ 5 được thả vào trận địa Khánh Dương, và chỉ đơn độc một tiểu đoàn. Bốn tiểu đoàn ĐPQ trước đó đã bị đánh tan.

Lúc này Tướng Phú vẫn còn hy vọng giải tỏa Quốc lộ 21 tại Đồi 519 để thông đường tiếp vận cho Sư đoàn 23 BB/VNCH và lực lượng tái chiếm Ban Mê Thuột đang tập trung tại Chi khu Phước An, là quận giáp giới với Chi khu Khánh Dương của tỉnh Khánh Hòa.

** Chú giải: Trích lời kể của Trưởng ban hành quân Tiểu đoàn 231/ĐPQ:*

“Đoàn xe chúng tôi lên đến Khánh Dương khoảng 3 giờ sáng. Còn cách trận địa 10 cây số thì đoàn xe phải tắt đèn pha và đi bằng đèn mắt cáo trong đêm. Từ xa chúng tôi đã nghe tiếng đại bác nổ ran như cả một thành phố đốt pháo tết, trong đời tôi chưa bao giờ nghe đạn đại bác nổ với nhịp độ như vậy.

Khi xe của tôi và Tiểu đoàn trưởng vừa ngừng tại bãi đậu xe thì Đại úy Tiểu đoàn phó từ xe khác bước tới: “Thiếu tá ơi! Không tư cách gì sống nổi Thiếu tá ơi!”... Chúng tôi vừa bước xuống xe thì có 2 sĩ quan hành quân thuộc Tiểu khu Khánh Hòa đến trao “lệnh hành quân” và thuyết trình hành quân ngay tại bãi đậu xe, dưới ánh đèn pin.

Theo như mục tình hình của “lệnh hành quân” thì quân số địch là 1 tiểu đoàn “Cơ động tình” (Tiểu đoàn địa phương) nhưng họ có ưu thế là chiếm trước trận địa và đã bố trí trận địa quanh khu vực Đồi 519. Do đó nhiệm vụ của Tiểu đoàn chúng tôi là áp sát khu vực xung quanh đồi 519 để thám sát, điều nghiên vị trí bố phòng của địch.

Tuy nhiên với kinh nghiệm của một người sĩ quan tham mưu tôi biết trong lệnh hành quân này có điều gì lắt léo, bởi vì một tiểu đoàn không thể hành quân dàn hàng ngang 18 cây số (suốt bề ngang của thung lũng Khánh Dương). Do đó sau khi Thiếu tá Tiểu đoàn trưởng và Đại úy Tiểu đoàn phó không có thắc mắc gì thêm, tôi kéo hai sĩ quan của Khánh Hòa là Trung úy Minh và Trung úy Hạnh ra ngoài xa để hỏi cho biết sự thật.

Nguyên trước đây 4 tháng tôi là Trưởng ban Điều hợp lực lượng diện địa của Phòng 3 Tiểu khu Khánh Hòa (Phòng 3 là phòng hành quân). Trung úy Minh và Trung úy Hạnh là sĩ quan thuộc cấp của tôi. Còn người hiện đang làm Trưởng ban hành quân của Bộ chỉ huy hành quân Tiền phương tại Khánh Dương là Thiếu tá Nguyễn Xuân Hớn, Trưởng phòng 3 của Tiểu khu Khánh Hòa, tức là ông xếp cũ của tôi. Giao tình của tôi và 17 sĩ quan trong Phòng hành quân Tiểu khu Khánh Hòa như anh em một nhà.

Khi đã cùng nhau đứng cách xa bãi đậu xe, hai người anh em của tôi cho biết họ không được phép nói sự thật nhưng họ bảo tôi có thể vào hỏi sự thật nơi Thiếu tá Hớn, Trưởng ban hành quân của Bộ chỉ huy hành quân. Họ cũng cho tôi biết là chiến trận tại Đồi 519 không phải xảy ra vào ngày 10-3, tức là ngày đánh Ban Mê Thuột, mà đã xảy ra trước đó 7 ngày; và đã có 2 tiểu đoàn của Khánh Hòa và 1 tiểu đoàn của Ninh Thuận đã tiêu tan trong cố gắng nhỏ chốt Đồi 519, giải tỏa Quốc lộ 21 để thông đường tiếp tế cho Ban Mê Thuột.

Tôi bước vào lều của Bộ chỉ huy hành quân. Thiếu tá Hớn đứng chết sững khi biết tôi là Trưởng ban hành quân của Tiểu đoàn sắp được đem ra thí. Ông cho tôi biết tất cả sự thật mà chỉ có vài người cao cấp nhất trong Tiểu khu Khánh Hòa mới được biết: Lực lượng địch chốt tại Đồi 519 không phải là 1 tiểu đoàn địa phương mà là Trung đoàn chủ lực Miền, Trung đoàn 25 CSVN.

Bộ tư lệnh Quân đoàn 2 dự đoán lực lượng đang tấn công Ban Mê Thuột phải trên 1 sư đoàn cho nên không còn hy vọng tái chiếm Ban Mê Thuột. BTL Quân đoàn đã tính tới kế hoạch lập tuyến phòng thủ tại Chi khu Phước An để ngăn chặn quân CSVN từ Ban Mê Thuột tràn

xuống. Nhưng Chi khu Phước An sẽ không thể lập thành tuyến phòng thủ bởi vì sau lưng Phước An, trên đường xuống đồng bằng, là Đồi 519 đang do quân CSVN chiếm giữ.

Do đó chỉ còn có cách là lực lượng của Sư đoàn 23 tại Phước An đánh xuống và quân Khánh Hòa, Ninh Thuận từ Khánh Dương đánh lên, nếu thành công thì lấy đồn Chu Cúc làm địa đầu giới tuyến để ngăn chặn quân CSVN từ BMT, còn đồn 519 là đồn hỗ trợ cho đồn Chu Cúc. Tuy nhiên phía Khánh Hòa đã tiêu tan hết 4 tiểu đoàn tại khu vực Đồi 519, giờ đây chỉ còn duy nhất Tiểu đoàn 231/ĐPQ.

Trong khi đó lực lượng Sư đoàn 23 BB tại Phước An hình như đang trong tình trạng không ổn định (Đã bị tan hàng). Vì vậy giờ đây nhiệm vụ của 231/ĐPQ là xé lẻ Tiểu đoàn thành 5 đại đội trình sát dàn hàng ngang suốt thung lũng Khánh Dương để phát hiện quân địch tràn xuống. Khi phát hiện địch từ xa thì chỉ gọi pháo binh rồi để cho phi cơ và pháo binh đánh trận chứ quân bộ binh không đánh. Đặc biệt không có máy bay tán thương, phương tiện tán thương chỉ là khiêng về phía sau bằng cách đi bộ. Nhưng có lẽ phải bỏ thương binh lại bởi vì sẽ rút không kịp nếu bị tấn công.

Nhiệm vụ của 231/ĐPQ là làm sao cầm chân quân CSVN trong 3 ngày; sau 3 ngày sẽ có 1 lữ đoàn Dù lên Khánh Dương khóa đèo M'Drak, lập phòng tuyến vững chắc ngay tại đầu đèo, nhường BMT và Khánh Dương cho CSVN. Trong khi đó sẽ có 1 Lữ đoàn TQLC sẽ được đưa tới phía Tây Chi khu Diên Khánh để khóa hệ thống đường mòn từ Biên giới Lào Việt xuống Khánh Hòa. Con đường này đã được CSVN thiết lập kể từ ngày có lệnh ngưng bắn năm 1973.

Như vậy yêu cầu chiến thuật của TĐ 231/ĐPQ là vừa đánh vừa rút trong 3 ngày (trì hoãn chiến) chứ không được chạy dài một mạch. Nếu biết sự thật này thì không một vị chỉ huy tiểu đoàn ĐPQ nào dám đi bởi vì ĐPQ chỉ chuyên canh gác đồn bót, cầu cống, làng xã chứ không có khả năng ứng dụng chiến thuật lui binh. Họ chỉ chịu đi nếu như họ bị đánh lừa như đã ghi trong lệnh hành quân. Nhưng hễ bị đánh lừa thì một khi đụng trận họ sẽ chạy dài như 4 Tiểu đoàn ĐPQ trong vòng 10 ngày trước đó. Do đó chiến thuật trì hoãn chiến, đánh cầm chừng trong 3 ngày sẽ khó có thể thực hiện được nếu người điều quân không phải là một sĩ quan xuất sắc về tham mưu cũng như về chỉ huy.

Sau khi cho biết rõ tình hình, Thiếu tá Hớn kết luận Tiểu đoàn của tôi là một Tiểu đoàn bị đem ra thí trước khi quân Dù khóa đèo M'Drak. Hy vọng sống sót trở về rất mong manh. Giờ đây tôi có hai lựa chọn: một là điều động Tiểu đoàn sao cho có vẻ là một cuộc hành quân thám sát trong khi cố gắng tránh chạm địch nhưng vẫn bám địa bàn để gọi pháo binh và phi cơ. Hai là đi tạt về một phía an toàn chứ không bắt buộc phải dàn đội hình trước khu vực đồi 519, và sẽ chạy dài về phía sau một khi bị pháo hay bị tấn công.

“Mày có quyền làm theo lương tâm của chính mày; một bên là trách nhiệm đối với đất nước, một bên là mạng sống của mày và của anh em binh sĩ trong tiểu đoàn”. Thiếu tá Hớn đã nói câu kết thúc với tôi như vậy.

Tôi hỏi lại Thiếu tá Hớn là ở trên không còn cách nào khác nữa sao? Thiếu tá Hớn cho biết là đã hết cách vì hiện thời không còn quân (BCH/Tiểu khu Khánh Hòa và BTL/ Quân đoàn 2). Sau hai phút cân nhắc, tôi trả lời Thiếu tá Hớn là tôi sẽ làm theo những gì mà bộ chỉ huy chiến trường mong muốn, mặc dầu như vậy là tôi phải lừa dối binh sĩ trong tiểu đoàn và phải chịu trách nhiệm với gia đình của họ nếu chẳng may họ không trở về.

Thiếu tá Hớn cảm động bắt tay tôi thật chặt, có lẽ là để cảm ơn tôi nhưng cũng có thể là để vĩnh biệt bởi vì ông biết chúng tôi khó trở về; sau đó ông cho tôi những đặc lệnh truyền tin đặc biệt để liên lạc riêng với ông cũng như với sĩ quan “quan sát viên điều không tiền tuyến” của Tiểu khu Khánh Hòa. Ông cũng chỉ cho tôi các hướng có thể chạy về vùng an toàn nếu may mắn còn sống sót.

Việc tôi trở lại Khánh Hòa để đánh trận Khánh Dương như là đã có duyên tiền định: Gặp lại và làm việc với những sĩ quan bạn bè cũ tại Khánh Hòa không phải là duyên kỳ lạ duy nhất, Đại úy Tiểu đoàn phó Nguyễn Văn Thắng mới đổi về Tiểu đoàn 2 tháng nay nguyên là ông Liên đội phó Địa Phương Quân của tôi khi tôi mới từ LLDB chuyển qua ĐPQ cách đây 4 năm.

Còn Đại đội trưởng Đại đội 3 của Tiểu đoàn là Đại úy Ngô Đình Lý, nguyên Đại đội trưởng Đại đội Biệt kích 554 thuộc Trại Trung Dũng, Thành, Nha Trang. Lúc tôi mới ra trường về làm “Sĩ quan cố vấn” cho Đại đội 554 thì Lý là một đại đội trưởng dân sự chiến đấu, không có cấp bậc. Trong Tiểu đoàn còn có Thiếu Úy Nguyễn Ngọc Hòa, đại đội phó Đại đội chỉ huy, nguyên cũng là Trung đội trưởng Trung đội thám sát 72 của Trại Biệt kích Trung Dũng, thứ đó Hòa cũng không có cấp bậc.

Đại đội trưởng Đại đội 1 của Tiểu đoàn là Đại úy Nguyễn Văn Mới cũng là sĩ quan LLDB cùng chuyển qua Địa Phương Quân cùng một lượt với tôi vào năm 1971. Còn Đại đội trưởng Đại đội 2 của Tiểu đoàn là Trung úy Lê Bá Luyện, trước đó 2 tháng là Trưởng ban hành quân của Chi khu Khánh Dương, quen biết với tôi khi tôi còn làm việc tại Phòng hành quân Tiểu khu Khánh Hòa. Do đó Trung úy Luyện rất rành địa thế Khánh Dương và quen với cách làm việc của từng người trong BCH Chi Khu

Chính vì quen biết thân tình với hầu hết các vị sĩ quan chỉ huy trong Tiểu đoàn cho nên tôi biết tính ý từng người và ngược lại họ cũng tin tưởng nơi khả năng của tôi mà họ đã biết từ trước. Riêng ông Tiểu đoàn trưởng Thiếu tá Nguyễn Duy Hoàng thì yên tâm giao khoán mọi việc cho tôi với ông Tiểu đoàn phó.

Có lẽ đây là lần đầu tiên ông ra trận, trước đó ông chỉ phục vụ trong các Trung tâm huấn luyện. Ông cũng mới đổi về Tiểu đoàn cách đây 2 tháng để thay thế Đại úy Bùi Hữu Kiệt (Khóa 20 Võ bị Đà Lạt) đã tử trận tại Bình Định trong thời gian chúng tôi tăng phái cho Chi Khu Tam Quan 4 tháng trước đó. Nhờ vậy mà tôi mới có thể thi hành chính xác yêu cầu thực sự của Bộ chỉ huy hành quân mà ngay cả các vị sĩ quan chỉ huy trong tiểu đoàn cũng không hay biết”.

Các sĩ quan trong Tiểu đoàn đặt hết tin tưởng nơi tôi qua thời gian 2 tháng tôi giữ chức vụ Trưởng ban hành quân Tiểu đoàn tại chiến trường Bình Định, nhất là trong khoảng thời gian Tiểu đoàn trưởng Bùi Hữu Kiệt tử trận mà không có Tiểu đoàn phó. Riêng đối với trận địa Khánh Dương thì tôi là người rành địa hình nhất và quen với lối làm việc của những người trong Bộ chỉ huy hành quân Tiểu khu Khánh Hòa.

Trong khi đó người Chỉ huy trực tiếp tại Bộ chỉ huy tiền phương là Đại tá Tiểu khu trưởng Lý Bá Phẩm và Trung tá Tham mưu trưởng Ngô Quý Hùng cũng ra lệnh cho tôi trên máy như là với một người đàn em thân thiết, không phải như một đơn vị tăng phái.

Cũng vì sự tin tưởng chân thành của những sĩ quan bạn bè trong tiểu đoàn mà lương tâm tôi bị đè nặng bởi mặc cảm tội lỗi là mình đang lừa dối họ.

Sau 1 ngày nghỉ ngơi lấy sức, 8 giờ sáng ngày 16-3 chúng tôi xuất phát từ Buôn M'Dung tiến về phía đồi 519. Khoảng một tiếng sau tôi nhận được lời nhắn của Thiếu tá Hớn hây sang tần số đặc biệt giữa hai chúng tôi. Sau khi sang tần số đặc biệt ông chuyển cho tôi một câu nhắn tin được ngụy hóa bằng "khóa đối chứng" (Bảng mã của ngành truyền tin).

Sau khi người lính mang máy cho tôi biết nguyên văn lời nhắn là " Quân số địch là 3X", người lính đó hỏi tôi 3X là bao nhiêu? Tôi trả lời ngay là 1 Trung đoàn (do tôi bị ám ảnh bởi lời của Thiếu tá Hớn trước đó quân số địch là 1 trung đoàn). Tuy nhiên đi thêm được vài bước thì người tôi chợt lạnh toát, mồ hôi vã ra; bởi vì tôi sức nhớ lại 3X là một quân đoàn (3 sư đoàn Bộ binh, 1 sư đoàn pháo, 1 sư đoàn tăng).

Tôi mất hồn, không phải vì tính mạng mỏng manh của chúng tôi, mà vì tương lai hiểm nghèo của đất nước. Địch đã tập trung tại BMT một quân đoàn thì dĩ nhiên địch quân sẽ không dừng tại đây, chắc chắn họ sẽ tràn xuống Khánh Hòa! Làm sao mà Tiểu đoàn của tôi có thể cản nổi bước tiến của họ trước khi quân Dù khóa đèo M'Drak? (Chúng tôi chỉ có 377 người, trong khi địch quân có khoảng 40.000 người).

Lúc đó là 9 giờ sáng nhưng tôi có cảm tưởng như là trời đang hoàng hôn, cảnh vật mờ ảo như trong một giấc mơ. Nhìn loáng thoáng bóng những người lính lặng lẽ tiến bên cạnh lòng tôi tê điếng vì thương xót, chỉ một mình tôi biết chắc là họ sẽ không thể trở về".

28/3/2016

Bùi Anh Trinh

*** Chú thích của người viết:**

Trưởng ban hành quân của Tiểu đoàn 231 ĐPQ chính là tôi, Trung Úy Bùi Anh Trinh. Diễn tiến của trận đánh sẽ được kể trong các bài kế tiếp. Lúc ra đi chúng tôi có 377 người. Và khi về còn có 72 người.

Thiếu tá Tiểu đoàn trưởng Nguyễn Duy Hoàng, Đại úy Đại đội trưởng ĐĐ chỉ huy Lương Văn Thông và tôi hiện đang sinh sống tại Little Saigon, Cali. Thiếu tá Nguyễn Xuân Hớn đang sinh sống tại Boston USA. Trung tá Ngô Quý Hùng hiện đang sinh sống tại VN, ông từ chối đi Mỹ mặc dầu ông trải qua 13 năm trong trại tù.

Riêng đối với Châu Xuân Nguyễn,

Có lẽ tôi sẽ không đưa bài viết này lên net nếu không có những lời chia sẻ chân tình của Châu. Nhìn lại suốt cuộc đời binh nghiệp của mình, tôi tự thấy mình đủ tư cách đại diện cho những người lính VNCH để nói chuyện với những người như Châu mà không hề hổ thẹn: Tháng 4 năm 1975 chúng tôi đã làm xong bổn phận, chẳng qua là chúng tôi không chết.

Khi quyết định khoác vào người chiếc áo lính thì chúng tôi đã chấp nhận điều tệ hại nhất, đó là cái chết. Khi mà Châu và các bạn đang đùa chơi trên sân trường Trung học Kiểu mẫu Thủ Đức thì có biết ở dưới bãi tập nhìn lên chúng tôi đã nghĩ gì hay không? Chúng tôi nghĩ: "Ngày này sang năm không biết mình có còn sống để nhìn những hình ảnh đẹp như thế này hay không?"

Bất hạnh là chúng tôi không chết, nhưng *những hình ảnh đẹp cũng không còn*. Cho nên chỉ có chúng tôi mới có quyền đại diện cho VNCH, có quyền phê phán những người lính VNCH. Chúng tôi đi giết người là vì cái gì; chúng tôi đã làm đúng hay sai thì tự chúng tôi biết; chúng tôi đã làm tròn bổn phận đối với đất nước hay chưa thì tự chúng tôi biết.

Năm 1975 tôi bước chân vào trại tù để trả giá cho việc làm của mình ngày trước nhưng tôi không hề ân hận hay hối tiếc. Rất nhiều người trong bọn họ đã ngã chết dưới tay tôi cho nên tôi tự nghĩ nếu như giờ đây họ bắt mình phải chết thì cũng còn lời chán. Trong bản kê khai với họ tôi tự nhận mình đã “giết hại” 35 người của họ. Cho nên giờ đây nếu tôi có chết 35 lần thì chỉ mới “huề”; còn như chết 1 lần thì chính bản thân người làm lính đã cam nhận kể từ khi quyết định cầm lấy khẩu súng.

Sau khi ra khỏi trại tù chúng tôi tự nghĩ là đã trả xong ân oán đối với bọn họ. Nhưng những gì mà chúng tôi chứng kiến ở ngoài khiến chúng tôi biết rằng ân oán giữa bọn họ với dân tộc Việt Nam chỉ là mới bắt đầu. Đến lúc này chúng tôi mới thực sự ân hận; trước kia chúng tôi đã đối xử với họ quá nhân đạo, và cái nhân đạo đó đã trở thành quá tai hại!

Lâu nay chúng tôi im lặng bởi vì không còn gì để nói, chúng tôi không muốn thanh minh hay bào chữa. Chúng tôi tự thấy hổ thẹn đối với cái chết của 250 ngàn người anh em của chúng tôi và 58 ngàn chiến hữu Hoa Kỳ; chúng tôi đành để cho hình ảnh người lính VNCH và người lính Hoa Kỳ mờ dần theo thời gian.

Nhưng vì thấy chúng tôi im lặng cho nên hiện nay người ta đang muốn bôi xấu chúng tôi để âm mưu biến “bên thắng cuộc” trở thành “bên chính nghĩa”. Do đó chúng tôi buộc lòng phải lên tiếng, không phải để "khơi lại hận thù", nhưng mà để bảo vệ thanh danh của 250 ngàn chiến hữu VNCH và 58 ngàn chiến hữu Hoa Kỳ đã nằm lại tại chiến trường Việt Nam.



Chỉ một mình tôi biết chắc là họ sẽ không thể trở về!

Nguồn: <https://tusachonline.wordpress.com/2014/07/17/sau-mau-than-my-khong-con-hy-vong-bui-anh-trinh/>

www.vietnamvanhien.org



VIỆT NAM VĂN HIẾN

www.vietnamvanhien.info



TỦ SÁCH VĂN HIẾN TRÊN MANG VỚI HƠN 11500 TÁC PHẨM & TIẾT MỤC